MỤC LỤC

Table of Contents

CHƯƠNG 1 – KHẢO SÁT 1

1.1 Giới thiệu 1

1.2 Khảo sát 2

CHƯƠNG 2 – PHÂN TÍCH YÊU CẦU 7

2.1. Đặc tả yêu cầu 7

2.2. Các tác nhân trong hệ thống 7

2.3. Các Use Case trong hệ thống 8

CHƯƠNG 3 – THIẾT KẾ YÊU CẦU 14

3.1. Sơ đồ Use Case 14

3.2. Đặc tả Use Case 14

3.3 Sơ đồ hoạt động (Activity Diagram) 41

3.3.17 Usecase quản lý ngày nghỉ phép 57

3.3.18 Usecase thêm nhân viên 58

3.3.19 Usecase xóa nhân viên 59

3.3.20 Usecase đổi vị trí nhân viên 60

3.3.21 Usecase quản lý chuỗi cửa hàng 61

3.3.22 Usecase kiểm tra và cập nhật thuốc 62

3.3.23 Usecase yêu cầu nhập hàng 63

3.3.24 Usecase lập đơn nhập hàng 64

3.3.25 Usecase xem tình trạng thuốc 65

3.3.26 Usecase nhập hàng 66

3.3.27 Usecase yêu cầu vận chuyển 67

3.3.28 Usecase vận chuyển thuốc *68*
3.3.29 Usecase xem hồ sơ *68*
3.3.30 Usecase tạo tài khoản cho nhân viên *69*
3.3.31 Usecase sửa thông tin tài khoản *70*
3.3.32 Usecase xóa tài khoản *71*
3.4 Sơ đồ tuần tự *72*
3.4.1 Usecase đăng nhập *72*
3.4.2 Usecase đăng xuất *72*
3.4.3 Usecase quên mật khẩu *73*
3.4.4 Usecase mua thuốc tại cửa hàng *74*
3.4.5 Usecase mua thuốc qua hệ thống *74*
3.4.6 Usecase thanh toán tiền mặt *75*
3.4.7 Usecase thanh toán qua thẻ *75*
3.4.8 Usecase tạo tài khoản cho khách hàng *76*
3.4.9 Usecase tư vấn khách hàng *76*
3.4.10 Usecase bán thuốc *78*
3.4.11 Usecase cập nhật hóa đơn *79*
3.4.12 Usecase in hoá đơn *80*
3.5 Mô hình thực thể ERD *95*
3.6 Sơ đồ Class (Class Diagram) *95*

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU, HÌNH VẼ, ĐỒ THỊ

DANH MỤC HÌNH

Hình 1 Hình ảnh về cửa hàng thuốc Pharmacity-0l 1

Hình 2 Sơ đồ usecase tổng quát 14

Hình 3 Sơ đồ hoạt động use case đăng nhập 39

Hình 4 Sơ đồ hoạt động use case đăng xuất 40

Hình 5 Sơ đồ hoạt động use case quên mật khẩu 41

Hình 6 Sơ đồ hoạt động use case mua thuốc tại cửa hàng 42

Hình 7 Sơ đồ hoạt động use case mua thuốc qua hệ thống 43

Hình 8 Sơ đồ hoạt động use thanh toán tiền mặt 44

Hình 9 Sơ đồ hoạt động use case thanh toán qua thẻ 45

Hình 10 Sơ đồ hoạt động use case tạo tài khoản cho khách hàng 46

Hình 11 Sơ đồ hoạt động use case tư vấn khách hàng 47

Hình 12 Sơ đồ hoạt động use case bán thuốc 48

Hình 13 Sơ đồ hoạt động use case cập nhật hóa đơn 49

Hình 14 Sơ đồ hoạt động use case in hóa đơn 50

Hình 15 Sơ đồ hoạt động use case thống kê chi thu theo tháng 51

Hình 16 Sơ đồ hoạt động use case thống kê chi thu theo quý 52

Hình 17 Sơ đồ hoạt động use case thống kê chi thu theo năm 53

Hình 18 Sơ đồ hoạt động use case quản lý lương 54

Hình 19 Sơ đồ hoạt động use case quản lý ngày nghỉ phép 55

Hình 20 Sơ đồ hoạt động use case thêm nhân viên 56

Hình 21 Sơ đồ hoạt động use case xóa nhân viên 57

Hình 22 Sơ đồ hoạt động use case đổi vị trí nhân viên 58
Hình 23 Sơ đồ hoạt động use case quản lý chuỗi cửa hàng 59
Hình 24 Sơ đồ hoạt động use case kiểm tra và cập nhật thuốc 60
Hình 25 Sơ đồ hoạt động use case yêu cầu nhập hàng 61
Hình 26 Sơ đồ hoạt động use case lập đơn nhập hàng 62

Hình 27 Sơ đồ hoạt động use case xem tình trạng thuốc 63
Hình 28 Sơ đồ hoạt động use case nhập hàng 64
Hình 29 Sơ đồ hoạt động use case yêu cầu vận chuyển 65
Hình 30 Sơ đồ hoạt động use case vận chuyển thuốc 66
Hình 31 Sơ đồ hoạt động use case xem hồ sơ 66
Hình 32 Sơ đồ hoạt động use case tạo tài khoản cho nhân viên 67
Hình 33 Sơ đồ hoạt động use case sửa thông tin tài khoản 68
Hình 34 Sơ đồ hoạt động use case xóa tài khoản 69
Hình 35 Sơ đồ tuần tự use case đăng nhập 70
Hình 36 Sơ đồ tuần tự use case đăng xuất 71
Hình 37 Sơ đồ tuần tự use case quên mật khẩu 72
Hình 38 Sơ đồ tuần tự use case mua thuốc tại cửa hàng 72
Hình 39 Sơ đồ tuần tự use case mua thuốc qua hệ thống 73
Hình 40 Sơ đồ tuần tự use thanh toán tiền mặt 73
Hình 41 Sơ đồ tuần tự use case thanh toán qua thẻ 74
Hình 42 Sơ đồ tuần tự use case tạo tài khoản cho khách hàng 74
Hình 43 Sơ đồ tuần tự use case tư vấn khách hàng 75
Hình 44 Sơ đồ tuần tự use case bán thuốc 76

Hình 45 Sơ đồ tuần tự use case cập nhật hóa đơn 77
Hình 46 Sơ đồ tuần tự use case in hóa đơn 78
Hình 47 Sơ đồ tuần tự use case thống kê chi thu theo tháng 78
Hình 48 Sơ đồ tuần tự use case thống kê chi thu theo quý 79
Hình 49 Sơ đồ tuần tự use case thống kê chi thu theo năm 79
Hình 50 Sơ đồ tuần tự use case quản lý lương 80
Hình 51 Sơ đồ tuần tự use case quản lý ngày nghỉ phép 80
Hình 52 Sơ đồ tuần tự use case thêm nhân viên 81
Hình 53 Sơ đồ tuần tự use case xóa nhân viên 81
Hình 54 Sơ đồ tuần tự usecase đổi vị trí nhân viên 82
Hình 55 Sơ đồ tuần tự use case quản lý chuỗi cửa hàng 83
Hình 56 Sơ đồ tuần tự usecase xem xét tình trạng thuốc của các cửa hàng 84
Hình 57 Sơ đồ tuần tự use case yêu cầu nhập hàng 84
Hình 58 Sơ đồ tuần tự use case lập đơn nhập hàng 85
Hình 59 Sơ đồ tuần tự use case kiểm tra và cập nhật thuốc 85
Hình 60 Sơ đồ tuần tự use case nhập hàng 86
Hình 61 Sơ đồ tuần tự use case yêu cầu vận chuyển 87
Hình 62 Sơ đồ tuần tự use case vận chuyển thuốc 88
Hình 63 Sơ đồ tuần tự use case xem hồ sơ 89
Hình 64 Sơ đồ tuần tự use case tạo tài khoản cho nhân viên 90
Hình 65 Sơ đồ tuần tự use case sửa thông tin tài khoản 91
Hình 66 Sơ đồ tuần tự use case xóa tài khoản 92
Hình 67 Mô hình thực thể ERD 93
Hình 68 Sơ đồ Class 93

Hình 69 Mô hình thác nước 95

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1 Bảng câu hỏi phỏng vấn 2
Bảng 2 Các tác nhân trong hệ thống 9
Bảng 3 Các Usecase trong hệ thống 9
Bảng 4 Đặc tả usecase đăng nhập 14
Bảng 5 Đặc tả usecase đăng xuất 15
Bảng 6 Đặc tả usecase quên mật khẩu 16
Bảng 7 Đặc tả usecase mua thuốc tại cửa hàng 17
Bảng 8 Đặc tả usecase mua thuốc qua hệ thống 18
Bảng 9 Đặc tả usecase thanh toán bằng tiền mặt 19
Bảng 10 Đặc tả usecase thanh toán qua thẻ ngân hàng 19
Bảng 11 Đặc tả usecase tạo tài khoản cho khách hàng 20
Bảng 12 Đặc tả usecase tư vấn khách hàng 21
Bảng 13 Đặc tả usecase bán thuốc 22
Bảng 14 Đặc tả usecase cập nhật hoá đơn 23
Bảng 15 Đặc tả usecase in hoá đơn 23
Bảng 16 Đặc tả usecase thống kê chi thu theo tháng 24
Bảng 17 Đặc tả usecase thống kê chi thu theo quý 25
Bảng 18 Đặc tả usecase thống kê chi thu theo năm 25
Bảng 19 Đặc tả usecase quản lý lương 26
Bảng 20 Đặc tả usecase quản lý ngày nghỉ phép 27

Bảng 21 Đặc tả usecase thêm nhân viên 28
Bảng 22 Đặc tả usecase xóa nhân viên 29
Bảng 23 Đặc tả usecase đổi vị trí nhân viên 29
Bảng 24 Đặc tả usecase quản lý chuỗi cửa hàng 30
Bảng 25 Đặc tả usecase xem xét tình trạng thuốc của các cửa hàng 31
Bảng 26 Đặc tả usecase yêu cầu nhập hàng 32
Bảng 27 Đặc tả usecase lập đơn hàng 32
Bảng 28 Đặc tả usecase kiểm tra và cập nhật thuốc 33
Bảng 29 Đặc tả usecase nhập hàng 34
Bảng 30 Đặc tả usecase yêu cầu vận chuyển 35
Bảng 31 Đặc tả usecase vận chuyển thuốc 35
Bảng 32 Đặc tả usecase xem hồ sơ 36
Bảng 33 Đặc tả usecase tạo tài khoản cho nhân viên 37
Bảng 34 Đặc tả usecase sửa thông tin tài khoản 38
Bảng 35 Đặc tả usecase xóa tài khoản 38
Bảng 36 Bảng phân công và đánh giá 97

CHƯƠNG 1 – KHẢO SÁT

1.1 Giới thiệu

Được thành lập vào tháng 11/2011, Pharmacity là một trong những chuỗi nhà thuốc bán lẻ hiện đại đầu tiên tại thị trường Việt Nam, luôn luôn hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho từng khách hàng.

Điều này, trước đây vốn chỉ nằm trong ý tưởng của ông Chris Blank – nhà sáng lập công ty, một dược sỹ người Mỹ làm việc nhiều năm tại Việt Nam. Với niềm đam mê và sự sáng tạo của mình, ông Chris Blank đã thành lập nên Pharmacity và mang đến những trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng.



Hình 1 Hình ảnh về cửa hàng thuốc Pharmacity-0l

Hiện nay Pharmacity đã có hệ thống nhà thuốc rải khắp các quận tại TP.HCM và nhiều tỉnh, thành phố lớn Hà Nội, Đà Nẵng, Cần Thơ, Thừa Thiên Huế, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Dương, Long An, Đồng Nai, Tiền Giang… Chúng tôi

hướng mục tiêu đến 2021 đạt được 1.000 cửa hàng bán lẻ thuốc và thực phẩm chức năng tại Việt
Nam. Cùng với đó, trong tương lai Pharmacity sẽ mở rộng hệ thống của mình trên khắp cả nước, luôn hướng đến mục tiêu trở thành nhà thuốc bán lẻ hiện đại, mang đến trải nghiệm tối ưu cho khách hàng.

Tại các cửa hàng trong hệ thống Pharmacity, chúng tôi cung cấp đầy đủ những loại thuốc từ Tây y đến Đông y, bên cạnh đó, Pharmacity còn có những sản phẩm để bạn chăm sóc sức khỏe và sắc đẹp cho những người thân yêu trong gia đình. Những nhóm sản phẩm chính chúng tôi cung cấp, bao gồm:

- Dược phẩm
- Đông y
- Thực phẩm chức năng
- Sản phẩm chăm sóc sức khỏe và làm đẹp
- Thực phẩm bổ sung Vitamin và khoáng chất
- Sản phẩm bách hóa gia đình

Đến với mọi cửa hàng của Pharmacity, bạn đều được trải nghiệm và mua sắm những sản phẩm chất lượng cao, uy tín hàng đầu trên thị trường chăm sóc sức khỏe.

Mỗi một khách hàng đến Pharmacity đều được hỗ trợ tận tình, tư vấn tận tâm như kim chỉ nam cho hoạt động kinh doanh của chúng tôi: "Tiết kiệm hơn – Sống khỏe hơn".

1.3 Tổng quan hệ thống

1.3.1 Quy trình nghiệp vụ

Khách hàng mua thuốc bằng 2 hình thức đó là mua tại cửa hàng hoặc mua qua hệ thống . Nếu mua tại cửa hàng thì sẽ được Dược sĩ bán thuốc , nếu mua qua hệ thống thị phải có thể đăng nhập vào nhưng trước đó phải nhờ Dược sĩ tạo tài khoản . Khi mua thuốc tại chỗ hoặc online , nếu có loại thuốc bị hết thì hệ thống sẽ gửi yêu cầu này đến cho nhân viên kho , ngoài ra thì

quản lý cấp cao cũng có thể xem xét tình trạng thuốc của các chuỗi cửa hàng và tiến hành yêu cầu nhập hàng trước khi loại thuốc đó tại cửa hàng nào đó hết . Khi nhân viên kho nhận được yêu cầu nhập hàng thì liền lập đơn đặt hàng . Sau khi hàng về , kiểm tra thuốc và cập nhật lên hệ thống xong xuôi thì nhân viên kho bắt đầu gửi yêu cầu vận chuyển đến cho nhân viên vận chuyển . Những người này sẽ đưa thuốc đến cho các cửa hàng đã gửi yêu cầu nhập thuốc hoặc đi giao những đơn thuốc cho khách hàng mua thuốc qua hệ thống.

1.3.2 Đặc tả hệ thống

Hệ thống Pharmacity là chuỗi nhà thuốc lớn ,bao gồm các đối tượng là Admin , khách hàng , dược sĩ , kế toán , nhân viên kho , quản lí , quản lí cấp cao và nhân viên vận chuyển .

Về phía khách hàng : Khi muốn mua thuốc , khách hàng có thể chọn một trong hai cách đó là mua thuốc trực tiếp ở cửa hàng hoặc thông qua website nhưng trước đó phải có tài khoản và đăng nhập thành công mới có thể mua trên website được , ngoài ra sau khi và thanh toán xong thì khách hàng sẽ có hóa đơn và đơn thuốc sẽ được lưu lại bên trong tài khoản đó.

Về phía nhân viên : Hệ thống bao gồm 7 nhân viên với các nhiệm vụ khác nhau và cần phải có tài khoản và đăng nhập thành công vào hệ thống mới có thể bắt đầu làm việc với hiệu quả tốt nhất

1. **Admin :** Công việc chính là quản lí các tài khoản như sửa thông tin , xóa , xem hồ sơ và quan trọng nhất là tạo tài khoản cho nhân viên.
2. **Dược sĩ:** Là người trực tiếp làm việc với khách hàng , có nhiện vụ bán thuốc , thu tiền, tư vấn hỗ trợ cho khách hàng ,ngoài ra khách hàng phải thông qua họ để có thể tạo tài khoản để đăng nhập vào hệ thống . Sau khi bán hàng xong , họ còn xuất hóa đơn cho khách hàng .

3. **Kế toán:** Là người phụ trách công thống kê về thu và chi theo tháng , quý và năm đồng thời đảm nhiệm việc in hóa đơn và quản lí lương bổng . Đôi khi họ cũng có thể thu tiền để hỗ trợ dược sĩ .
4. **Nhân viên kho:** Là người phụ trách khâu nhập hàng về kho . Trước đó họ phải lập đơn nhập hàng và còn phải kiểm tra thuốc khi nhà cung cấp giao đến . Sau đó nhập dữ liệu thuốc lên hệ thống và cuối cùng là gửi yêu cầu vận chuyển đến cho nhân viên vận chuyển .
5. **Quản lý:** Là người phụ trách khâu tuyển thêm nhân viên , bỏ các nhân viên không còn và đổi vị trí cho họ , ngoài ra quản lý còn quản lý về ngày nghỉ phép, quản lý lương và báo cho admin biết khi nào có nhân viên mới vào để Admin có thể tạo tài khoản cho nhân viên đó.
6. **Quản lý cấp cao:** Là người phụ trách chính trong công việc quản lý chuỗi cửa hàng thuốc . Có thể xem xét tình trạng của các cửa hàng , cập nhật tình hình thuốc ở các cửa hàng và gửi yêu cầu nhập hàng cho các loại thuốc cần thiết.
7. **Nhân viên vận chuyển:** Là người phụ trách công việc vận chuyển thuốc từ đến địa chỉ được chỉ định , đó có thể là các nhà thuốc hoặc là người mua thuốc qua website .

CHƯƠNG 2 – PHÂN TÍCH YÊU CẦU

2.1. Đặc tả yêu cầu

Hệ thống quản lý chuỗi cửa hàng thuốc với các yêu cầu sau đây :

Xây dựng hệ thống phần mềm quản lý cần có những chức năng:

+ Quản lý nhân viên
+ Quản lý tài khoản
+ Quản lý kho
+ Quản lý chi thu

+ Quản lý chuỗi nhà thuốc

Các ràng buộc về thực thi và thiết kế hệ thống quản lý :

+ Giao diện chương trình được thiết kế đúng yêu cầu , đầy đủ chức năng , dễ nhìn , dễ dùng , dễ nhớ , dễ học ,sử dụng an toàn, thân thiện với người dùng.

+ Triển khai nhanh chóng , hiệu quả

+ Hệ thống hoạt động ổn định 24/7

+ Hệ thống báo cáo , các đơn vị có thể tùy chỉnh dễ dàng

+ Đáp ứng số lượng lớn lượt truy cập cùng một lúc

2.2. Các tác nhân trong hệ thống

Bảng 2 Các tác nhân trong hệ thống

STT	Tác nhân	Mô tả
1	Admin	_ Là người có nhiệm vụ quản lý tài khoản trên hệ thống và thường theo dõi hoạt động của các tài khoản trên hệ thống
2	Khách hàng	_Là người có nhu cầu mua thuốc _Được cấp tài khoản bởi dược sĩ để thuận tiện cho việc mua bán
3	Dược sĩ	_Là người đại diện cho hệ thống để làm việc với khách hàng , đồng thời hỗ trợ việc cấp cho khách hàng tài khoản , tư vấn cho khách hàng , …
4	Kế Toán	_Là người quản lý hóa đơn và thường thống kê về thu và chi của hệ thống thông qua các chu kì theo yêu cầu
5	Nhân viên kho	_Là người có nhiệm vụ quản lý về kho hàng , đảm bảo việc hàng hóa có đủ số lượng để buôn bán , ngoài ra còn phải kiểm tra thuốc
6	Quản lý	_Là người quản lý hệ thống nhân viên , quản lý lương , ngày nghỉ ,…
7	Nhân viên vận chuyển	_Là người phụ trách việc vận chuyển vật liệu cho khách hàng

8	Quản lý cấp cao	_Là người phụ trách việc công việc quản lý chuỗi cửa hàng thuốc

2.3. Các Use Case trong hệ thống

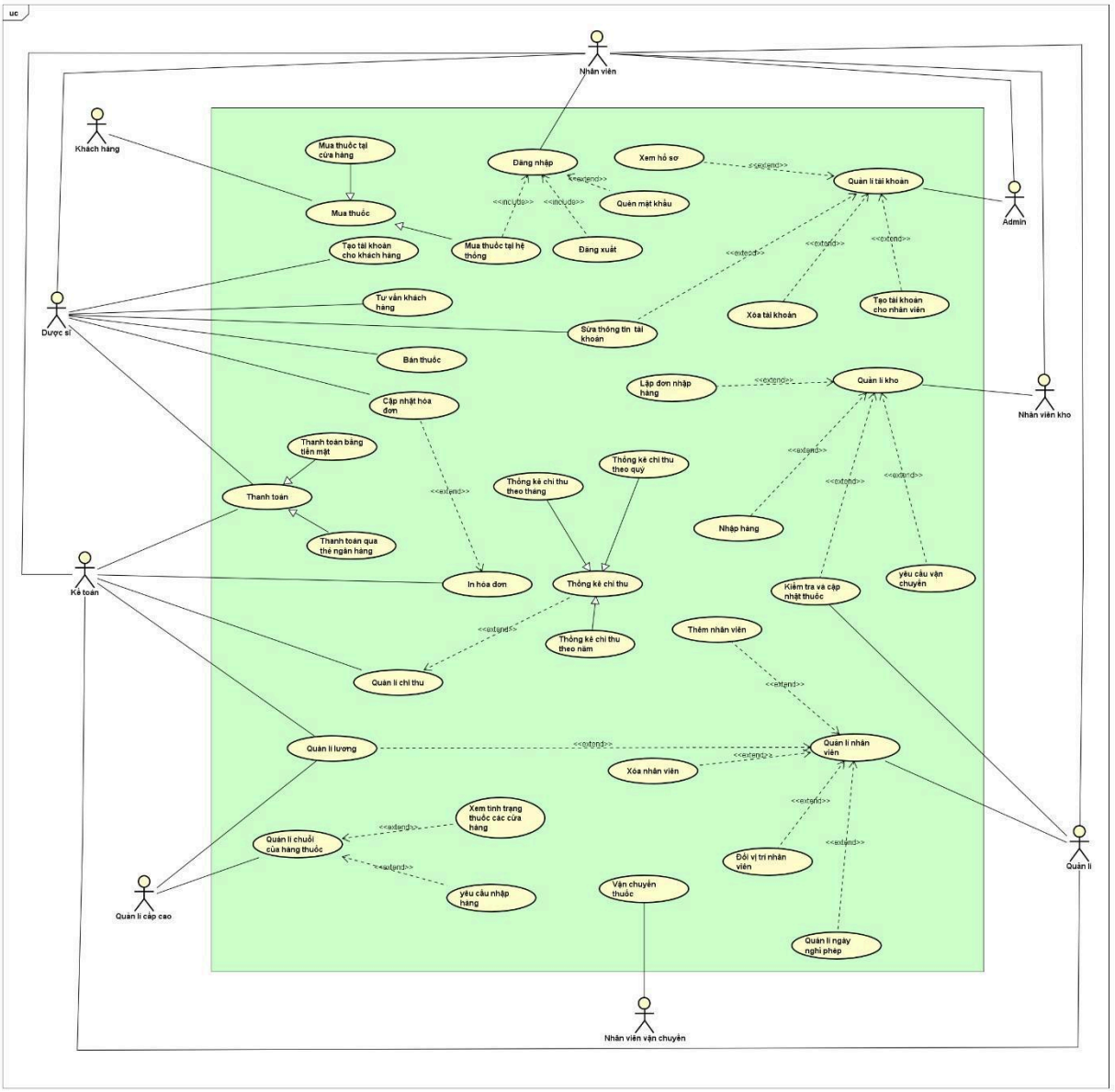
STT	Tên Usecase	Mô tả
UC01	Đăng nhập	Các tác nhân đăng nhập vào hệ thống để có những chức năng riêng biệt của tác nhân đó
UC02	Đăng xuất	Chỉ khi đã đăng nhập vào hệ thống thì tác nhân có thể đăng xuất
UC03	Quên mật khẩu	Các tác nhân thực hiện chức năng quên mật khẩu
UC04	Mua thuốc tại cửa hàng	Tác nhân khách hàng mua thuốc tại cửa hàng
UC05	Mua thuốc qua hệ thống	Tác nhân khách hàng mua thuốc qua hệ thống
UC06	Thanh toán tiền mặt	Các tác nhân thanh toán bằng tiền mặt
UC07	Thanh toán qua thẻ	Các tác nhân thanh toán qua thẻ ngân hàng
UC08	Tạo tài khoản cho khách hàng	Tác nhân Dược sĩ tạo tài khoản cho khách hàng
UC09	Tư vấn khách hàng	Tác nhân Dược sĩ tư vấn cho khách hàng
UC10	Bán Thuốc	Tác nhân Dược sĩ bán thuốc cho khách hàng
UC11	Cập nhật Hóa Đơn	Tác nhân Dược sĩ cập nhật hóa đơn
UC12	In hóa đơn	Các tác nhân thực hiện tác vụ in hóa đơn
UC13	Thống kê chi thu theo tháng	Tác nhân Kế toán thống kê chi thu theo tháng
UC14	Thống kê chi thu theo quý	Tác nhân Kế toán thống kê chi thu theo quý
UC15	Thống kê chi thu theo năm	Tác nhân Kế toán thống kê chi thu theo năm
UC16	Quản lý lương	Các tác nhân thực hiện tác vụ quản lý lương
UC17	Quản lý ngày nghỉ phép	Tác nhân Quản lý quản lý về ngày nghỉ phép
UC18	Thêm nhân viên	Tác nhân Quản lý tuyển thêm nhân viên
UC19	Xóa nhân viên	Tác nhân Quản lý xóa nhân viên
UC20	Đổi vị trí nhân viên	Tác nhân Quản lý đổi vị trí nhân viên
UC21	Quản lí chuỗi nhà thuốc	Tác nhân Quản lý cấp cao quản lý chuỗi cửa hàng thuốc
UC22	Xem xét tình trạng thuốc của các cửa hàng	Tác nhân Quản lý cấp cao xem xét tình hình thuốc ở chi nhánh cửa hàng thuốc của mình
UC23	Yêu cầu nhập hàng	Tác nhân Quản lý cấp cao gửi yêu cầu nhập hàng đến cho Nhân viên kho

UC24	Lập đơn nhập hàng	Tác nhân quản lý kho lập đơn nhập hàng
UC25	Kiểm tra và cập nhật thuốc	Các tác nhân kiểm tra và cập nhật thuốc
UC26	Nhập hàng	Tác nhân quản lý kho nhập hàng
UC27	Yêu cầu vận chuyển	Tác nhân quản lý kho gửi yêu cầu vận chuyển cho nhân viên vận chuyển thuốc về các chi nhánh cửa hàng
UC28	Vận chuyển thuốc	Tác nhân Nhân viên vận chuyển mang thuốc đến cho các chi nhánh cửa hàng
UC29	Xem hồ sơ	Tác nhân admin xem hồ sơ tài khoản trên hệ thống
UC30	Tạo tài khoản cho nhân viên	Tác nhân admin tạo tài khoản cho nhân viên trên hệ thống
UC31	Sửa thông tin tài khoản	Tác nhân admin sửa thông tin tài khoản trên hệ thống

Bảng 3 Các Usecase trong hệ thống

CHƯƠNG 3 – THIẾT KẾ YÊU CẦU

3.1. Sơ đồ Use Case



Hình 2 Sơ đồ usecase tổng quát

3.2. Đặc tả Use Case

Bảng 4 Đặc tả usecase đăng nhập

Mã use case	UC01.
Use Case	Đăng nhập.

Ngữ cảnh	Trên website khi đã đăng ký tài khoản trên hệ thống.	
Mô tả	Người dùng đăng nhập vào hệ thống để sử dụng các chức năng của hệ thống.	
Tác nhân	Admin , quản lý , nhân viên kho, dược sĩ , kế toán , khách hàng,nhân viên vận chuyển	
Sự kiện kích hoạt	Đăng nhập vào hệ thống.	
Điều kiện tiên quyết	+ Tài khoản người dùng đã được đăng ký trên hệ thống + Người dùng truy cập vào được website	
Kết quả	Người dùng đăng nhập thành công.	
Luồng sự kiện	**Actor**	**System**
	1. Người dùng chọn mục "Đăng nhập".	1.1. Hệ thống hiển thị giao diện đăng nhập.
	2. Người dùng nhập username và password.	2.1 . Hệ thống kiểm tra username và password có hợp lệ không và phản hồi
	3. Người dùng ấn nút "Đăng nhập".	3.1. Hệ thống hiển thị giao diện cho người dùng cùng các chức năng của người dùng theo từng bộ phận , chức vụ
Ngoại lệ	Người dùng nhập sai username hoặc password, hệ thống báo lỗi và yêu cầu nhập lại.	

Bảng 5 Đặc tả usecase đăng xuất

Mã use case	UC02.
Use Case	Đăng xuất.
Ngữ cảnh	Trên website khi đã đăng nhập tài khoản vào hệ thống.
Mô tả	Người dùng đăng xuất tài khoản ra khỏi hệ thống.
Tác nhân	Admin , quản lý , nhân viên kho, dược sĩ , kế toán , khách hàng,nhân viên vận chuyển
Sự kiện kích hoạt	Đăng xuất khỏi hệ thống.

Điều kiện tiên quyết	+ Người dùng truy cập vào được website. + Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống.	
Kết quả	Người dùng đăng xuất thành công.	
Luồng sự kiện	**Actor**	**System**
	1. Người dùng nhấn vào mục "Đăng xuất".	1.1. Hệ thống hiển thị "Bạn có muốn đăng xuất không?"
	2. Người dùng chọn nút "Đăng xuất"	2.1 Hệ thống hiển thị "Tài khoản đã đăng xuất" và trở lại trang đăng nhập
Ngoại lệ	(2) Nếu người dùng chọn "Hủy" -> Hệ thống kết thúc công việc và không đăng xuất	

Bảng 6 Đặc tả usecase quên mật khẩu

Mã use case	UC03.	
Use Case	Quên mật khẩu.	
Ngữ cảnh	Trên website khi quên mất mật khẩu.	
Mô tả	Người dùng quên mật khẩu khi đang định đăng nhập vào hệ thống.	
Tác nhân	Admin , quản lý , nhân viên nhập hàng, nhân viên bán hàng , nhân viên thu ngân , khách hàng.	
Sự kiện kích hoạt	Quên mật khẩu.	
Điều kiện tiên quyết	+ Người dùng truy cập vào được website. + Tài khoản người dùng đã được đăng ký trên hệ thống	
Kết quả	Người dùng lấy lại được tài khoản.	
Luồng sự kiện	**Actor**	**System**
	1. Người dùng chọn mục "Quên mật khẩu" ở mục đăng nhập.	1.1. Hệ thống hiển thị giao diện xác thực tài khoản .

	2. Người dùng nhập thông tin mà hệ thống yêu cầu(tên tài khoản ,gmail , số đt , …) và bấm xác nhận.	2.1. Hệ thống kiểm tra thông tin sau đó gửi mã xác nhận đến gmail / số đt và chuyển qua màn hình nhập mã xác nhận
	3. Người dùng kiểm tra gmail/tin nhắn đt rồi nhập mã đó vào khung mã xác nhận sau đó nhấn nút "Xác nhận".	3.1. Hệ thống kiểm tra mã xác nhận rồi chuyển đến màn hình nhập mật khẩu mới
	4. Người dùng nhập mật khẩu mới và nhấn nút "Hoàn thành"	4.1. Hệ thống lưu mật khẩu mới cho tài khoản và chuyển về giao diện đăng nhập
Ngoại lệ	(2.1) Nếu người dùng nhập sai thông tin hoặc thông tin không tồn tại thì hệ thống báo lỗi và reload lại giao diện xác thực tài khoản (3) Nếu người dùng không nhận được mã xác nhận thì nhập vào nút "Gửi lại" (3.1) Nếu người dùng nhập sai mã xác nhận thì hệ thống báo lỗi và quay về lại giao diện xác thực tài khoản (4) Mật khẩu mới không đạt yêu cầu: không đủ 8 ký tự, không có ký tự viết hoa, không có ký tự đặc biệt thì hệ thống báo nhập lại	

Bảng 7 Đặc tả usecase mua thuốc tại cửa hàng

Mã use case	UC04.	
Use Case	Mua thuốc tại cửa hàng	
Ngữ cảnh	Khách hàng muốn mua thuốc tại cửa hàng.	
Mô tả	Khách hàng muốn mua thuốc tại cửa hàng.	
Tác nhân	Khách hàng.	
Sự kiện kích hoạt	Mua thuốc tại cửa hàng	
Điều kiện tiên quyết	+ Khách hàng đến trực tiếp cửa hàng và gặp dược sĩ.	
Kết quả	Khách hàng mua được thuốc tại cửa hàng.	
Luồng sự kiện	**Actor**	**System**
	1. Khách hàng đến và đọc tên thuốc cho dược sĩ.	1.1. Hệ thống cập nhật liên tục các thuốc mà khách hàng đã đọc trên màn hình khi được dược sĩ chọn theo.

	2. Khách hàng mua xong và hỏi giá , dược sĩ bấm nút "Hoàn tất".	2.1 Hệ thống tính toán giá của từng loại thuốc và in tổng tiền lên trên màn hình.
	3. Khách hàng thực hiện tác vụ thanh toán và ra về.	
Ngoại lệ	(1.1)Nếu loại thuốc đó đã hết thì khi in lên màn hình tên loại thuốc đó có màu đỏ.	

Bảng 8 Đặc tả usecase mua thuốc qua hệ thống

Mã use case	UC05.	
Use Case	Mua thuốc qua hệ thống	
Ngữ cảnh	Khách hàng muốn mua thuốc qua hệ thống	
Mô tả	Khách hàng muốn mua thuốc qua hệ thống.	
Tác nhân	Khách hàng.	
Sự kiện kích hoạt	Mua thuốc qua hệ thống.	
Điều kiện tiên quyết	+ Khách hàng đã có tài khoản. + Khách hàng vào được website và đăng nhập thành công.	
Kết quả	Khách hàng mua được thuốc qua hệ thống.	
Luồng sự kiện	**Actor**	**System**
	1. Khách hàng nhấn vào mục "Mua thuốc".	1.1. Hệ thống hiển thị giao diện danh sách thuốc cho khách hàng .
	2. Khách hàng nhấp vào từng loại thuốc mình muốn mua kèm theo số lượng.	2.1 Hệ thống cập nhật theo từng loại thuốc và số lượng mà khách hàng đã nhấp
	3. Khách hàng nhấn vào nút "Thanh toán"	3.1.Hệ thống chuyển đến trang thanh toán
	4.Khách hàng nhập thông tin thẻ ngân hàng và nhấn vào nút "Thanh toán đơn thuốc"	4.1.Hệ thống kiểm tra thông tin ,hiển thị thông báo thanh toán thành công
	5. Khách hàng nhấn vào mục "Kiểm tra đơn thuốc"	5.1.Hệ thống hiển thị giao diện kiểm tra đơn thuốc , nơi lưu lại lịch sử mua hàng của tài khoản đó.

Ngoại lệ	(2.1) Loại thuốc được chọn đã hết thì hệ thống sẽ không cho chọn , hiển thị thông báo và gửi yêu cầu này cho nhân viên kho (4.1) Nếu thông tin thẻ sai thì hệ thống sẽ quay lại trang thanh toán và thông báo thông tin không chính xác.

Bảng 9 Đặc tả usecase thanh toán bằng tiền mặt

Mã use case	UC06.	
Use Case	Thanh toán bằng tiền mặt	
Ngữ cảnh	Khi khách hàng mua thuốc và sau đó thanh toán bằng tiền mặt	
Mô tả	Các tác nhân thanh toán bằng tiền mặt cho khách hàng sau khi mua thuốc	
Tác nhân	Dược sĩ,kế toán	
Sự kiện kích hoạt	Thanh toán bằng tiền mặt	
Điều kiện tiên quyết	+Khách hàng đã mua thuốc tại cửa hàng +Các tác nhân vào được website vào đăng nhập thành công	
Kết quả	Các tác nhân thanh toán xong đơn thuốc của khách hàng	
Luồng sự kiện	**Actor**	**System**
	1. Khách hàng kết thúc việc mua hàng rồi hỏi giá tiền thì người dùng nhấn nút “Thanh toán bằng tiền mặt ”	1.1. Hệ thống hiển thị giá của từng loại thuốc và tính tổng giá tiền
	2. Khách hàng trả tiền và đọc tên tài khoản thì người dùng thu tiền và nhấn nút “Hoàn tất thanh toán”	2.1. Hệ thống lưu lại thông tin đơn thuốc và giá tiền vào trong thông tin của tài khoản khách hàng .
Ngoại lệ	(2) Nếu tiền rách quá nhiều hoặc giả thì dược sĩ sẽ không nhận	

Bảng 10 Đặc tả usecase thanh toán qua thẻ ngân hàng

Mã use case	UC07.
Use Case	Thanh toán qua thẻ ngân hàng

Ngữ cảnh	Khi khách hàng mua thuốc và sau đó thanh toán qua thẻ ngân hàng	
Mô tả	Người dùng thanh toán cho khách hàng qua thẻ ngân hàng	
Tác nhân	Dược sĩ , kế toán	
Sự kiện kích hoạt	Thanh toán qua thẻ ngân hàng	
Điều kiện tiên quyết	+Người dùng vào được website vào đăng nhập thành công	
Kết quả	Khách hàng thanh toán qua thẻ ngân hàng thành công	
Luồng sự kiện	**Actor**	**System**
	1. Khách hàng kết thúc việc mua hàng rồi hỏi giá tiền thì người dùng nhấn nút "Thanh toán qua thẻ "	1.1. Hệ thống hiển thị giá của từng loại thuốc , tính tổng giá tiền và kết nối với máy quẹt thẻ
	2. Khách hàng quẹt thẻ và bấm mật khẩu vào máy	2.1 Hệ thống kiểm tra thông tin và thanh toán đơn thuốc mà khách hàng vừa mua
	3. Khách hàng đọc tên tài khoản của mình và người dùng nhập vào hệ thống	3.1. Hệ thống lưu lại thông tin đơn thuốc và giá tiền vào trong thông tin của tài khoản khách hàng .
Ngoại lệ	(2.1) Nếu thẻ hoặc mật khẩu không hợp lệ thì hệ thống sẽ không thanh toán đơn thuốc và báo lỗi	

Bảng 11 Đặc tả usecase tạo tài khoản cho khách hàng

Mã use case	UC08.
Use Case	Tạo tài khoản cho khách hàng
Ngữ cảnh	Dược sĩ tạo tài khoản cho khách hàng.
Mô tả	Dược sĩ tạo cho khách hàng tài khoản để đăng nhập hệ thống.
Tác nhân	Dược sĩ.
Sự kiện kích hoạt	Tạo tài khoản cho khách hàng.

Điều kiện tiên quyết	+ Dược sĩ vào được website và đã đăng nhập thành công	
Kết quả	Dược sĩ tạo tài khoản cho khách hàng thành công.	
	Actor	**System**
Luồng sự kiện	1. Dược sĩ nhấn vào mục "Tạo tài khoản".	1.1. Hệ thống hiển thị giao diện tạo tài khoản.
	2. Nhân viên nhấn vào mục"Cho khách hàng" và nhập các thông tin mà khách hàng cung cấp .	2.1 Hệ thống hiển thị giao diện tạo tài khoản cho khách hàng và để người dùng nhập thông tin
	3. Nhân viên ấn nút "Hoàn tất".	3.1. Tài khoản khách hàng mới tạo được lưu vào hệ thống.
Ngoại lệ	(2.1) Nhân viên nhập sai hoặc thiếu thông tin khách hàng thì hệ thống báo lỗi và yêu cầu nhập lại.	

Bảng 12 Đặc tả usecase tư vấn khách hàng

Mã use case	UC09.	
Use Case	Tư vấn khách hàng.	
Ngữ cảnh	Khi khách hàng cần được tư vấn .	
Mô tả	Dược sĩ tư vấn cho khách hàng.	
Tác nhân	Dược sĩ.	
Sự kiện kích hoạt	Tư vấn khách hàng.	
Điều kiện tiên quyết	+ Khách hàng cần tư vấn vào được website và đăng nhập thành công . + Khách hàng nhấn vào mục "Tư vấn khách hàng" + Dược sĩ vào được website và đã đăng nhập thành công	
Kết quả	Khách hàng được dược sĩ tư vấn .	
	Actor	**System**
Luồng sự kiện	1. Dược sĩ nhấn vào mục "Tư vấn khách hàng" nếu có thông báo có người cần tư vấn xuất hiện	1.1. Hệ thống hiển thị giao diện của mục tư vấn khách hàng

	2. Dược sĩ nhấn vào yêu cầu giúp đỡ của tài khoản khách hàng và nhắn tin với họ .	2.1. Hệ thống hiển thị khung nhắn tin giữa Nhân viên và khách hàng
	3. Sau khi hoàn thành , dược sĩ bấm nút “Kết thúc” .	3.1. Hệ thống tắt khung nhắn tin giữa nhân viên với khách
		hàng đó và quay về giao diện mục tư vấn khách hàng.
Ngoại lệ	Không	

Bảng 13 Đặc tả usecase bán thuốc

Mã use case	UC10.	
Use Case	Bán thuốc.	
Ngữ cảnh	Khi khách hàng muốn mua thuốc thì dược sĩ sẽ bán chúng.	
Mô tả	Dược sĩ bán thuốc cho khách hàng.	
Tác nhân	Dược sĩ.	
Sự kiện kích hoạt	Bán thuốc.	
Điều kiện tiên quyết	+ Khách hàng mua thuốc tại cửa hàng . + Dược sĩ vào được website và đã đăng nhập thành công	
Kết quả	Dược sĩ bán thành công thuốc cho khách hàng.	
Luồng sự kiện	**Actor**	**System**
	1. Dược sĩ nghe được yêu cầu muốn mua thuốc của khách hàng và nhấn vào mục ”Bán thuốc ”.	1.1. Hệ thống hiển thị giao diện Danh sách thuốc cho Dược sĩ.
	2. Dược sĩ nhấp vào từng loại thuốc mà khách hàng đã đọc .	2.1. Hệ thống cập nhật từng loại thuốc mà dược sĩ chọn và hiển thị lên màn hình
	3. Dược sĩ nhấn nút “ Hoàn thành mua hàng” sau khi khách hàng đọc xong và tiến hành thu tiền	3.1. Hệ thống hiển thị lên đủ tất cả loại thuốc đã được chọn và hiển thị nút “Tính tiền”

Ngoại lệ	(2.1) Vật liệu được chọn đã hết thì hệ thống sẽ hiển thị lên màn hình tên thuốc màu đỏ , không tính tiền loại thuốc đó và gửi yêu cầu này cho nhân viên kho.

Bảng 14 Đặc tả usecase cập nhật hoá đơn

Mã use case	UC11.	
Use Case	Cập nhật hóa đơn.	
Ngữ cảnh	Dược sĩ cập nhật hóa đơn.	
Mô tả	Sau khi thu tiền dược sĩ cập nhật lại hóa đơn.	
Tác nhân	Dược sĩ.	
Sự kiện kích hoạt	Cập nhật hóa đơn.	
Điều kiện tiên quyết	+ Dược sĩ vào được website và đã đăng nhập thành công	
Kết quả	Dược sĩ cập nhật hóa đơn thành công	
Luồng sự kiện	**Actor**	**System**
	1. Dược sĩ nhấn vào mục “Hóa đơn”.	1.1. Hệ thống hiển thị danh sách các hóa đơn.
	2. Dược sĩ chọn hóa đơn cần cập nhật và nhấn nút “cập nhật”	2.1. Hệ thống hiển thị giao diện cập nhật hóa đơn.
	3. Dược sĩ nhập thông tin cập nhật vào giao diện.	
	4.Dược sĩ nhấn nút “Cập nhật”	4.1. Thông tin của hóa đơn được cập nhật vào hệ thống.
Ngoại lệ	Dược sĩ nhập sai hoặc thiếu thông tin thì hệ thống báo sai và yêu cầu nhập lại.	

Bảng 15 Đặc tả usecase in hoá đơn

Mã use case	UC12.	
Use Case	In hóa đơn.	
Ngữ cảnh	Các tác nhân in hóa đơn.	
Mô tả	Các tác nhân in hóa đơn ra giấy.	
Tác nhân	Dược sĩ , kế toán.	
Sự kiện kích hoạt	In hóa đơn.	
Điều kiện tiên quyết	+ Các tác nhân vào được website và đăng nhập thành công.	
Kết quả	Các tác nhân in hóa đơn thành công.	
Luồng sự kiện	**Actor**	**System**
	1. Người dùng nhấn vào mục “Hóa đơn”.	1.1. Hệ thống hiển thị danh sách các hóa đơn.
	2. Người dùng chọn hóa đơn cần in.	2.1 Hệ thống hiển thị thông tin của hóa đơn được nhấn vào
	3. Người dùng nhấn nút “In”	3.1. Hóa đơn được in thành công
Ngoại lệ	Không.	

Bảng 16 Đặc tả usecase thống kê chi thu theo tháng

Mã use case	UC13.
Use Case	Thống kê chi thu theo tháng.
Ngữ cảnh	Thống kê chi thu theo tháng.
Mô tả	Thống kê chi thu và gửi về theo tháng.
Tác nhân	Kế toán

Sự kiện kích hoạt	Thống kê chi thu theo tháng.	
Điều kiện tiên quyết	+ Kế toán vào được website và đăng nhập thành công	
Kết quả	Kế toán thống kê chi thu theo tháng thành công.	
Luồng sự kiện	**Actor**	**System**
	1. Kế toán vào mục "Thống kê chi thu".	1.1. Hệ thống hiển thị giao diện thống kê chi thu.
	2. Kế toán vào mục "Thống kê theo tháng"	2.1.Hệ thống tự động thống kê và sắp xếp chi thu theo tháng và hiển thị lên màn hình.
Ngoại lệ	Không.	

Bảng 17 Đặc tả usecase thống kê chi thu theo quý

Mã use case	UC14.	
Use Case	Thống kê chi thu theo quý.	
Ngữ cảnh	Thống kê chi thu theo quý.	
Mô tả	Thống kê chi thu và gửi về theo quý.	
Tác nhân	Kế toán	
Sự kiện kích hoạt	Thống kê chi thu theo quý.	
Điều kiện tiên quyết	+ Kế toán vào được website và đăng nhập thành công	
Kết quả	Kế toán thống kê chi thu theo quý thành công.	
Luồng sự kiện	**Actor**	**System**
	1. Kế toán vào mục "Thống kê chi thu".	1.1. Hệ thống hiển thị giao diện thống kê chi thu.
	2. Kế toán vào mục "Thống kê theo quý"	2.1. Hệ thống tự động thống kê và sắp xếp chi thu theo quý và hiển thị lên màn hình..
Ngoại lệ	Không.	

Bảng 18 Đặc tả usecase thống kê chi thu theo năm

Mã use case	UC15.	
Use Case	Thống kê chi thu theo năm.	
Ngữ cảnh	Thống kê chi thu theo năm.	
Mô tả	Thống kê chi thu và gửi về theo năm.	
Tác nhân	Kế toán	
Sự kiện kích hoạt	Thống kê chi thu theo năm.	
Điều kiện tiên quyết	+ Kế toán vào được website và đăng nhập thành công	
Kết quả	Kế toán thống kê chi thu theo năm thành công.	
Luồng sự kiện	**Actor**	**System**
	1. Kế toán vào mục "Thống kê chi thu".	1.1. Hệ thống hiển thị giao diện thống kê chi thu.
	2. Kế toán vào mục "Thống kê theo năm"	2.1. Hệ thống tự động thống kê và sắp xếp chi thu theo năm và hiển thị lên màn hình.
Ngoại lệ	Không.	

Bảng 19 Đặc tả usecase quản lý lương

Mã use case	UC16.
Use Case	Quản lý lương.
Ngữ cảnh	Các tác nhân quản lý lương
Mô tả	Các tác nhân quản lý lương của nhân viên.
Tác nhân	Kế toán, quản lý,quản lý cấp cao.
Sự kiện kích hoạt	Quản lý lương.
Điều kiện tiên quyết	+ Các tác nhân vào được website và đăng nhập thành công.
Kết quả	Các tác nhân xem xét và cập nhật được lương.

	Actor	System
Luồng sự kiện	1. Người dùng vào mục “Lương ”.	1.1. Hệ thống hiển thị giao diện về lương nhân viên.
	2. Người dùng nhấn vào mục ”Quản lý lương”	2.1. Hệ thống hiển thị danh sách lương của từng nhân viên.
	3. Người dùng nhấn vào nhân viên cần được cập nhật chỉnh sửa	3.1 Hệ thống hiển thị thông tin về lương bổng của nhân viên được chọn
	4.Người dùng cập nhật , chỉnh sửa thông tin về lương kèm theo ghi chú và nhấn nút “Lưu”	4.1 Hệ thống kiểm tra lưu các thông tin về lương đã được cập nhật và chỉnh sửa .
Ngoại lệ	(4.1) Người dùng không thể chỉnh sửa thông tin lương của chính bản thân và những người có chức vụ cao hơn mình.	

Bảng 20 Đặc tả usecase quản lý ngày nghỉ phép

Mã use case	UC17.	
Use Case	Quản lý ngày nghỉ phép.	
Ngữ cảnh	Các tác nhân quản lý ngày nghỉ phép	
Mô tả	Các tác nhân quản lý ngày nghỉ phép của nhân viên.	
Tác nhân	Quản lý.	
Sự kiện kích hoạt	Quản lý ngày nghỉ phép.	
Điều kiện tiên quyết	+ Các tác nhân vào được website và đăng nhập thành công.	
Kết quả	Các tác nhân xem xét và cập nhật được ngày nghỉ phép	
Luồng sự kiện	**Actor**	**System**
	1. Người dùng vào mục “Quản lý ngày nghỉ ”.	1.1. Hệ thống hiển thị danh sách ngày nghỉ của từng nhân viên.

	2. Người dùng nhấn vào nhân viên cần được cập nhật chỉnh sửa	2.1 Hệ thống hiển thị thông tin về ngày nghỉ của nhân viên được chọn
	3.Người dùng cập nhật , chỉnh sửa thông tin về ngày nghỉ kèm theo ghi chú và nhấn nút “Lưu”	3.1 Hệ thống lưu các thông tin về ngày nghỉ đã được cập nhật và chỉnh sửa .
Ngoại lệ	Không.	

Bảng 21 Đặc tả usecase thêm nhân viên

Mã use case	UC18.	
Use Case	Thêm nhân viên.	
Ngữ cảnh	Quản lý muốn thêm nhân viên.	
Mô tả	Quản lý thêm nhân viên mới vào hệ thống.	
Tác nhân	Quản lý.	
Sự kiện kích hoạt	Thêm nhân viên.	
Điều kiện tiên quyết	+ Quản lý vào được website và đăng nhập thành công.	
Kết quả	Quản lý thêm nhân viên thành công.	
Luồng sự kiện	**Actor**	**System**
	1. Quản lý nhấn vào mục “Quản lý nhân viên”.	1.1 Hệ thống hiển thị giao diện danh sách nhân viên.
	2.1. Quản lý chọn mục “Thêm nhân viên” .	2.1 Hệ thống hiển thị giao diện thêm nhân viên.
	3. Quản lý nhập các thông tin của nhân viên cần thêm vào giao diện.	

	4. Quản lý nhấn nút “Thêm và gửi yêu cầu tạo tài khoản”.	4.1. Thông tin của nhân viên được kiểm tra và thêm vào hệ thống đồng thời gửi yêu cầu tạo tài khoản cho nhân viên đến Admin.
Ngoại lệ	(4.1)Quản lý nhập sai hoặc thiếu thông tin nhân viên thì hệ thống báo lỗi và yêu cầu nhập lại.	

Bảng 22 Đặc tả usecase xóa nhân viên

Mã use case	UC19.	
Use Case	Xóa nhân viên	
Ngữ cảnh	Quản lý muốn xóa nhân viên.	
Mô tả	Quản lý xóa nhân viên đã tồn tại trên hệ thống.	
Tác nhân	Quản lý.	
Sự kiện kích hoạt	Xóa nhân viên.	
Điều kiện tiên quyết	+ Quản lý vào được website và đã đăng nhập thành công. + Nhân viên đó đã bị sa thải hoặc hết hợp đồng làm việc .	
Kết quả	Quản lý xóa nhân viên thành công trên hệ thống.	
Luồng sự kiện	**Actor**	**System**
	1. Quản lý nhấn vào mục “Quản lý nhân viên”.	1.1. Hệ thống hiển thị giao diện quản lý nhân viên
	2.Quản lý nhấn vào mục “Xóa nhân viên”	2.1 Hệ thống hiển thị danh sách nhân viên .
	3. Quản lý nhấn vào nhân viên cần xóa và ấn nút “Xóa”	3.1 Hệ thống hiển thị thông tin của nhân viên đó và hiển thị cảnh báo khi bấm xóa.
	4. Quản lý ấn nút “Tiếp tục”.	4.1. Hệ thống kiểm tra và nhân viên được chọn bị xóa khỏi hệ thống và gửi yêu cầu xóa tài khoản của nhân viên đó lên cho Admin.
Ngoại lệ	(4.1) Nếu nhân viên đó là nhân viên còn hợp đồng thì hệ thống sẽ không thực hiện xóa và quay trờ lại trang thông tin của nhân viên đó.	

Bảng 23 Đặc tả usecase đổi vị trí nhân viên

Mã use case	UC20.

Use Case	Đổi vị trí cho nhân viên.	
Ngữ cảnh	Quản lý muốn đổi vị trí cho nhân viên.	
Mô tả	Quản lý đổi vị trí cho nhân viên trên hệ thống.	
Tác nhân	Quản lý.	
Sự kiện kích hoạt	Đổi vị trí cho nhân viên.	
Điều kiện tiên quyết	+ Quản lý vào được website và đăng nhập thành công.	
Kết quả	Quản lý đổi vị trí cho nhân viên thành công.	
Luồng sự kiện	**Actor**	**System**
	1. Quản lý nhấn vào mục “Quản lý nhân viên”.	1.1 Hệ thống hiển thị giao diện quản lý nhân viên.
	2.Quản lý nhấn vào mục “Sửa nhân viên”	2.1 Hệ thống hiển thị danh sách nhân viên.
	3.1. Quản lý nhấn vào nhân viên cần chỉnh sửa vị trí.	3.1 Hệ thống hiển thị thông tin nhân viên.
	4. Quản lý nhấn vào nút”Sửa vị trí ”và nhập vị trí mới cho nhân viên.	4.1 Hệ thống hiển thị vị trí cũ của nhân viên và ở chế độ chỉnh sửa.
	5. Quản lý nhấn nút “Lưu”.	5.1. Hệ thống kiểm tra và Thông tin về vị trí mới của nhân viên được lưu vào hệ thống.
Ngoại lệ	(5.1)Quản lý nhập vị trí không hợp lệ thì hệ thống báo lỗi và yêu cầu nhập lại.	

Bảng 24 Đặc tả usecase quản lý chuỗi cửa hàng

Mã use case	UC21.
Use Case	Quản lý chuỗi cửa hàng
Ngữ cảnh	Quản lý cấp cao quản lý chuỗi cửa hàng

Mô tả	Quản lý cấp cao xem và cập nhật quản lý chuỗi cửa hàng	
Tác nhân	Quản lý cấp cao.	
Sự kiện kích hoạt	Quản lý chuỗi cửa hàng .	
Điều kiện tiên quyết	+ Quản lý cấp cao vào được website và đã đăng nhập thành công.	
Kết quả	Quản lý cấp cao quản lý chuỗi cửa hàng .	
Luồng sự kiện	**Actor**	**System**
	1. Quản lý cấp cao nhấn vào mục "Quản lý các cửa hàng".	1.1. Hệ thống hiển thị danh sách các cửa hàng .
	2. Quản lý nhấn vào cửa hàng mình cần xem , cập nhật	2.1 Hệ thống hiển thị thông tin của cửa hàng đó.
	3. Quản lý xem xét,cập nhật hoặc chỉnh sửa những thông tin cần thiết và nhấn nút "Lưu"	3.1. Hệ thống lưu lại thông tin vừa được cập nhật , chỉnh sửa
Ngoại lệ	(3) Nếu cập nhật hoặc chỉnh sửa thiếu vài thông tin quan trọng thì hệ thống sẽ báo nhập thiếu và không lưu thông tin.	

Bảng 25 Đặc tả usecase xem xét tình trạng thuốc của các cửa hàng

Mã use case	UC22.	
Use Case	Xem xét tình trạng thuốc các cửa hàng	
Ngữ cảnh	Quản lý cấp cao xem xét tình trạng thuốc các cửa hàng	
Mô tả	Quản lý cấp cao xem xét tình trạng thuốc cho các cửa hàng	
Tác nhân	Quản lý cấp cao.	
Sự kiện kích hoạt	Xem xét tình trạng thuốc các cửa hàng	
Điều kiện tiên quyết	+ Quản lý cấp cao vào được website và đã đăng nhập thành công.	
Kết quả	Quản lý cấp cao xem được tình trạng thuốc cho các cửa hàng.	
Luồng sự kiện	**Actor**	**System**
	1. Quản lý cấp cao nhấn vào mục "Quản lý thuốc cho cửa hàng"	1.1. Hệ thống hiển thị giao diện quản lý thuốc cho các cửa hàng.
	2. Quản lý cấp cao nhấn mục "Danh sách cửa hàng"	2.1 Hệ thống hiển thị danh sách cửa hàng.

	3. Quản lý cấp cao chọn cửa hàng mà mình muốn xem.	3.1. Hệ thống hiển thị thông tin về các loại thuốc của cửa hàng đó.
	4. Quản lý cấp cao xem xét về tình trạng thuốc của cửa hàng .	
Ngoại lệ	Không.	

Bảng 26 Đặc tả usecase yêu cầu nhập hàng

Mã use case	UC23.	
Use Case	Yêu cầu nhập hàng	
Ngữ cảnh	Quản lý cấp cao yêu cầu nhập hàng.	
Mô tả	Quản lý cấp cao yêu cầu nhập hàng về các nhà thuốc	
Tác nhân	Quản lý cấp cao.	
Sự kiện kích hoạt	Yêu cầu nhập hàng	
Điều kiện tiên quyết	+ Quản lý cấp cao vào được website và đã đăng nhập thành công.	
Kết quả	Quản lý cấp cao yêu cầu nhập hàng thành công.	
Luồng sự kiện	**Actor**	**System**
	1. Quản lý cấp cao nhấn vào mục "Quản lý thuốc cho các cửa hàng"	1.1. Hệ thống hiển thị giao diện quản lý thuốc cho các cửa hàng.
	2. Quản lý cấp cao nhấn vào mục "Thuốc cần nhập"	2.1 Hệ thống hiển thị giao diện thuốc cần nhập.
	3. Quản lý cấp cao nhập thông tin thuốc và cửa hàng cần nhập thuốc .	
	4. Quản lý cấp cao nhấn vào nút "Lưu và Gửi"	4.1 Hệ thống kiểm tra thông tin và gửi yêu cầu đến cho nhân viên kho
Ngoại lệ	(4.1) Nếu quản lý cấp cao nhập thiếu hoặc sai thông tin thì hệ thống thông báo lỗi và yêu cầu nhập lại thông tin đó.	

Bảng 27 Đặc tả usecase lập đơn hàng

Mã use case	UC24.
Use Case	Lập đơn nhập hàng

Ngữ cảnh	Nhân viên kho muốn lập đơn nhập hàng.	
Mô tả	Nhân viên kho lập đơn nhập hàng trên hệ thống.	
Tác nhân	Nhân viên kho.	
Sự kiện kích hoạt	Lập đơn nhập hàng.	
Điều kiện tiên quyết	+ Nhân viên kho vào được website và đã đăng nhập thành công + Nhân viên kho nhận được yêu cầu nhập hàng	
Kết quả	Nhân viên kho lập đơn nhập hàng thành công.	
Luồng sự kiện	**Actor**	**System**
	1. Nhân viên kho nhấn mục ”Nhập hàng ”.	1.1. Hệ thống hiển thị giao diện nhập hàng.
	2. Nhân viên kho nhấn mục “Lập đơn nhập hàng”	2.1 Hệ thống hiển thị đơn đặt hàng và để cho người dùng nhập thông tin
	3.Nhân viên kho điền thông tin cần thiết vào đơn cùng với các loại thuốc trong các yêu cầu nhập hàng.	
	4. Nhân viên ấn nút “Hoàn tất và gửi “	4.1.Hệ thống lưu thông tin đã nhập trong đơn lại và gửi đơn đi cho nhà cung cấp.
Ngoại lệ	(3)Nếu nhân viên kho nhập thiếu hoặc sai thông tin thì hệ thống thông báo lỗi và yếu cầu nhập lại thông tin đó.	

Bảng 28 Đặc tả usecase kiểm tra và cập nhật thuốc

Mã use case	UC25.
Use Case	Kiểm tra và cập nhật thuốc
Ngữ cảnh	Các tác nhân muốn Kiểm tra và cập nhật thuốc.
Mô tả	Các tác nhân kiểm tra và cập nhật thuốc trong kho .
Tác nhân	Nhân viên kho, quản lý.
Sự kiện kích hoạt	Kiểm tra và cập nhật thuốc.
Điều kiện tiên quyết	+Các tác nhân vào được website và đã đăng nhập thành công
Kết quả	Các tác nhân kiểm tra và cập nhật được thuốc .

Luồng sự kiện	**Actor**	**System**
	1.Người dùng kiểm tra các loại thuốc mà nhà cung cấp mang đến và thống kê thông tin của các loại thuốc	
	2. Sau khi kiểm tra xong người dùng nhấn vào mục “Nhập hàng”	2.1 Hệ thống hiển thị nhập hàng
	3.Người dùng nhấp vào mục “ Cập nhật thuốc”	3.1 Hệ thống hiển thị giao diện cập nhật thuốc
	4. Người dùng nhập thông tin cần thiết cùng các loại thuốc đó lên kèm ghi chú và nhấn nút “Đã xác thực”	4.1.Hệ thống lưu thông tin vào hệ thống và thông tin thuốc được lưu vào mục “Thuốc mới”.
Ngoại lệ	(4) Nếu người dùng nhập thiếu hoặc sai thông tin thì hệ thống thông báo lỗi và yêu cầu nhập lại thông tin đó.	

Bảng 29 Đặc tả usecase nhập hàng

Mã use case	UC26.	
Use Case	Nhập hàng	
Ngữ cảnh	Nhân viên kho muốn nhập hàng.	
Mô tả	Nhân viên kho nhập hàng trên hệ thống.	
Tác nhân	Nhân viên nhập kho.	
Sự kiện kích hoạt	Nhập hàng.	
Điều kiện tiên quyết	+ Nhân viên kho vào được website và đã đăng nhập thành công + Nhân viên kho đã kiểm tra xong hàng ở kho	
Kết quả	Nhân viên kho nhập hàng trên hệ thống thành công.	
Luồng sự kiện	**Actor**	**System**
	1. Nhân viên kho nhấn vào mục ”Nhập hàng ”.	1.1. Hệ thống hiển thị giao diện nhập hàng.
	2. Nhân viên kho nhấn vào mục “Thuốc mới nhập”	2.1 Hệ thống hiển thị danh sách các loại thuốc mới nhập.

	3. Nhân viên kho nhấn vào một loại thuốc	3.1.Hệ thống hiển thị thông tin của loại thuốc đó cùng các cửa hàng cần nó
	4.Nhân viên kho nhấn vào từng cửa hàng cần loại thuốc đó và tùy chỉnh số lượng .	4.1 Hệ thống cập nhật theo số lượng cho từng cửa hàng
	5.Nhân viên kho nhấn nút "Hoàn Tất"	5.1 Hệ thống lưu số lượng mà loại thuốc đó cần được cung cấp cho từng cửa hàng trong mục "Nhập hàng cho cửa hàng"
Ngoại lệ	Không.	

Bảng 30 Đặc tả usecase yêu cầu vận chuyển

Mã use case	UC27.	
Use Case	Yêu cầu vận chuyển	
Ngữ cảnh	Nhân viên kho yêu cầu vận chuyển.	
Mô tả	Nhân viên kho yêu cầu vận chuyển hàng .	
Tác nhân	Nhân viên kho .	
Sự kiện kích hoạt	Yêu cầu vận chuyển	
Điều kiện tiên quyết	+ Nhân viên kho vào được website và đã đăng nhập thành công.	
Kết quả	Nhân viên kho yêu cầu vận chuyển thành công.	
Luồng sự kiện	**Actor**	**System**
	1. Nhân viên kho nhấn vào mục "Nhập hàng"	1.1. Hệ thống hiển thị giao diện nhập hàng.
	2. Nhân viên kho nhấn vào mục "Yêu cầu vận chuyển "	2.1 Hệ thống hiển thị giao diện các loại thuốc cùng các cửa hàng cần loại thuốc đó

	3. Nhân viên kho nhấp vào từng loại thuốc cho lần vận chuyển này theo đơn thuốc của khách hàng hoặc yêu cầu nhập hàng . Nhân viên kho nhập địa chỉ và nhấn nút "Vận chuyển "	3.1. Hệ thống lưu các loại thuốc cho lần vận chuyển này Hệ thống thông báo "thành công" và gửi thông tin này cho Nhân viên vận chuyển
Ngoại lệ	Không.	

Bảng 31 Đặc tả usecase vận chuyển thuốc

Mã use case	UC28.	
Use Case	Vận chuyển thuốc.	
Ngữ cảnh	Nhân viên vận chuyển thuốc.	
Mô tả	Nhân viên vận chuyển thuốc cho các cửa hàng hoặc khách hàng.	
Tác nhân	Nhân viên vận chuyển.	
Sự kiện kích hoạt	Vận chuyển thuốc.	
Điều kiện tiên quyết	+Nhân viên vận chuyển vào được website và đăng nhập thành công. +Nhân viên vận chuyển nhận được yêu cầu vận chuyển	
Kết quả	Nhân viên vận chuyển thuốc thành công .	
Luồng sự kiện	**Actor**	**System**
	1. Nhân viên vận chuyển chọn mục "Đơn hàng cần vận chuyển"	1.1. Hệ thống hiển thị danh sách đơn thuốc cần vận chuyển .
	2. Xem thông tin về đơn hàng.	
	3.Nhân viên vận chuyển thuốc cho khách hàng đến cho địa chỉ cần giao và nhấn nút "Đã hoàn thành vận chuyển" trên hệ thống	4.1. Hệ thống lưu trạng thái đã hoàn thành đơn thuốc.
Ngoại lệ	Không	

Bảng 32 Đặc tả usecase xem hồ sơ

Mã use case	UC29.	
Use Case	Xem hồ sơ .	
Ngữ cảnh	Admin muốn xem hồ sơ .	
Mô tả	Admin xem hồ sơ tài khoản	
Tác nhân	Admin	
Sự kiện kích hoạt	Xem hồ sơ	
Điều kiện tiên quyết	+ Admin vào được website và đăng nhập thành công	
Kết quả	Admin xem được thông tin hồ sơ tài khoản	
Luồng sự kiện	**Actor**	**System**
	1. Người dùng nhấn vào mục "Quản lý tài khoản"	1.1 Hệ thống hiển thị giao diện danh sách tài khoản.
	2. Người dùng chọn tài khoản muốn xem và chọn mục "Xem hồ sơ"	2.1.Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết hồ sơ của tài khoản đó .
Ngoại lệ	Không.	

Bảng 33 Đặc tả usecase tạo tài khoản cho nhân viên

Mã use case	UC30.
Use Case	Tạo tài khoản cho nhân viên.
Ngữ cảnh	Admin tạo tài khoản cho nhân viên.
Mô tả	Admin tạo cho nhân viên tài khoản để đăng nhập hệ thống.
Tác nhân	Admin.

Sự kiện kích hoạt	Tạo tài khoản cho nhân viên.	
Điều kiện tiên quyết	+ Admin vào được website và đã đăng nhập thành công. + Admin nhận được yêu cầu tạo tài khoản cho nhân viên từ quản lý.	
Kết quả	Admin tạo tài khoản cho nhân viên thành công.	
Luồng sự kiện	**Actor**	**System**
	1. Admin nhấn vào mục "Tạo tài khoản".	1.1. Hệ thống hiển thị giao diện đăng ký tài khoản.
	2. Admin nhấn vào mục"Cho nhân viên"	2.1 Hệ thống hiển thị giao diện đăng ký cho nhân viên và cho phép
		người dùng nhập thông tin
	3. Admin nhập các thông tin của nhân viên vào giao diện đăng ký tài khoản theo form có sẵn. Admin ấn nút "Hoàn tất".	3.1. Tài khoản nhân viên mới tạo được lưu vào hệ thống.
Ngoại lệ	(3) Admin nhập thiếu thông tin nhân viên thì hệ thống báo lỗi và yêu cầu nhập lại.	

Bảng 34 Đặc tả usecase sửa thông tin tài khoản

Mã use case	UC31.	
Use Case	Sửa thông tin tài khoản	
Ngữ cảnh	Admin sửa thông tin tài khoản.	
Mô tả	Admin chỉnh sửa thông tin tài khoản trên hệ thống.	
Tác nhân	Admin.	
Sự kiện kích hoạt	Sửa thông tin tài khoản.	
Điều kiện tiên quyết	+ Admin vào được website và đã đăng nhập thành công	
Kết quả	Admin sửa thông tin tài khoản thành công trên hệ thống.	
Luồng sự kiện	**Actor**	**System**
	1. Admin nhấn vào mục "Quản lý tài khoản".	1.1. Hệ thống hiển thị giao diện danh sách tài khoản.

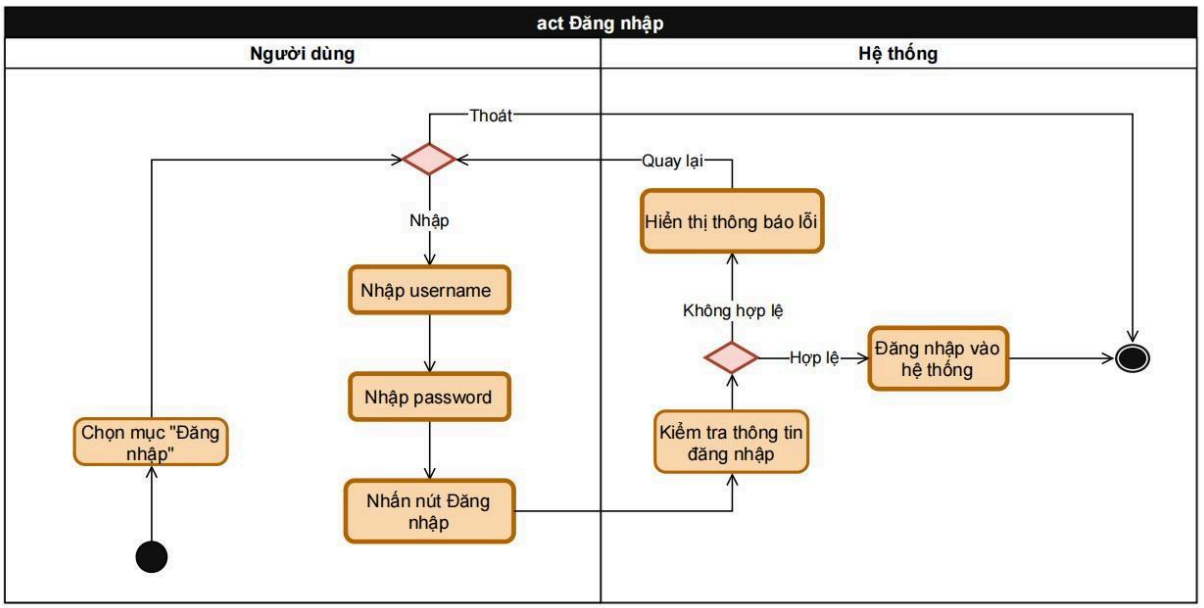
	2. Admin nhấn vào tài khoản cần chỉnh sửa thông tin và nhấn nút "Chỉnh sửa".	2.1 Hệ thống hiển thị thông tin của tài khoản đó và cho phép chỉnh sửa thông tin
	3. Admin ấn nút "Lưu".	3.1. Thông tin mới của tài khoản được lưu vào hệ thống.
Ngoại lệ	(3)Nếu actor không muốn chỉnh sửa nữa, chọn "Hủy" -> hệ thống kết thúc việc chỉnh sửa tài khoản	

Bảng 35 Đặc tả usecase xóa tài khoản

Mã use case	UC32.	
Use Case	Xóa tài khoản	
Ngữ cảnh	Admin muốn xóa tài khoản.	
Mô tả	Admin xóa tài khoản trên hệ thống.	
Tác nhân	Admin.	
Sự kiện kích hoạt	Xóa tài khoản.	
Điều kiện tiên quyết	+ Admin vào được website và đã đăng nhập thành công. +Admin nhận được yêu cầu xóa tài khoản từ quản lý.	
Kết quả	Admin xóa tài khoản thành công trên hệ thống.	
Luồng sự kiện	**Actor**	**System**
	1. Admin nhấn vào mục "Quản lý tài khoản".	1.1. Hệ thống hiển thị giao diện danh sách tài khoản.
	2. Admin nhấn vào tài khoản cần xóa và ấn nút "Xóa tài khoản"	2.1 Hệ thống hiển thị thông tin của tài khoản đó và hiển thị cảnh báo khi bấm xóa.
	3. Admin ấn nút "Tiếp tục".	3.1. Tài khoản được chọn bị xóa khỏi hệ thống.
Ngoại lệ	(3)Nếu actor không muốn xóa tài khoản, chọn "Hủy" -> hệ thống kết thúc việc xóa tài khoản	

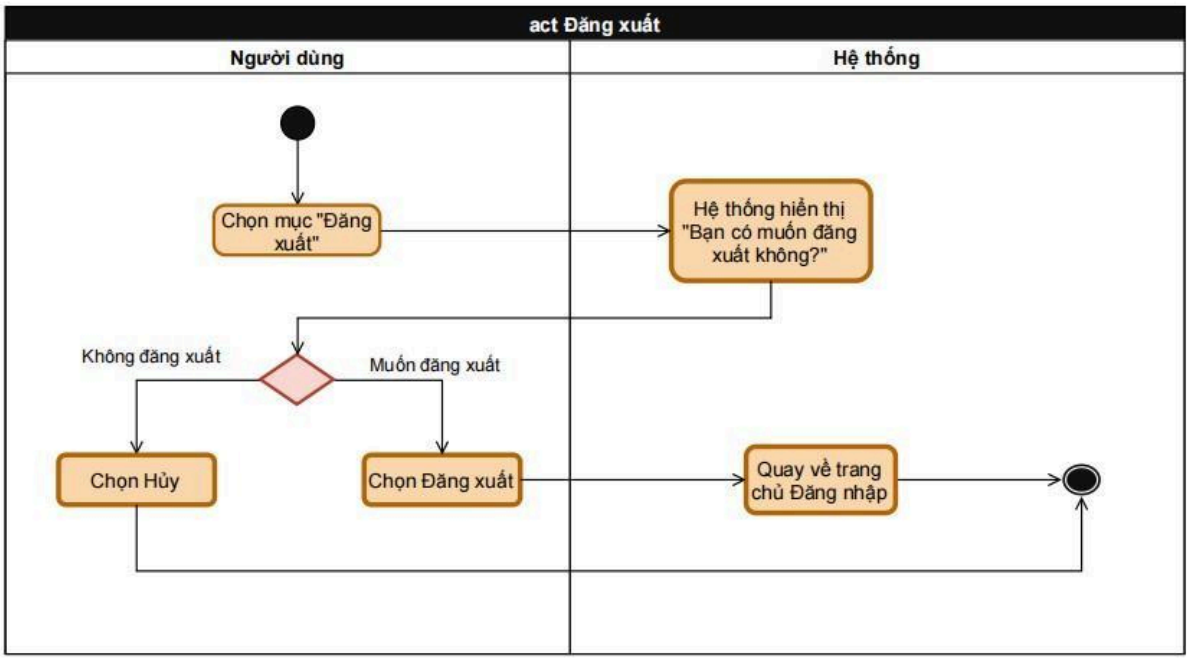
3.3 Sơ đồ hoạt động (Activity Diagram)

3.3.1 Usecase đăng nhập



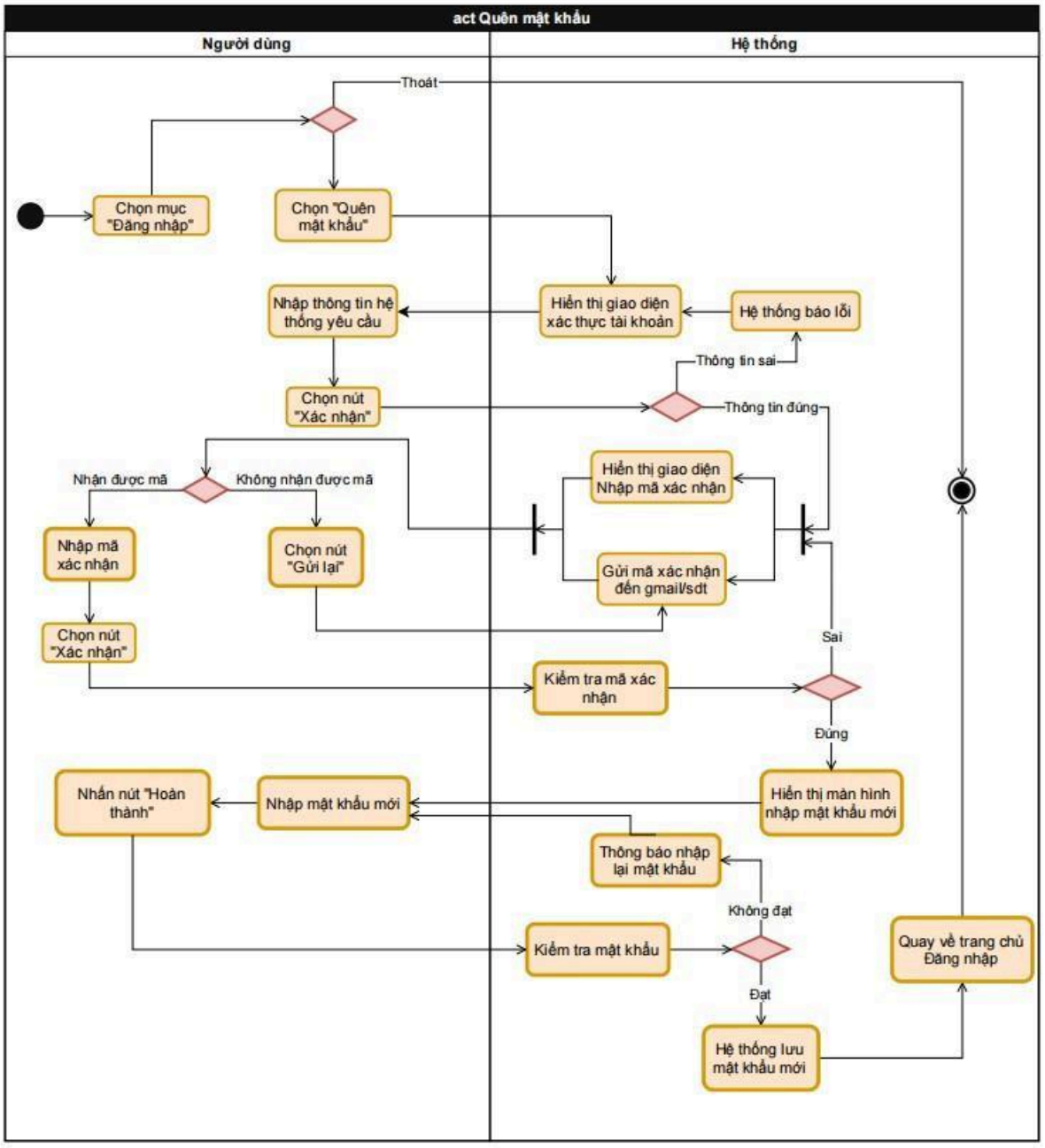
Hình 3 Sơ đồ hoạt động use case đăng nhập

3.3.2 Usecase đăng xuất



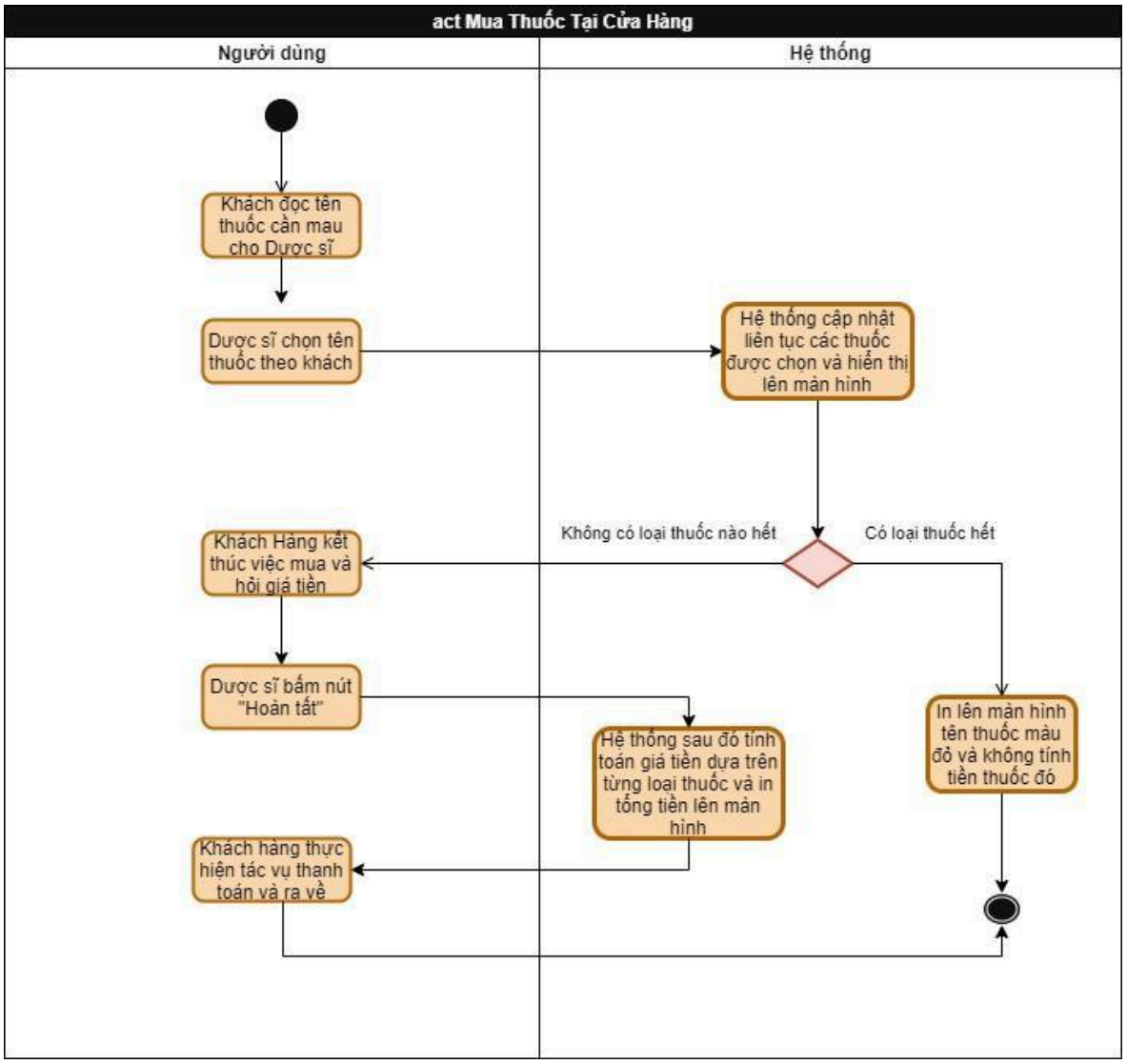
Hình 4 Sơ đồ hoạt động use case đăng xuất

3.3.3 Usecase quên mật khẩu



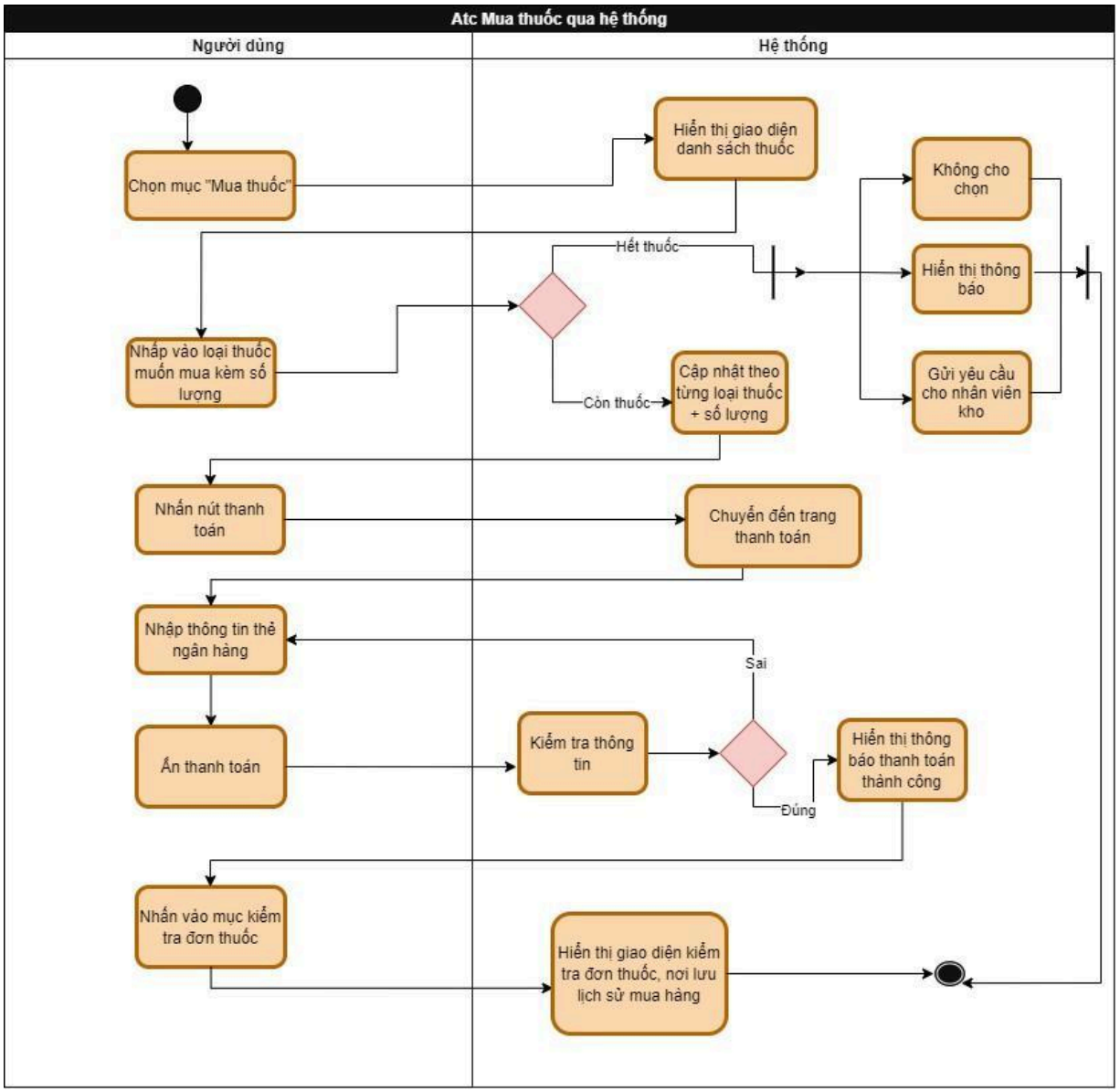
Hình 5 Sơ đồ hoạt động use case quên mật khẩu

3.3.4 Usecase mua thuốc tại cửa hàng



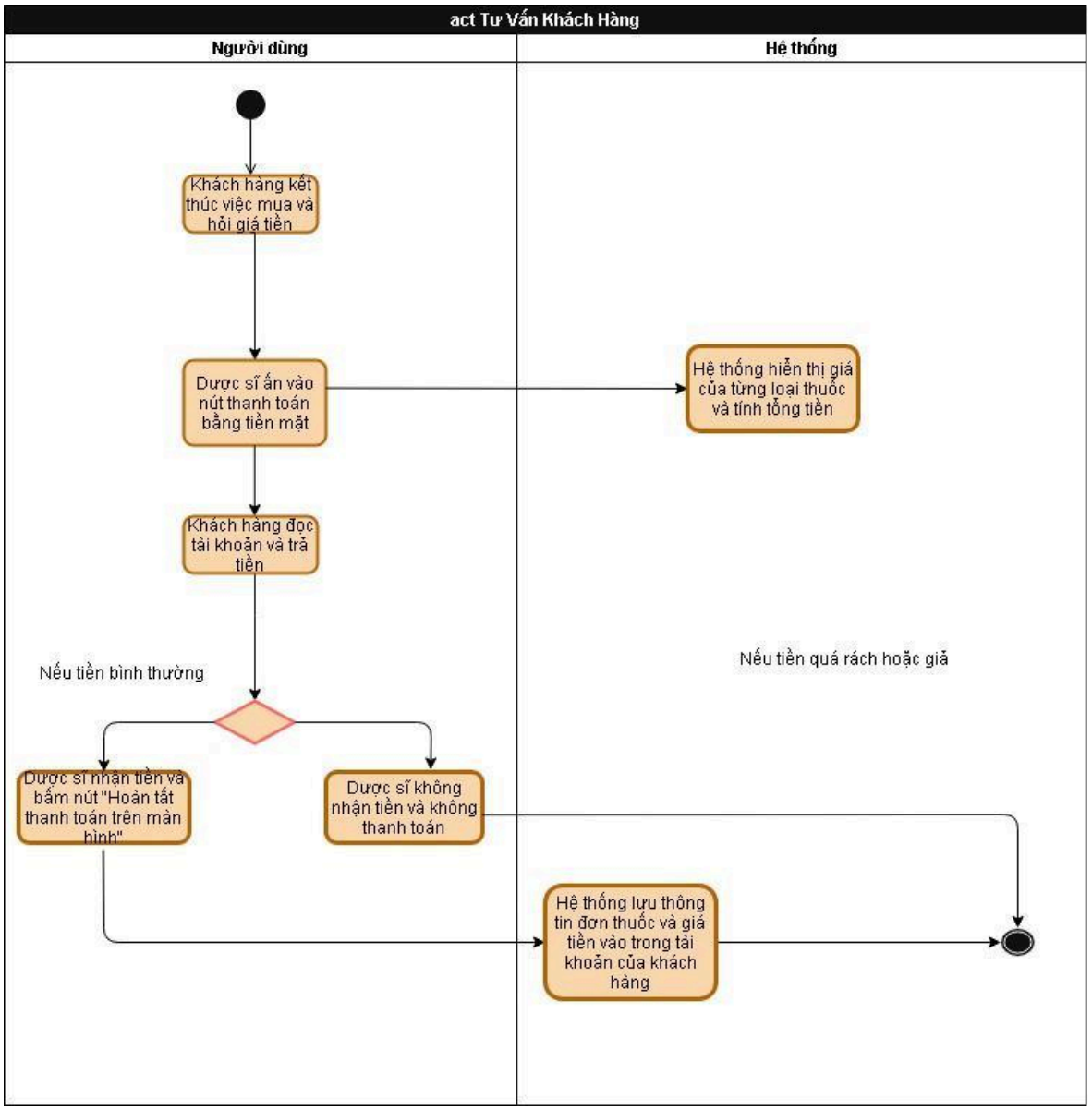
Hình 6 Sơ đồ hoạt động use case mua thuốc tại cửa hàng

3.3.5 Usecase mua thuốc qua hệ thống



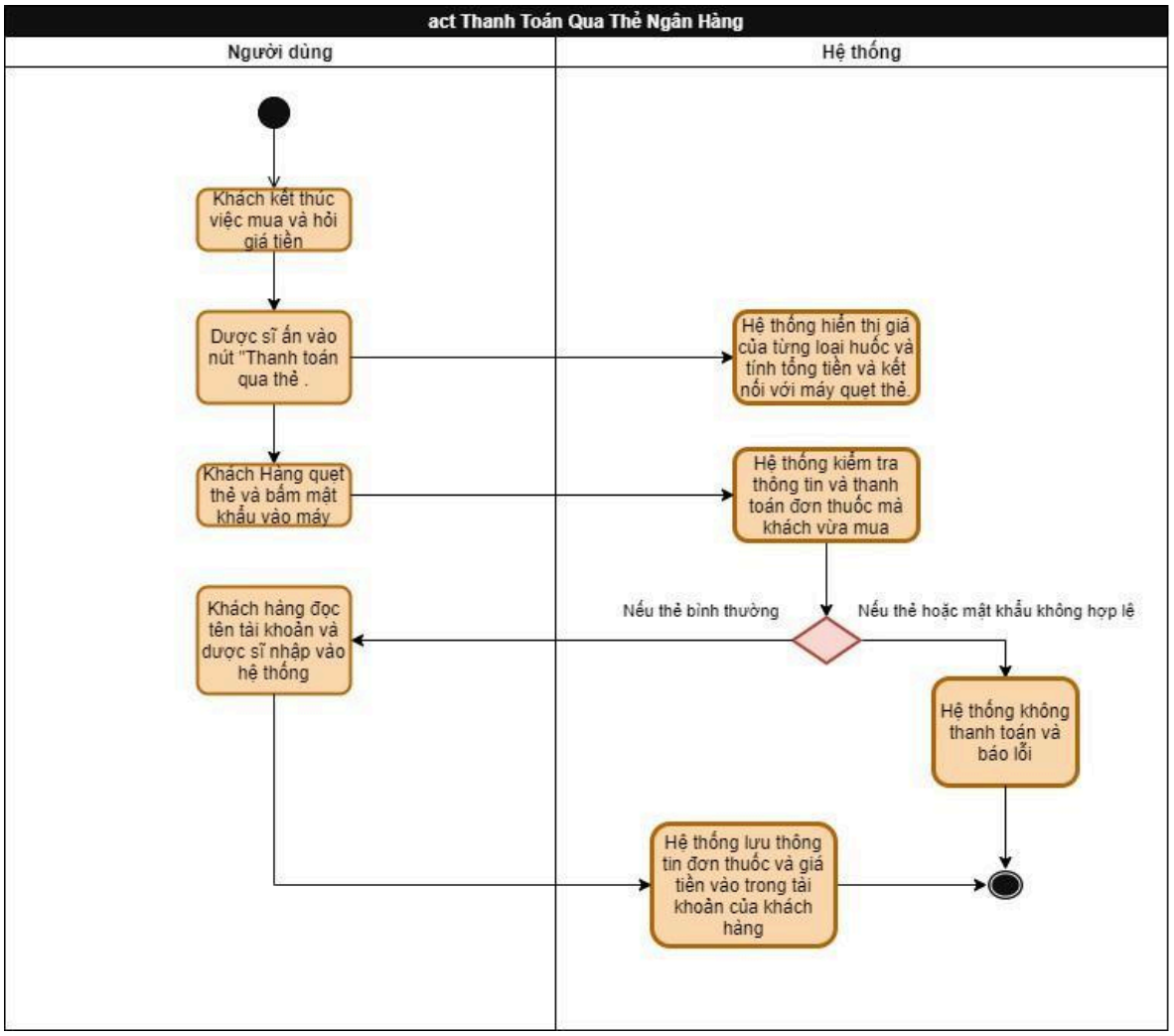
Hình 7 Sơ đồ hoạt động use case mua thuốc qua hệ thống

3.3.6 Usecase thanh toán tiền mặt



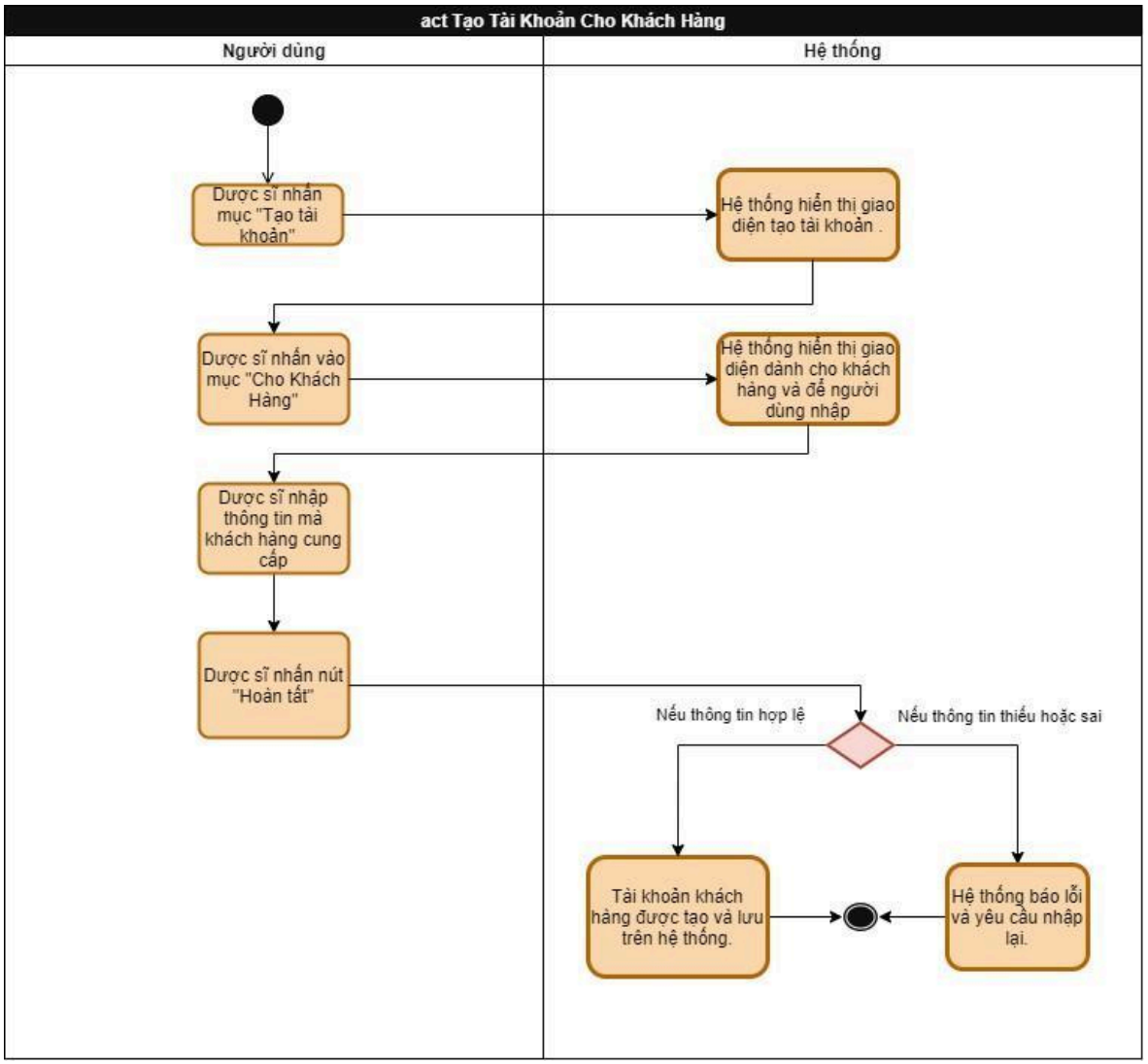
Hình 8 Sơ đồ hoạt động use thanh toán tiền mặt

3.3.7 Usecase thanh toán qua thẻ



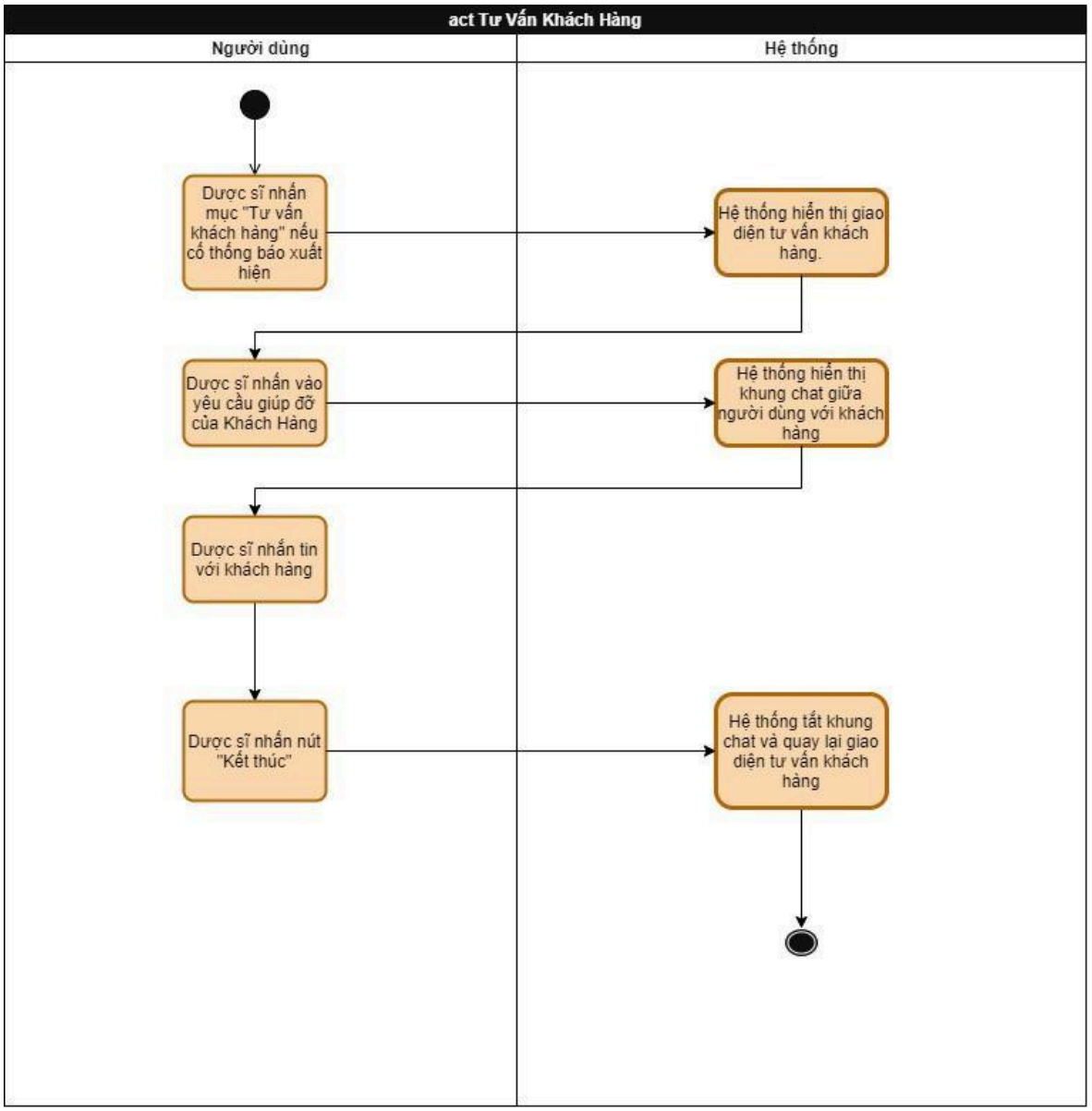
Hình 9 Sơ đồ hoạt động use case thanh toán qua thẻ

3.3.8 Usecase tạo tài khoản cho khách hàng



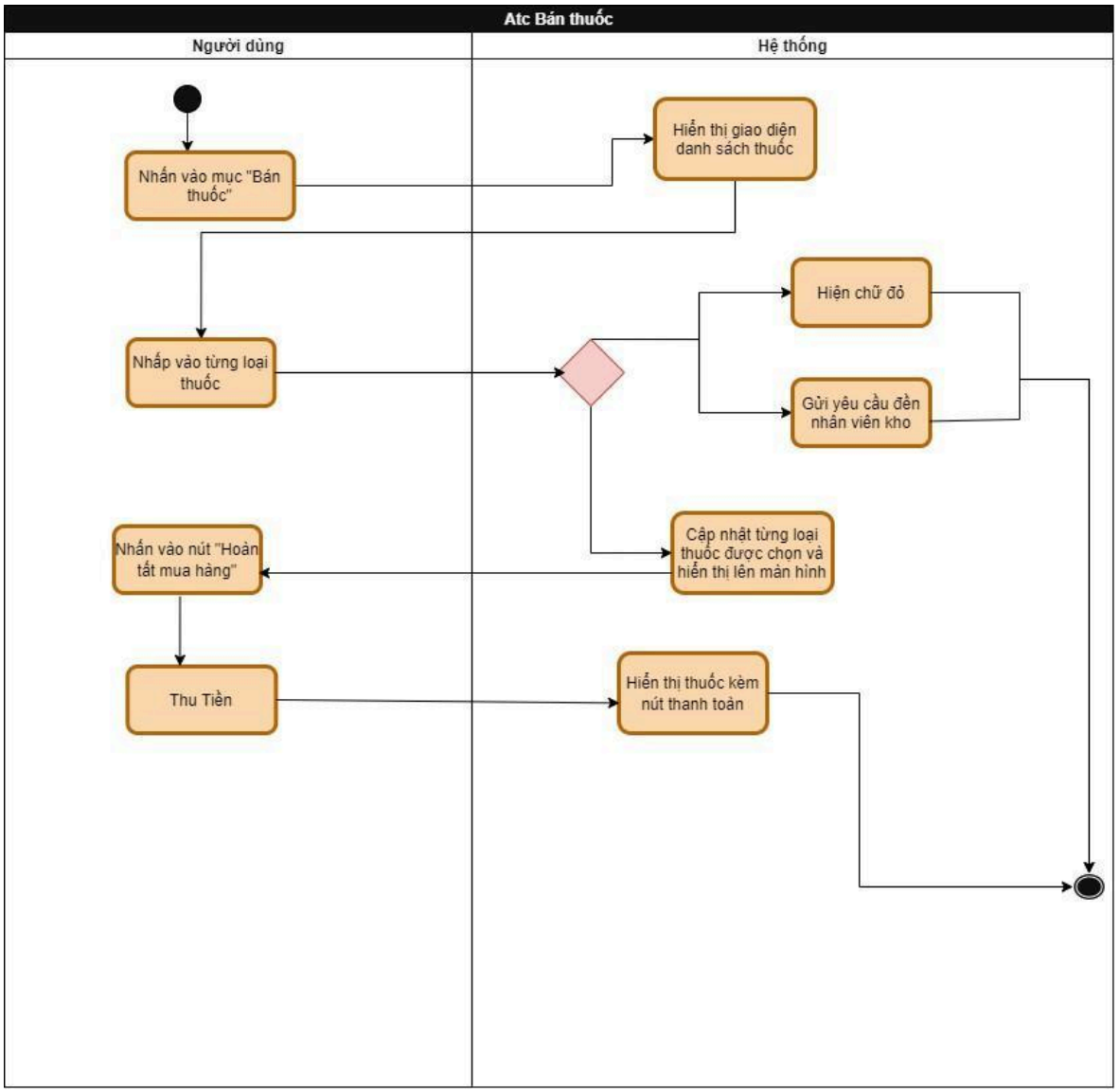
Hình 10 Sơ đồ hoạt động use case tạo tài khoản cho khách hàng

3.3.9 Usecase tư vấn khách hàng



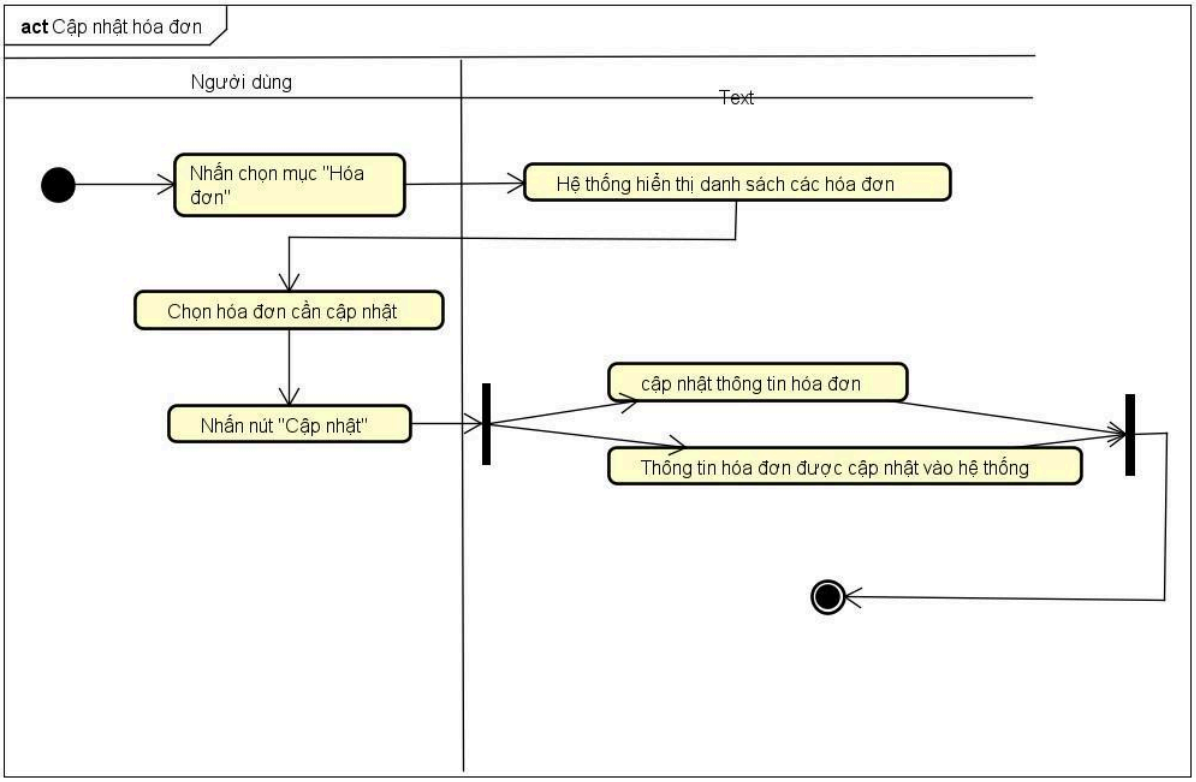
Hình 11 Sơ đồ hoạt động use case tư vấn khách hàng

3.3.10 Usecase bán thuốc



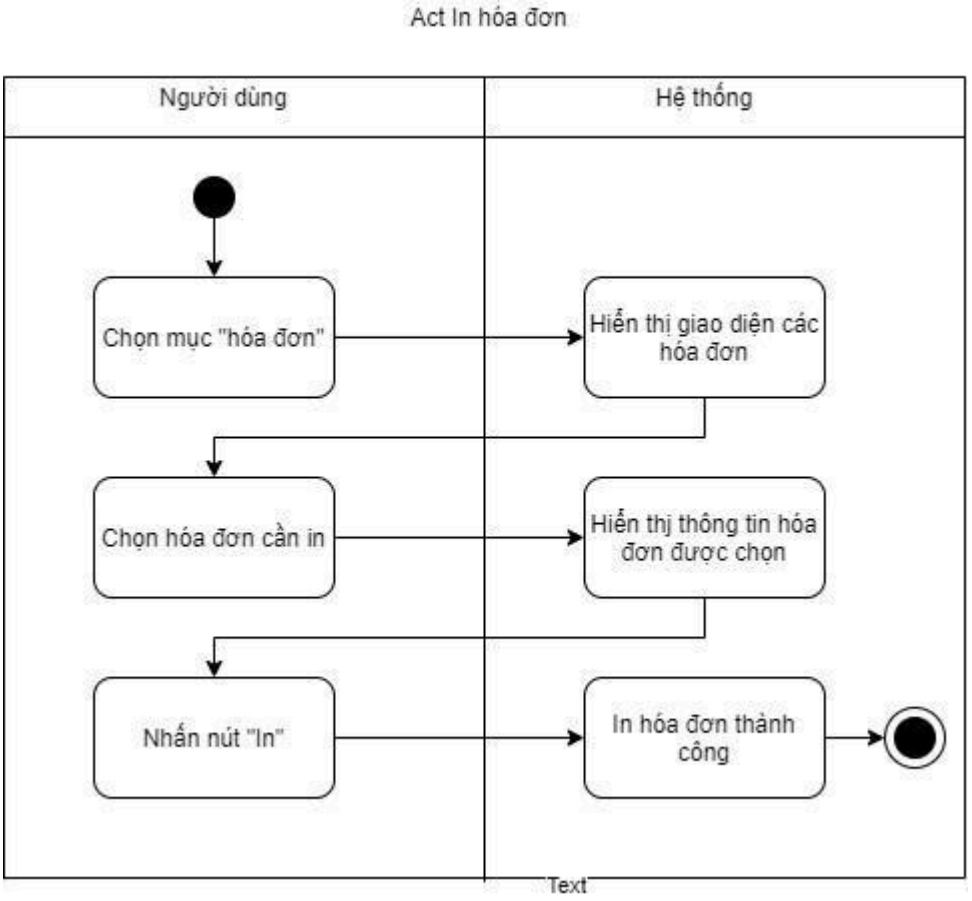
Hình 12 Sơ đồ hoạt động use case bán thuốc

3.3.11 Usecase cập nhật hóa đơn



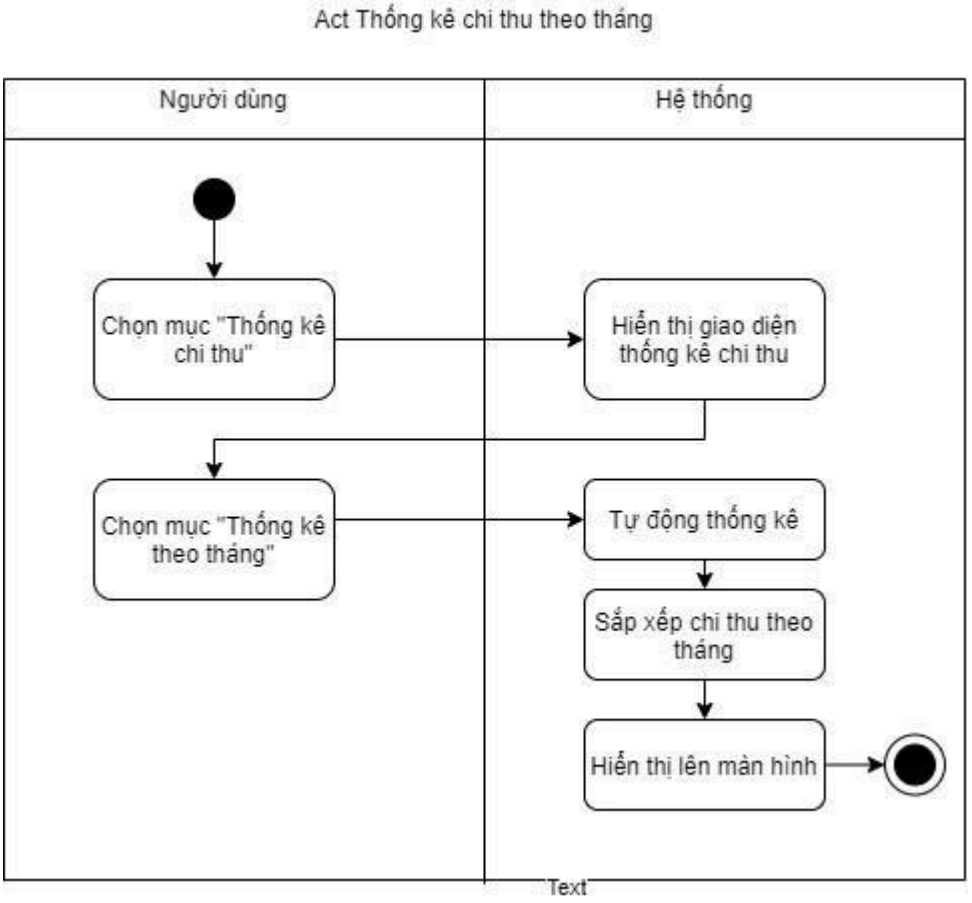
Hình 13 Sơ đồ hoạt động use case cập nhật hóa đơn

3.3.12 Usecase in hoá đơn



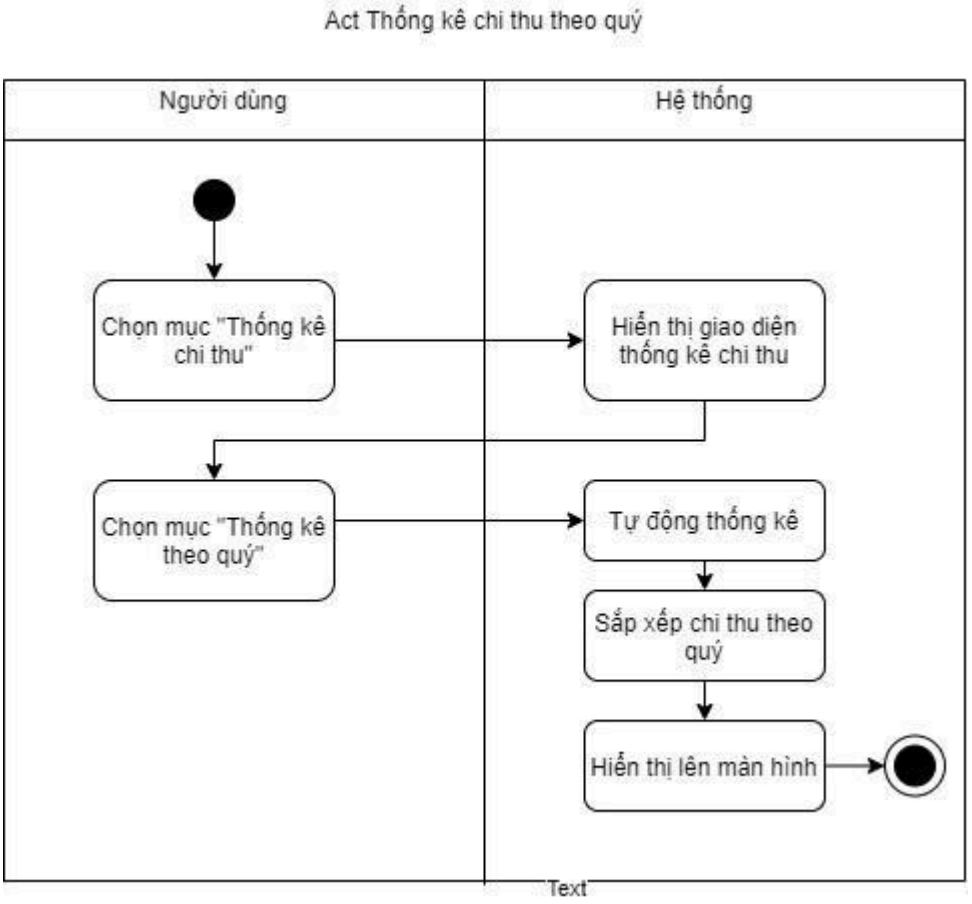
Hình 14 Sơ đồ hoạt động use case in hóa đơn

3.3.13 Usecase thống kê chi thu theo tháng



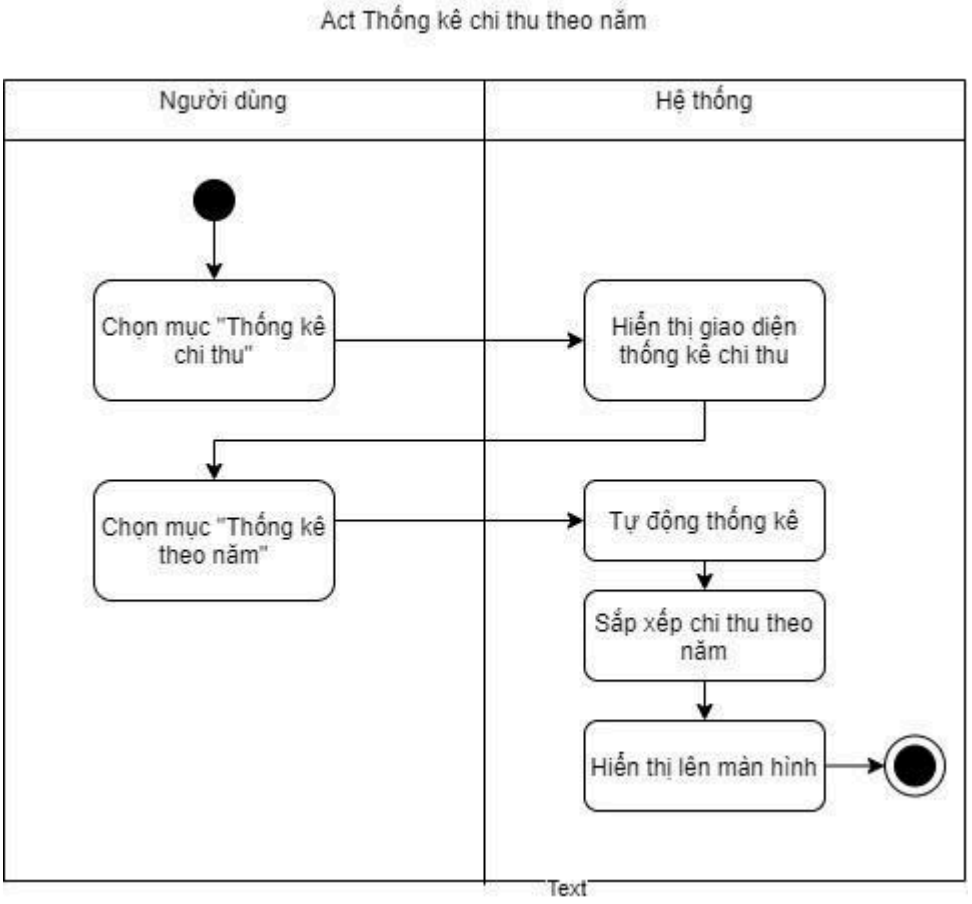
Hình 15 Sơ đồ hoạt động use case thống kê chi thu theo tháng

3.3.14 Usecase thống kê chi thu theo quý



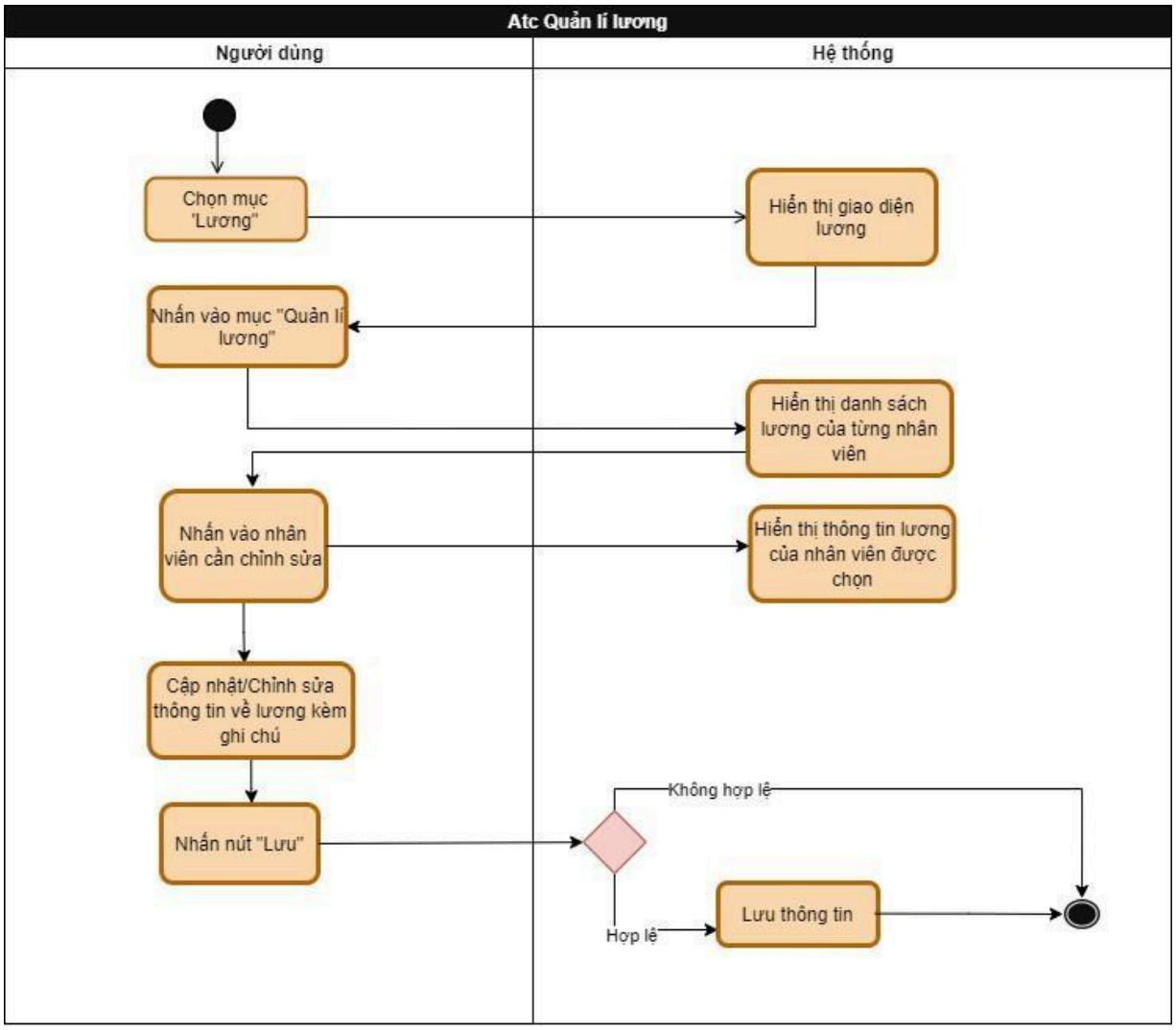
Hình 16 Sơ đồ hoạt động use case thống kê chi thu theo quý

3.3.15 Usecase thống kê chi thu theo năm



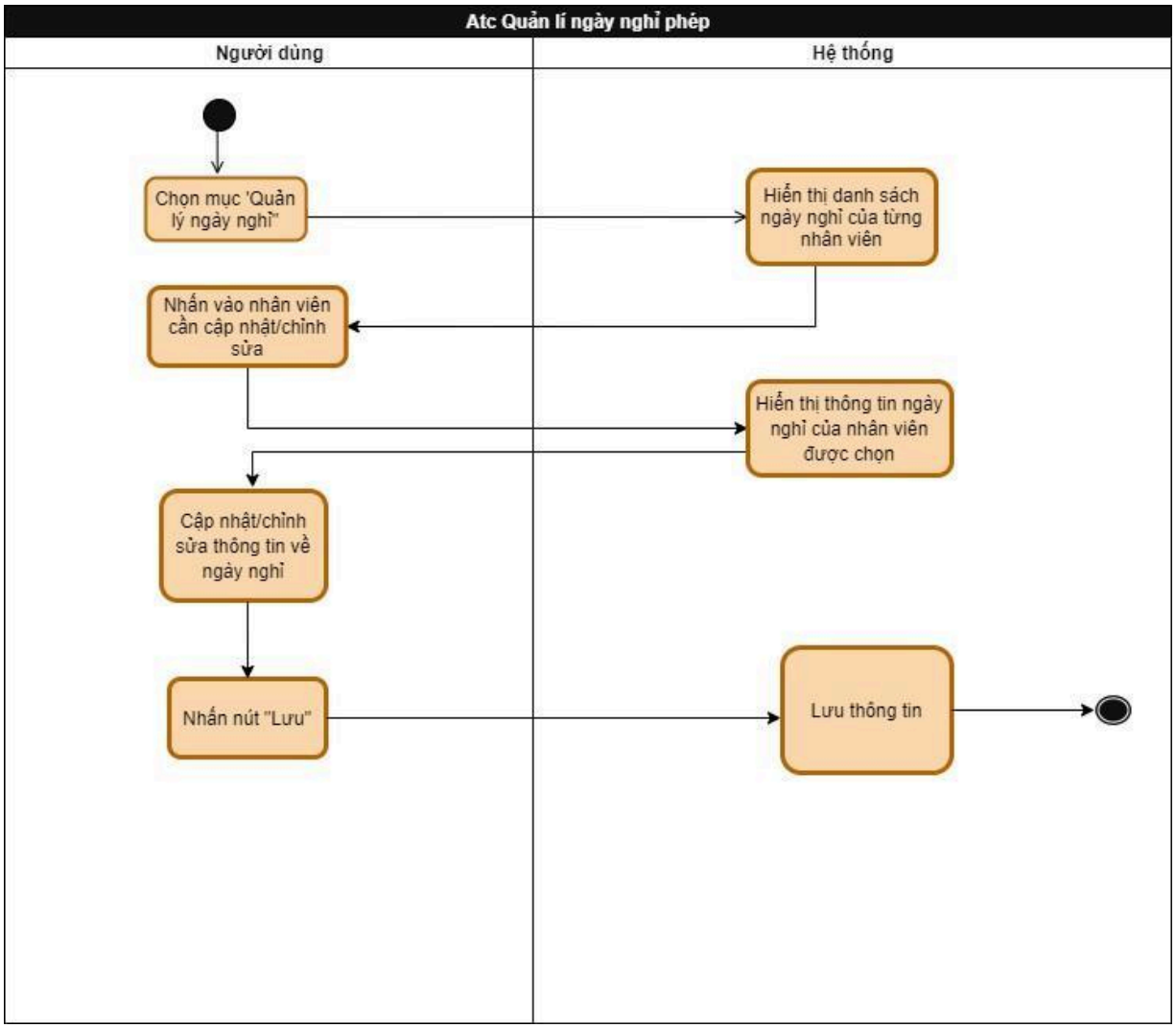
Hình 17 Sơ đồ hoạt động use case thống kê chi thu theo năm

3.3.16 Usecase quản lý lương



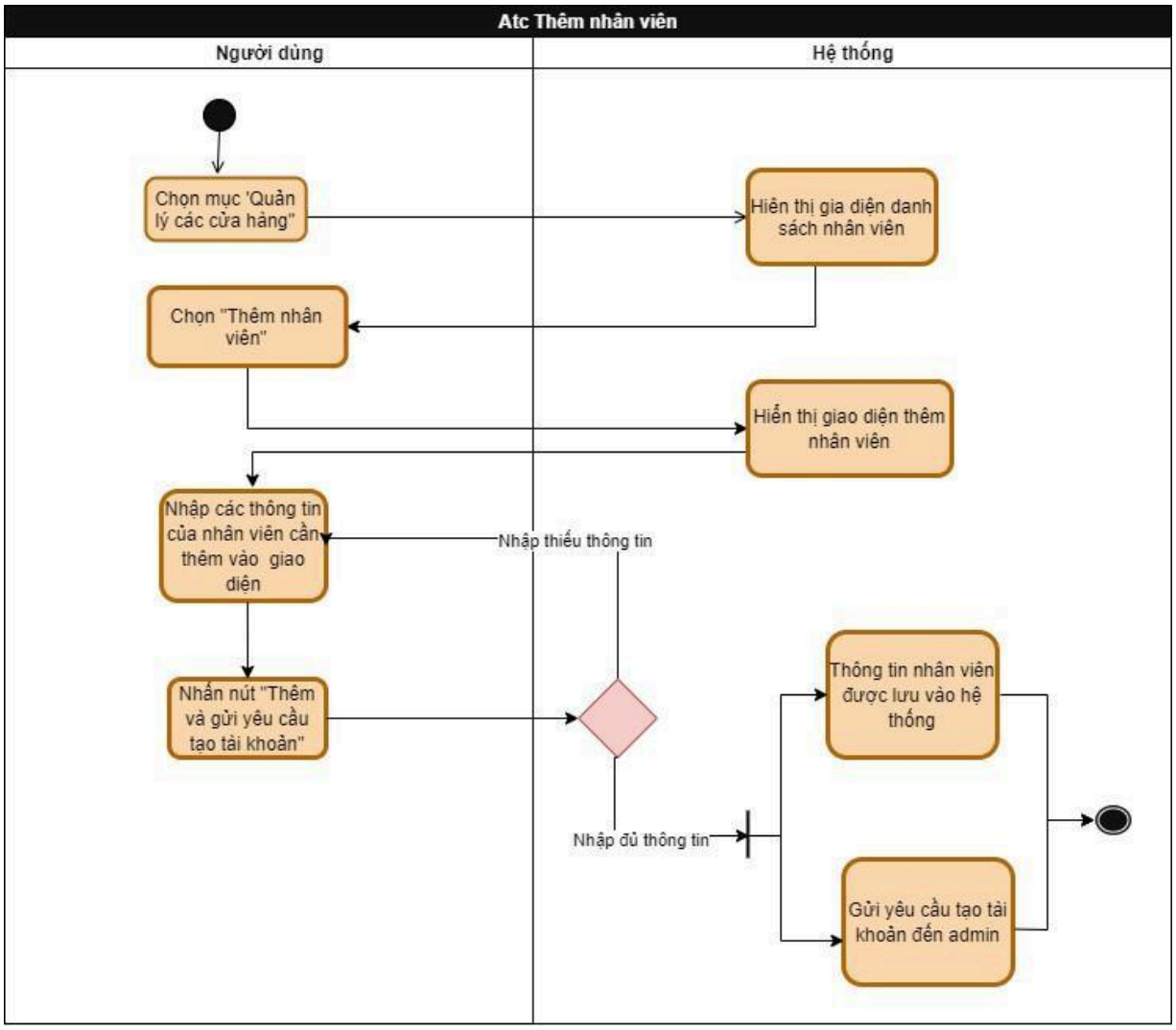
Hình 18 Sơ đồ hoạt động use case quản lý lương

3.3.17 Usecase quản lý ngày nghỉ phép



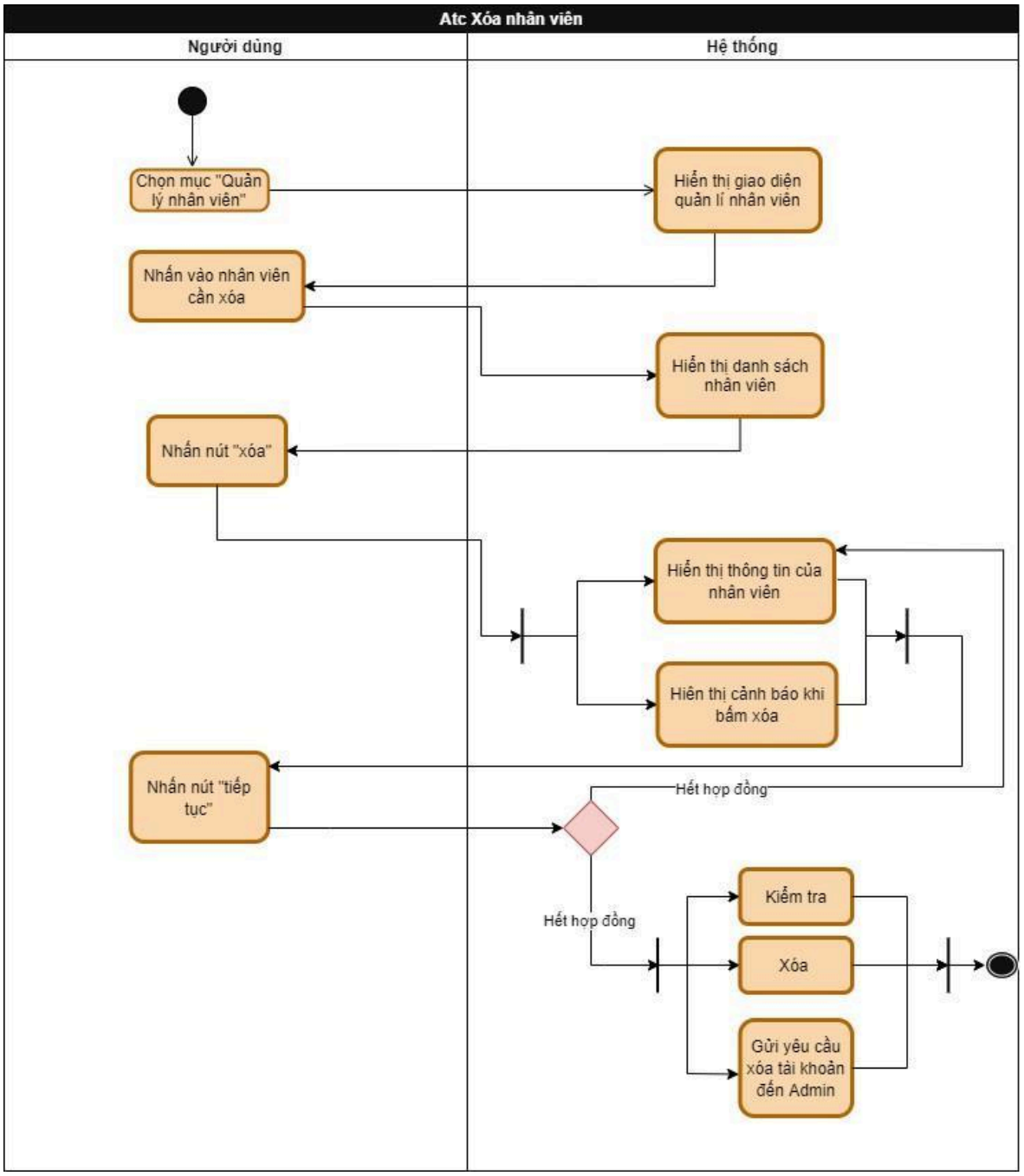
Hình 19 Sơ đồ hoạt động use case quản lý ngày nghỉ phép

3.3.18 Usecase thêm nhân viên



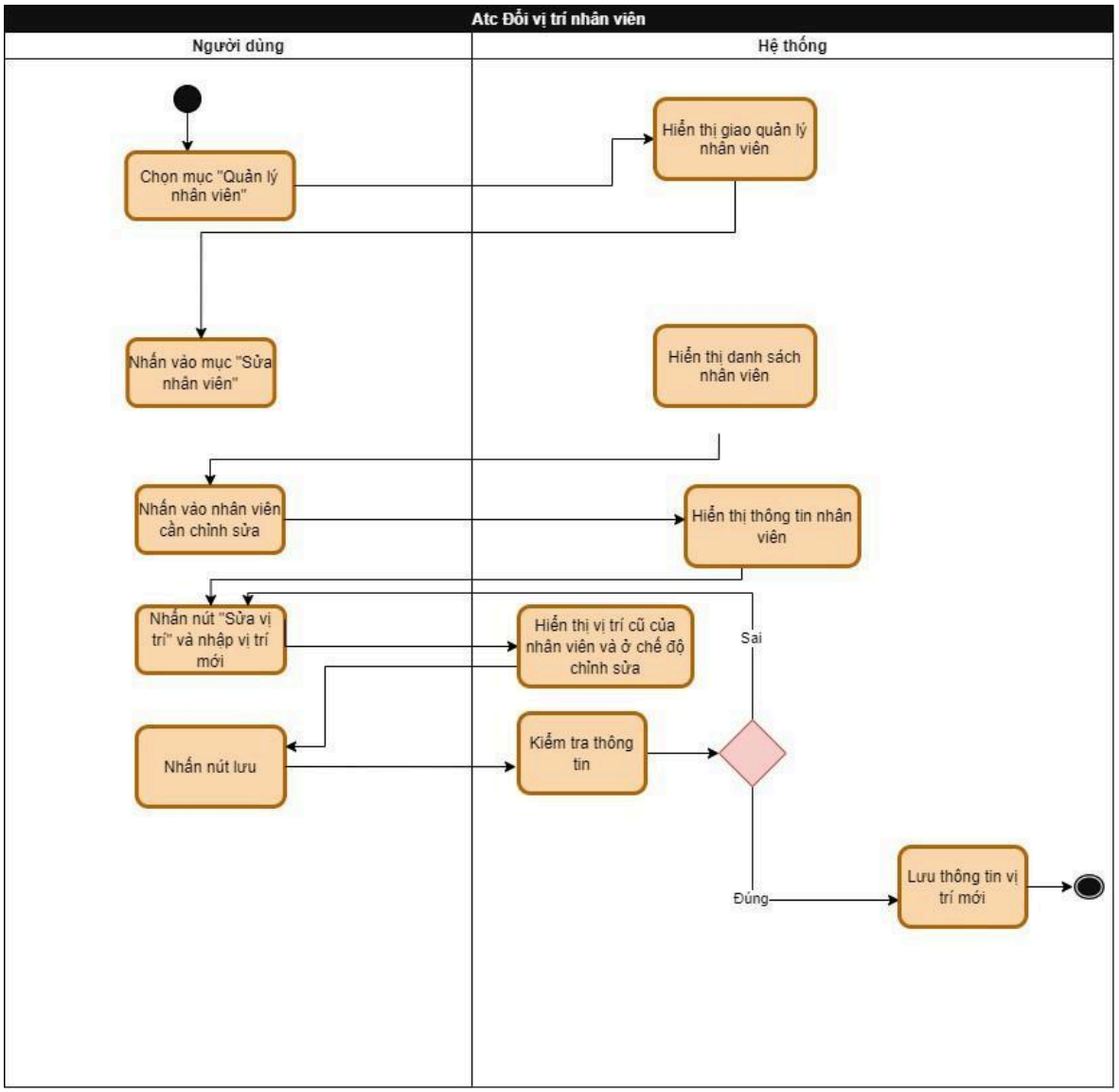
Hình 20 Sơ đồ hoạt động use case thêm nhân viên

3.3.19 Usecase xóa nhân viên



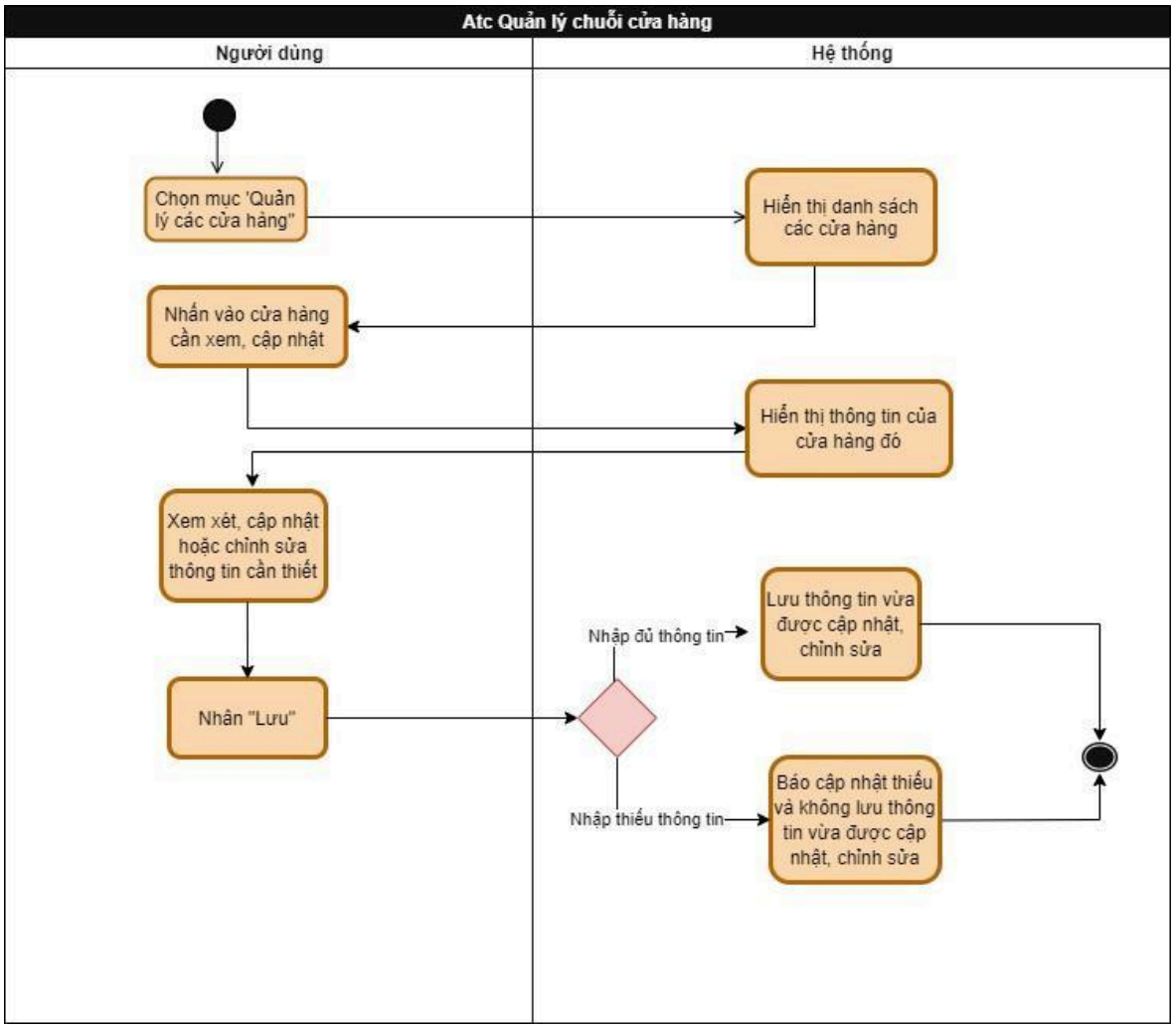
Hình 21 Sơ đồ hoạt động use case xóa nhân viên

3.3.20 Usecase đổi vị trí nhân viên



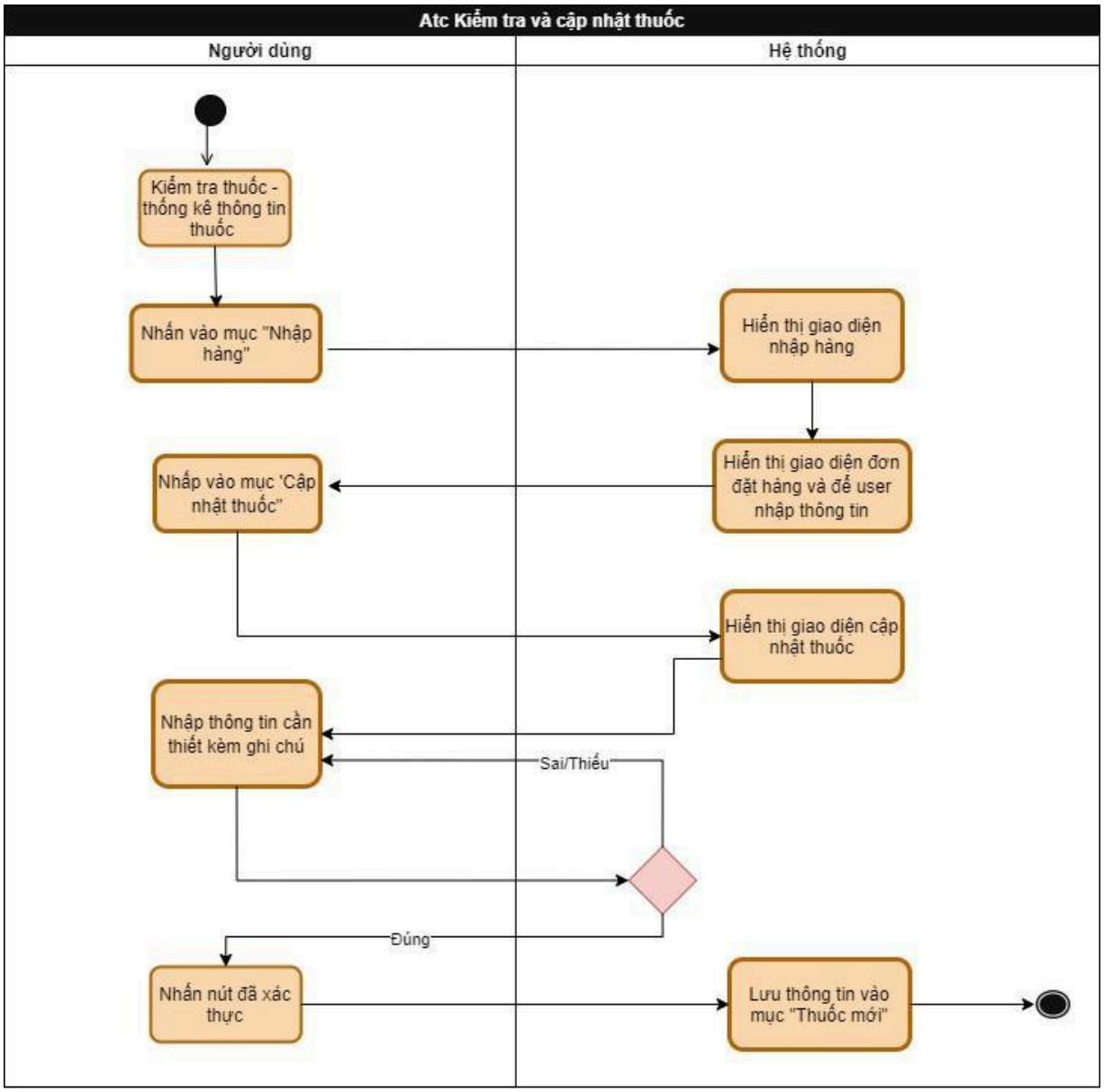
Hình 22 Sơ đồ hoạt động use case đổi vị trí nhân viên

3.3.21 Usecase quản lý chuỗi cửa hàng



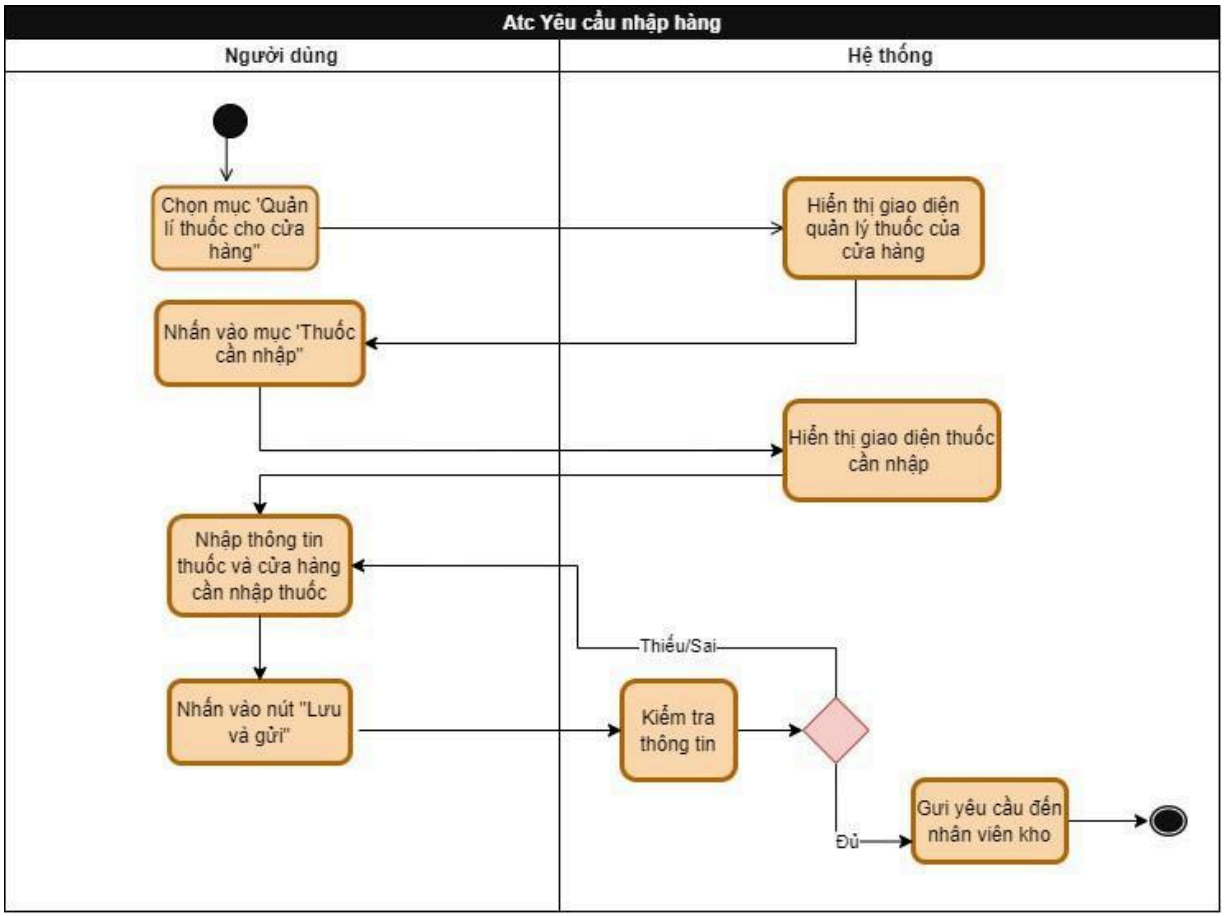
Hình 23 Sơ đồ hoạt động use case quản lý chuỗi cửa hàng

3.3.22 Usecase kiểm tra và cập nhật thuốc



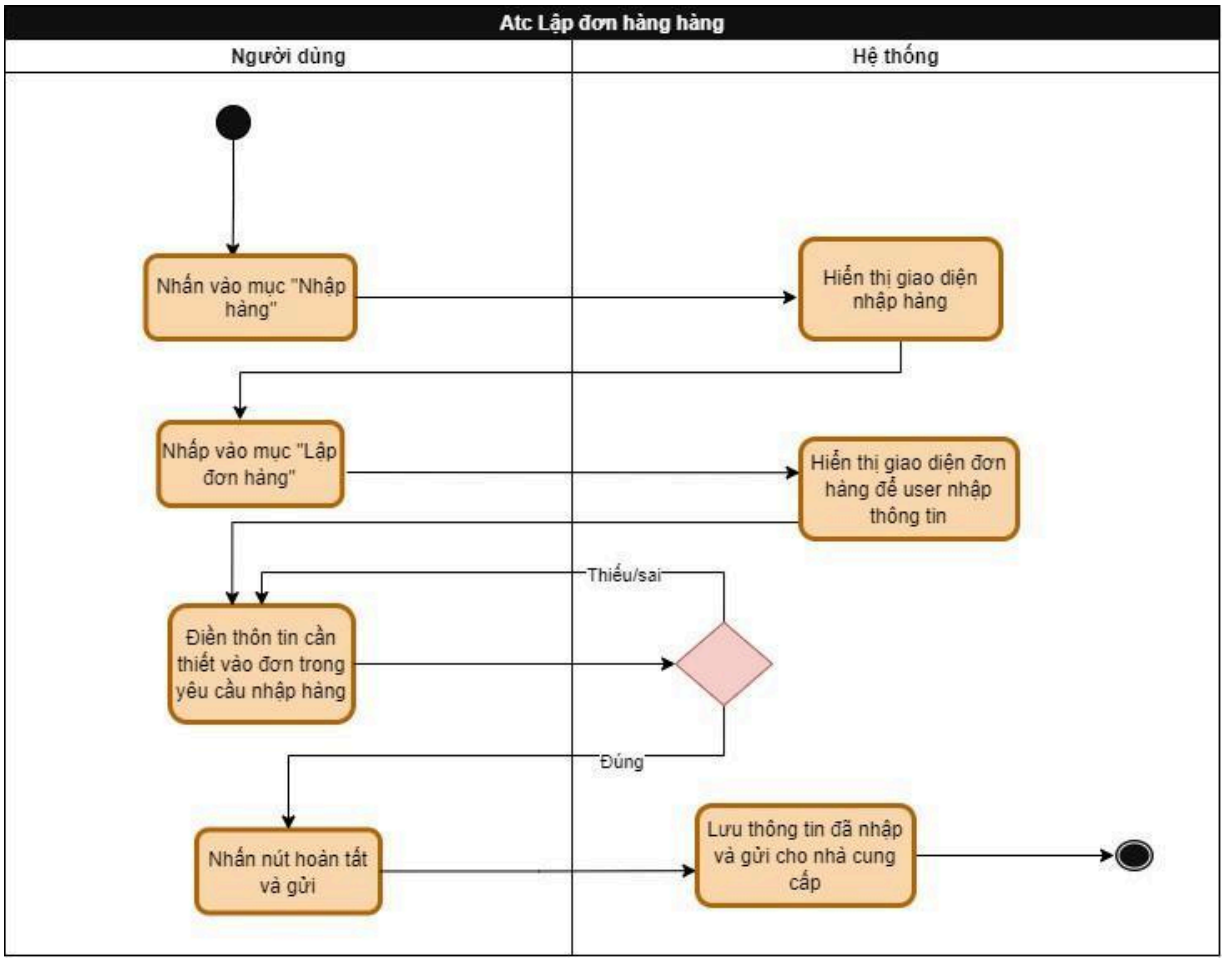
Hình 24 Sơ đồ hoạt động use case kiểm tra và cập nhật thuốc

3.3.23 Usecase yêu cầu nhập hàng



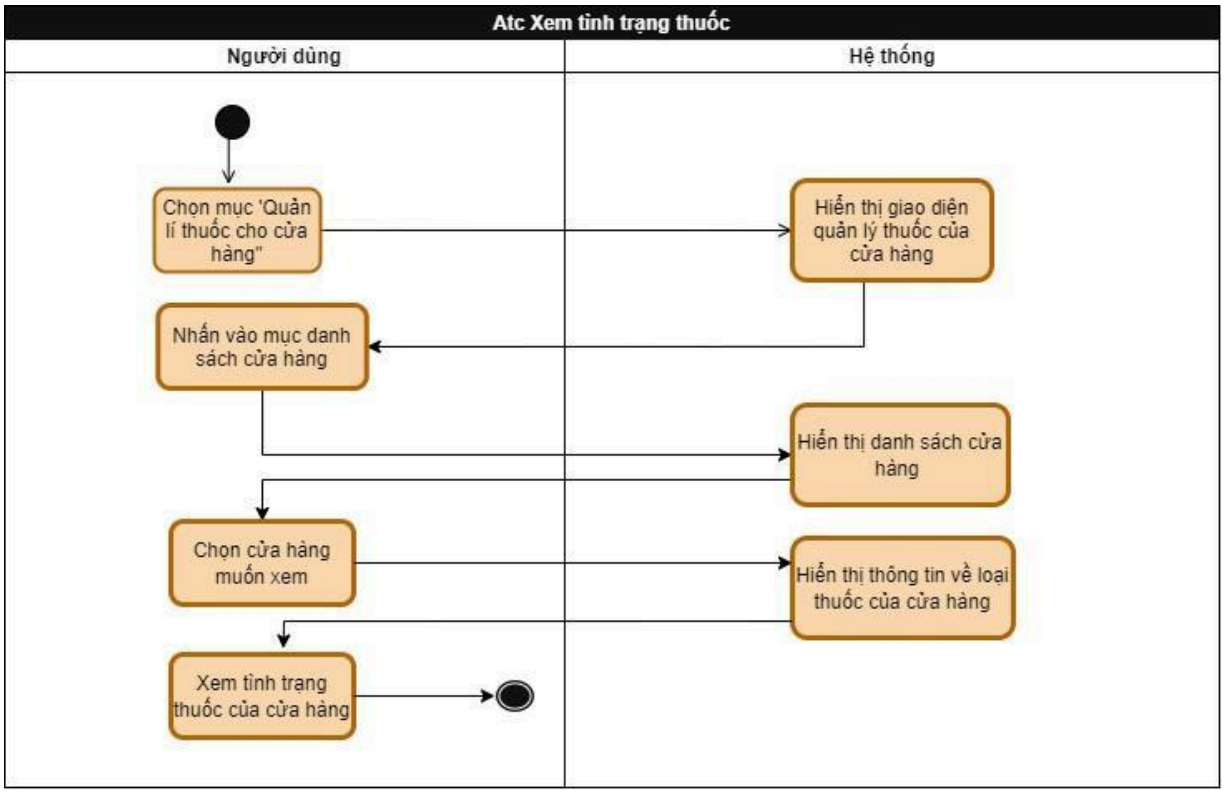
Hình 25 Sơ đồ hoạt động use case yêu cầu nhập hàng

3.3.24 Usecase lập đơn nhập hàng



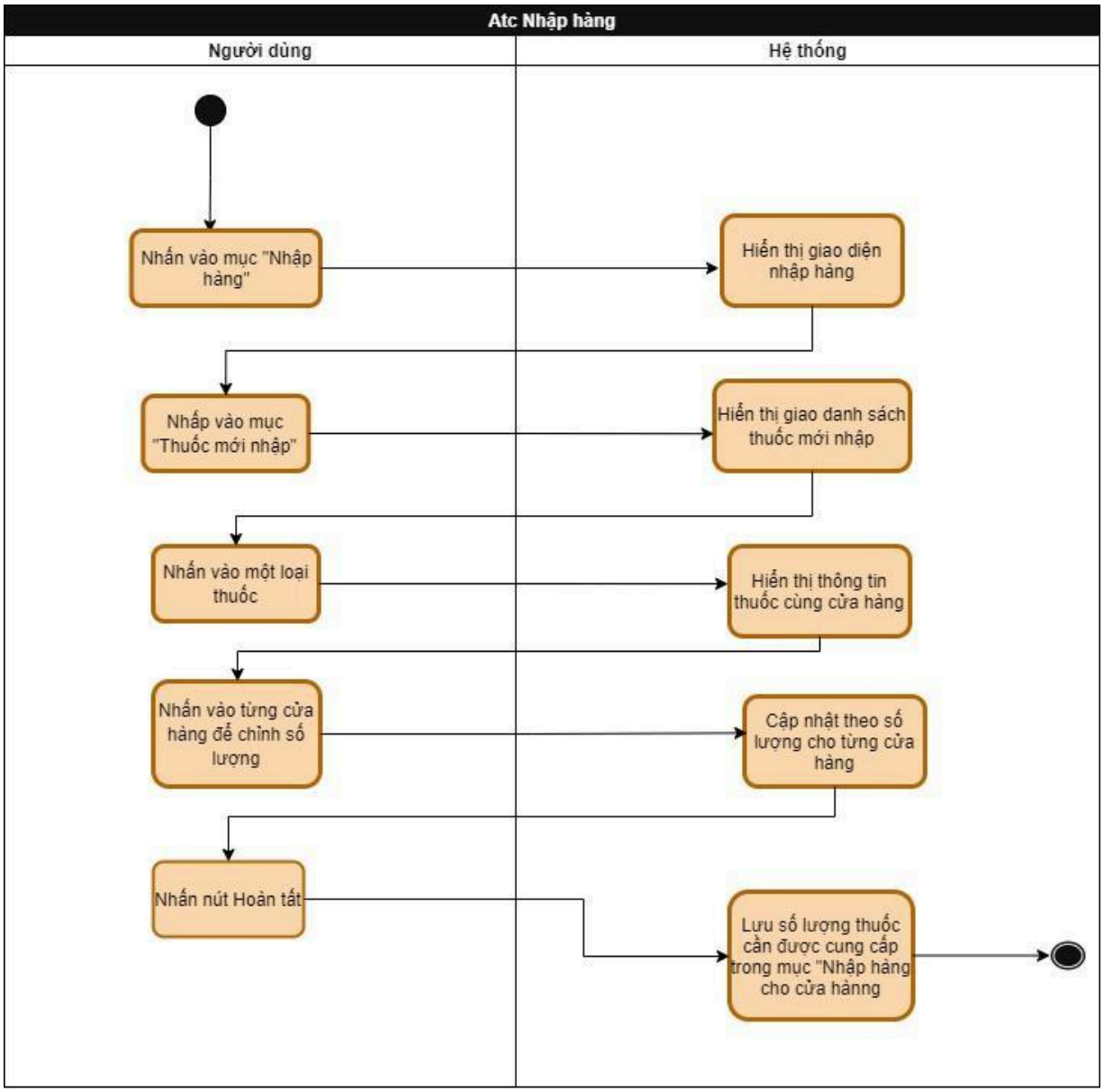
Hình 26 Sơ đồ hoạt động use case lập đơn nhập hàng

3.3.25 Usecase xem tình trạng thuốc



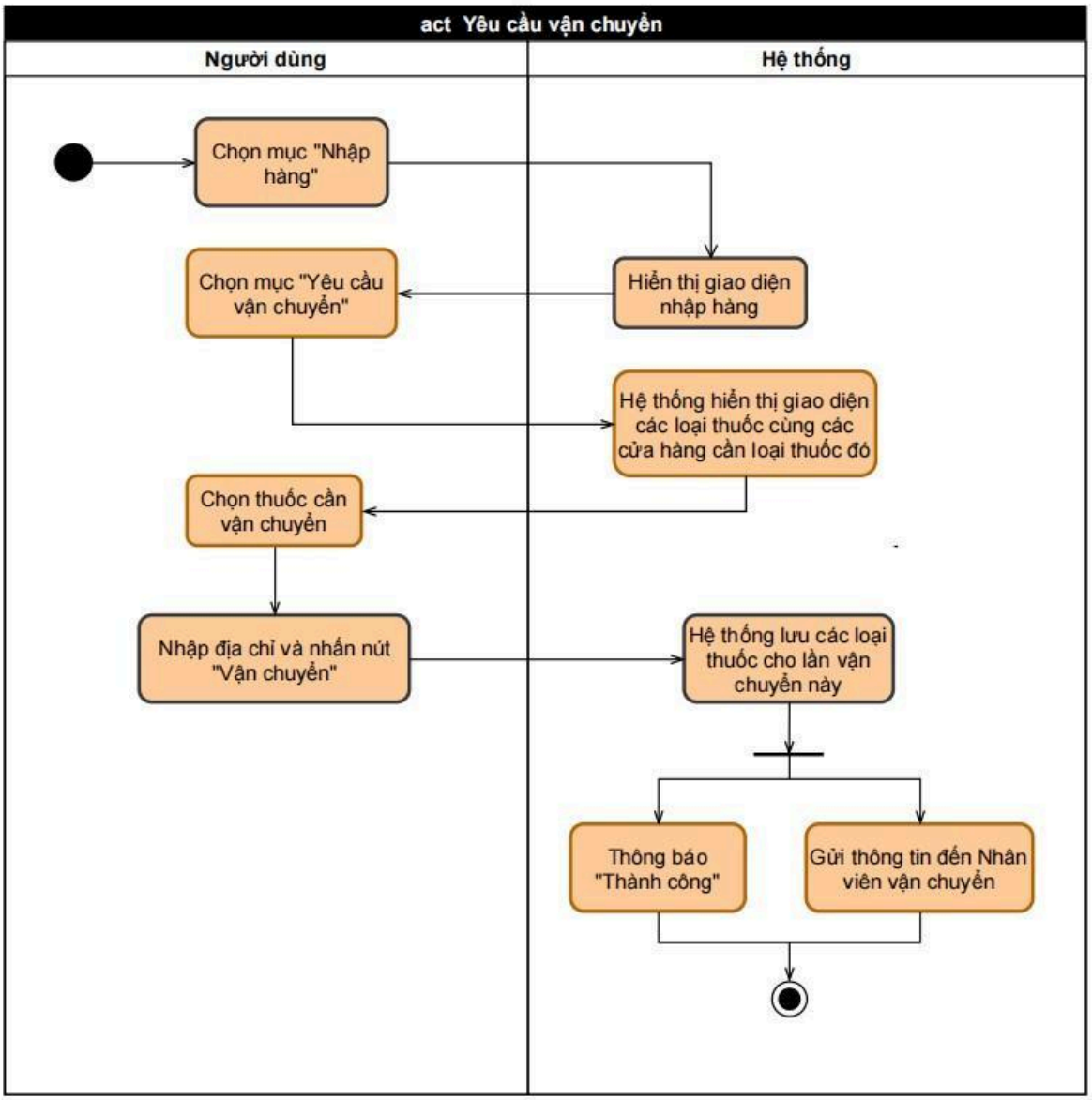
Hình 27 Sơ đồ hoạt động use case xem tình trạng thuốc

3.3.26 Usecase nhập hàng



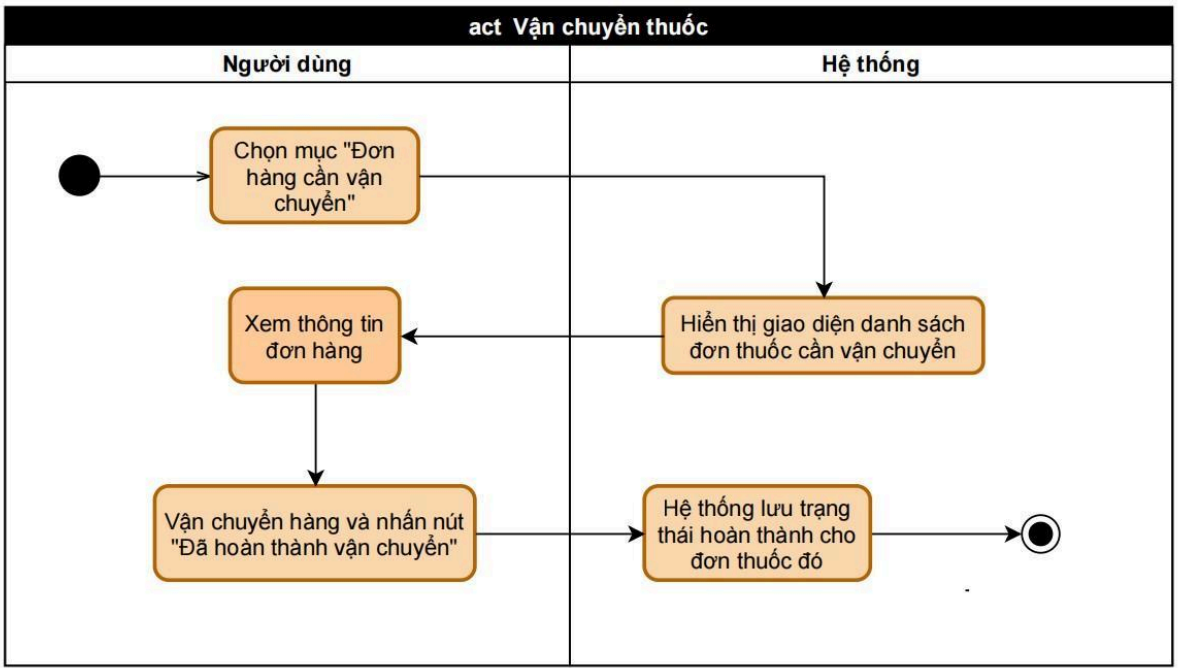
Hình 28 Sơ đồ hoạt động use case nhập hàng

3.3.27 Usecase yêu cầu vận chuyển



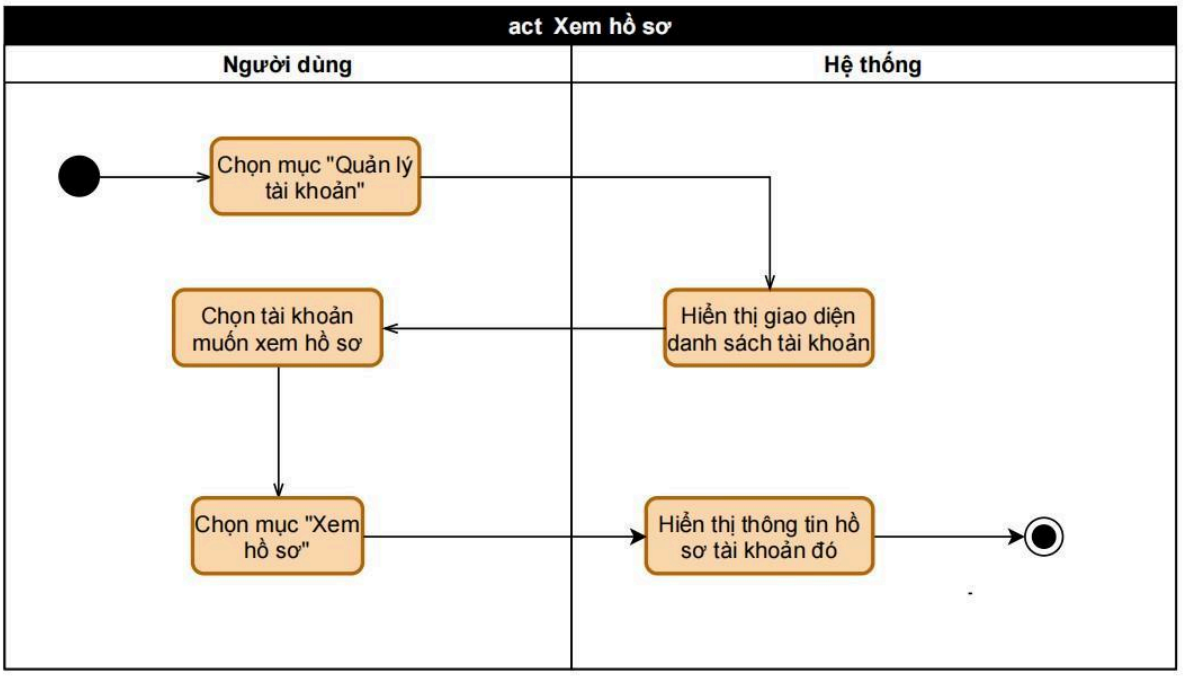
Hình 29 Sơ đồ hoạt động use case yêu cầu vận chuyển

3.3.28 Usecase vận chuyển thuốc



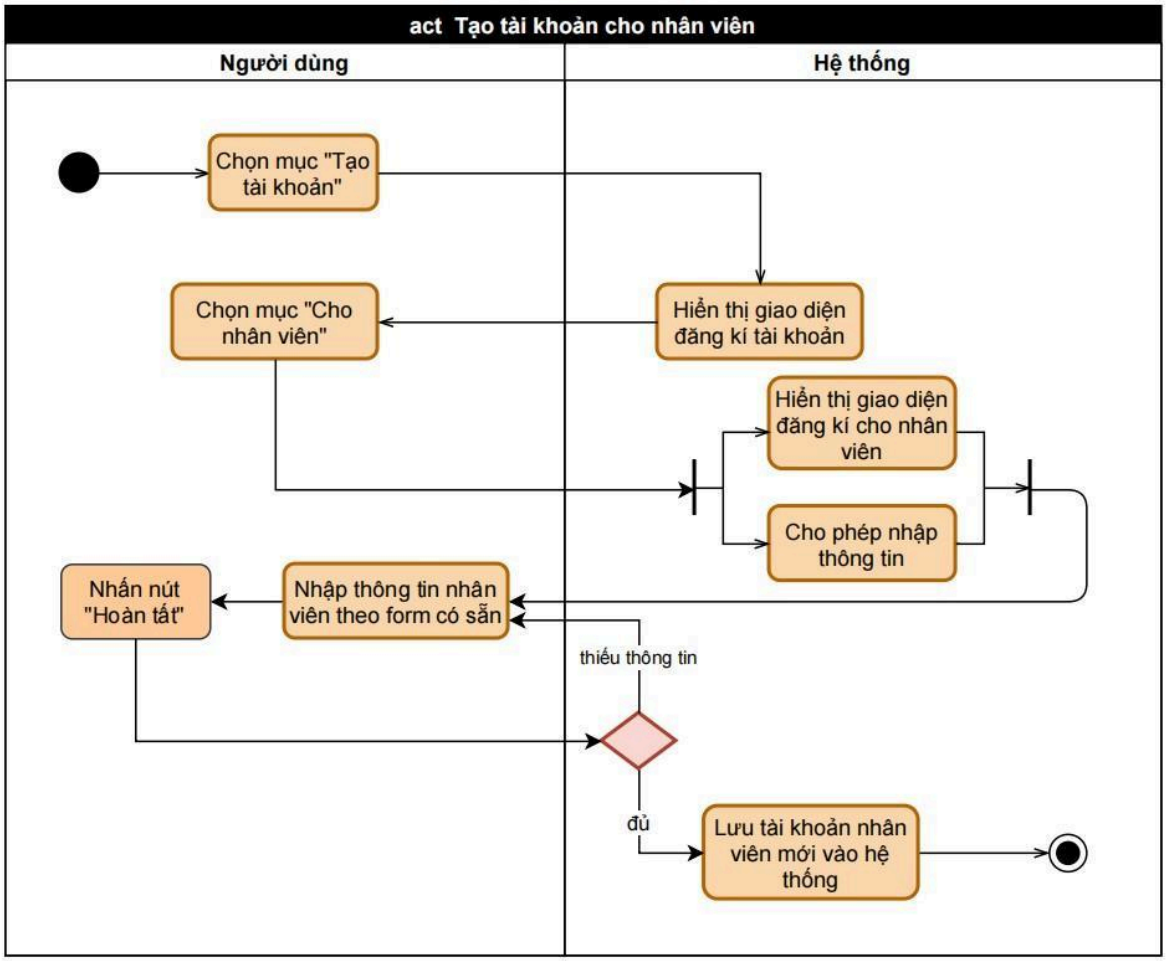
Hình 30 Sơ đồ hoạt động use case vận chuyển thuốc

3.3.29 Usecase xem hồ sơ



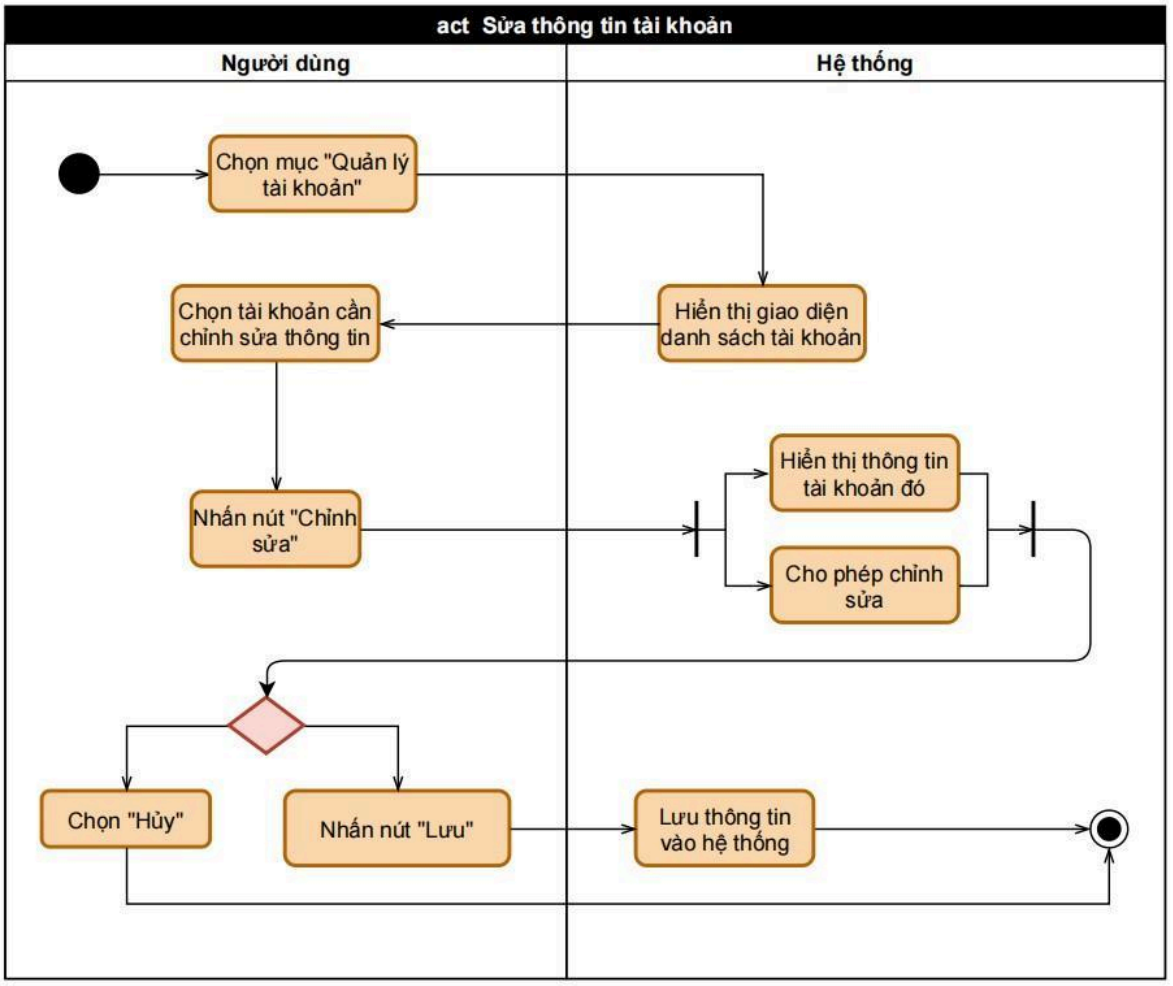
Hình 31 Sơ đồ hoạt động use case xem hồ sơ

3.3.30 Usecase tạo tài khoản cho nhân viên



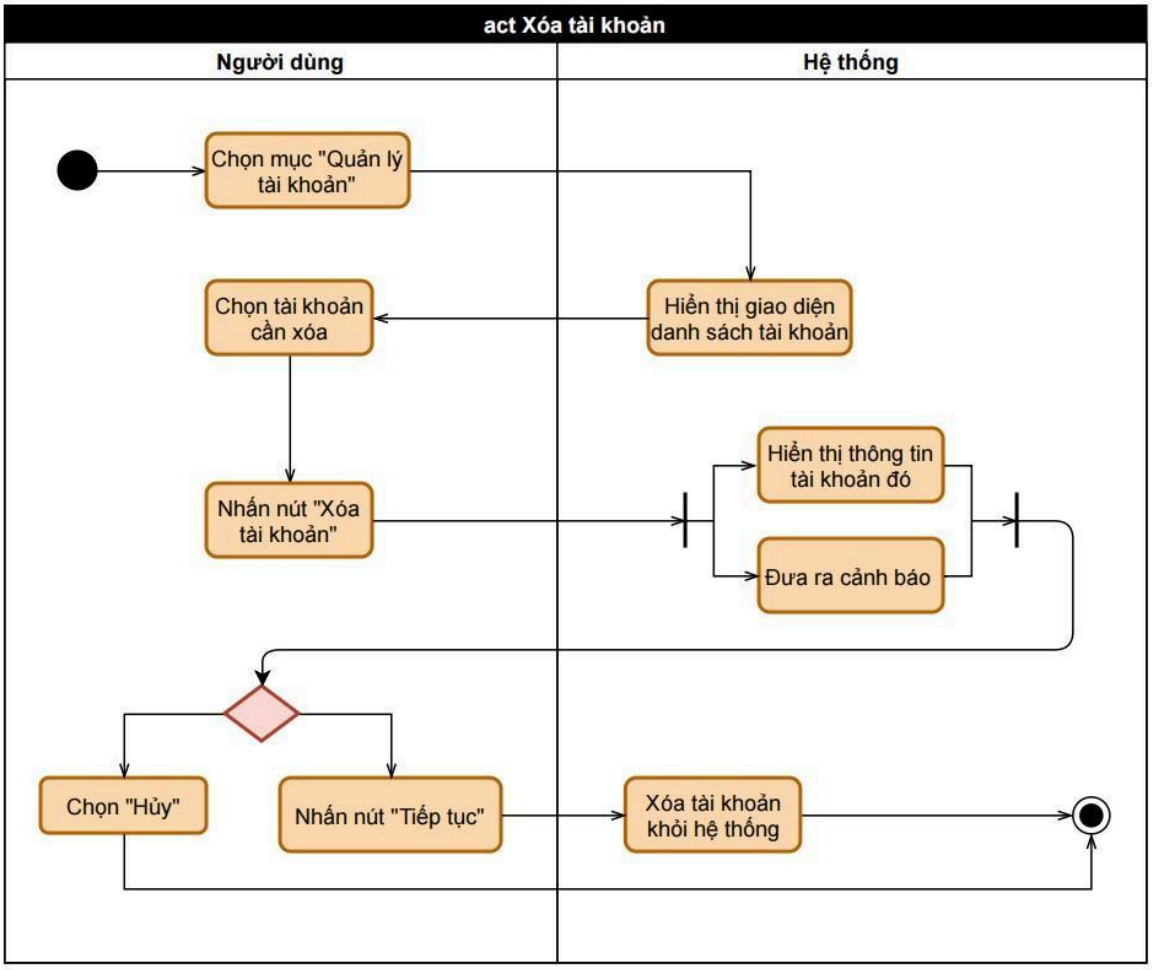
Hình 32 Sơ đồ hoạt động use case tạo tài khoản cho nhân viên

3.3.31 Usecase sửa thông tin tài khoản



Hình 33 Sơ đồ hoạt động use case sửa thông tin tài khoản

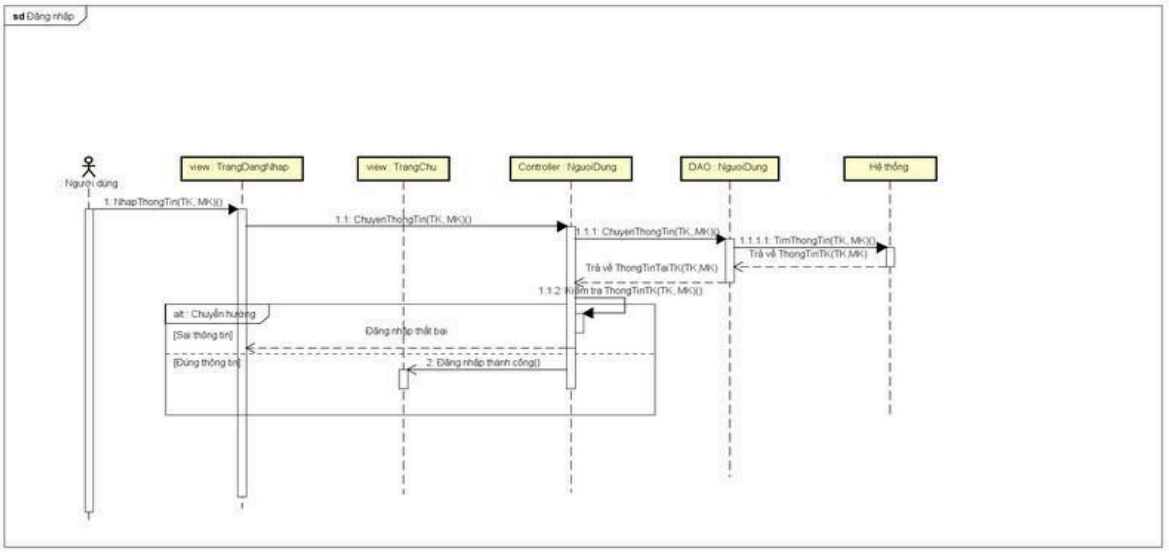
3.3.32 Usecase xóa tài khoản



Hình 34 Sơ đồ hoạt động use case xóa tài khoản

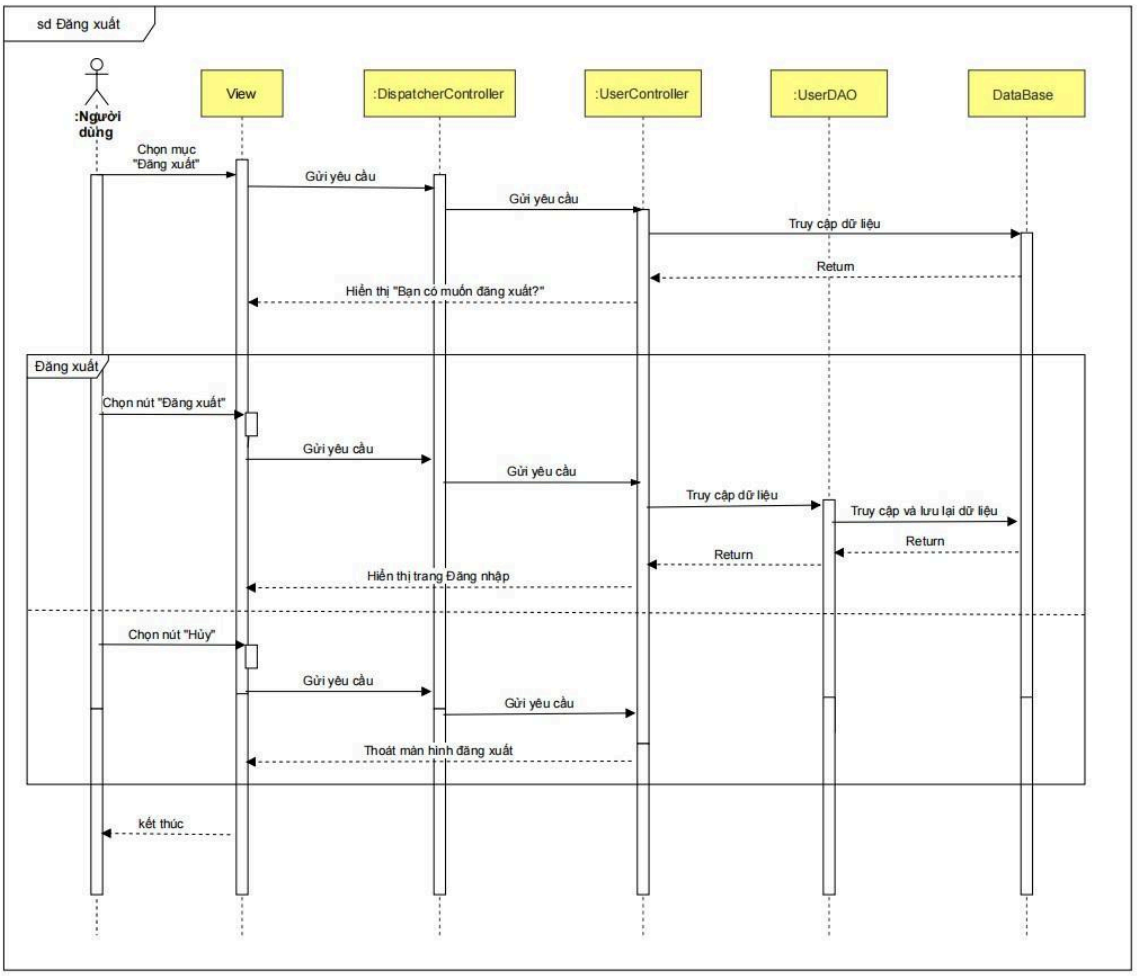
3.4 Sơ đồ tuần tự

3.4.1 Usecase đăng nhập



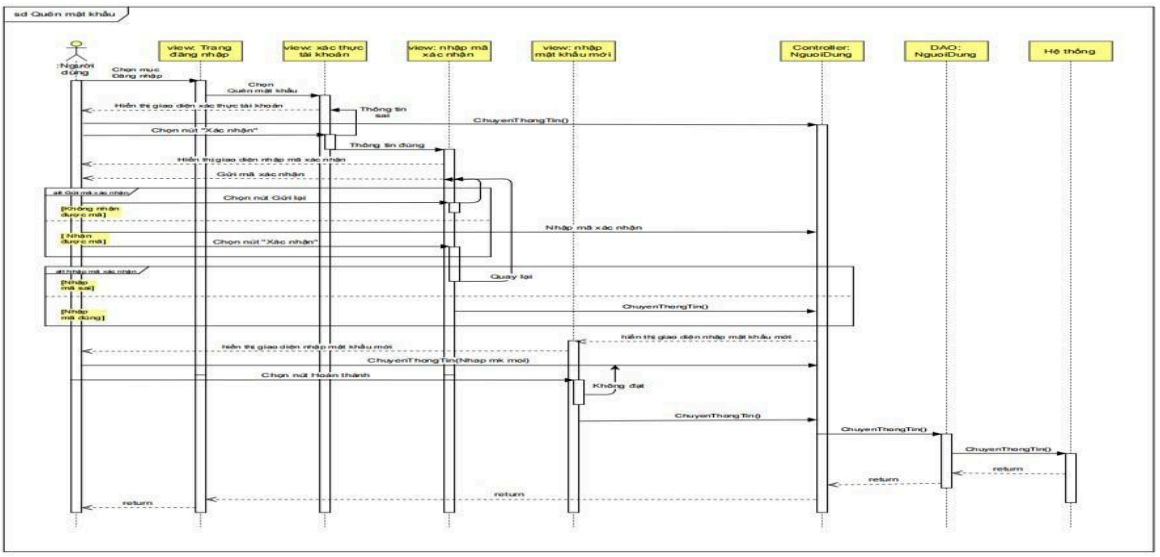
Hình 35 Sơ đồ tuần tự use case đăng nhập

3.4.2 Usecase đăng xuất



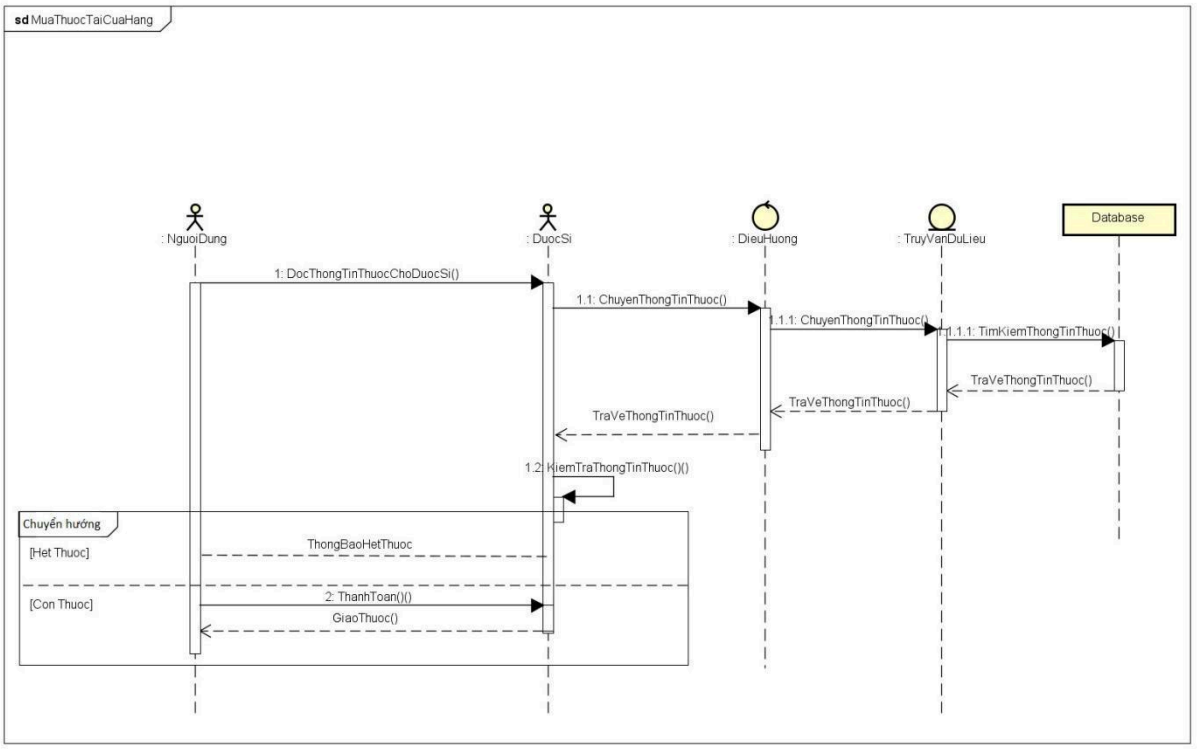
Hình 36 Sơ đồ tuần tự use case đăng xuất

3.4.3 Usecase quên mật khẩu



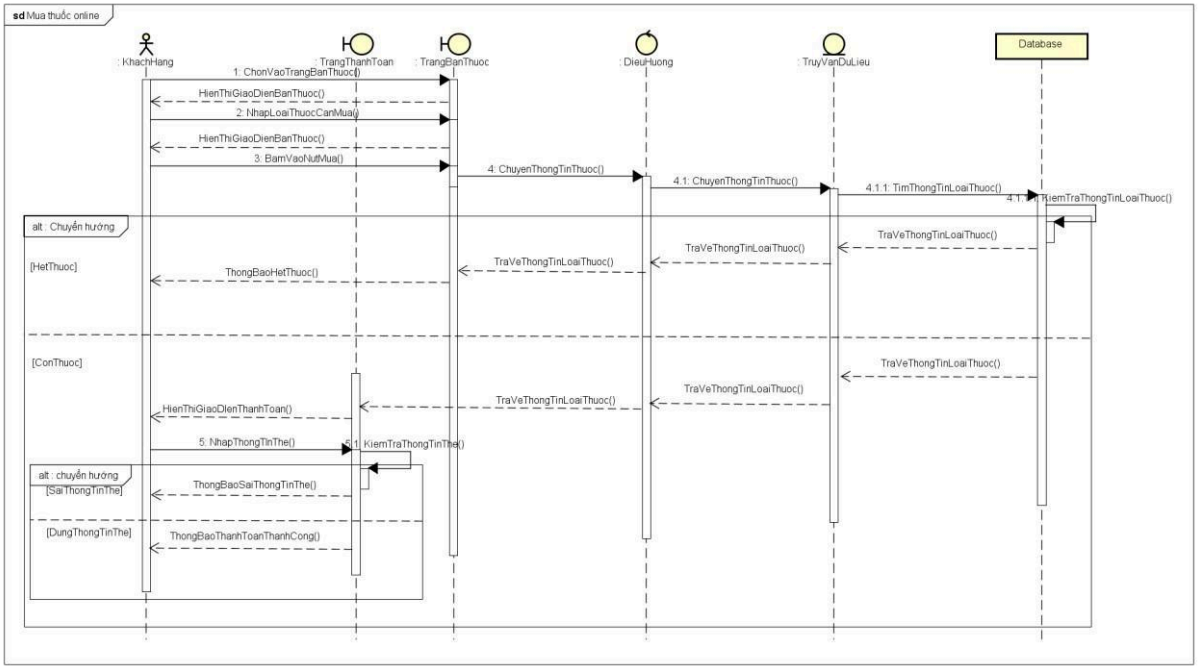
Hình 37 Sơ đồ tuần tự use case quên mật khẩu

3.4.4 Usecase mua thuốc tại cửa hàng



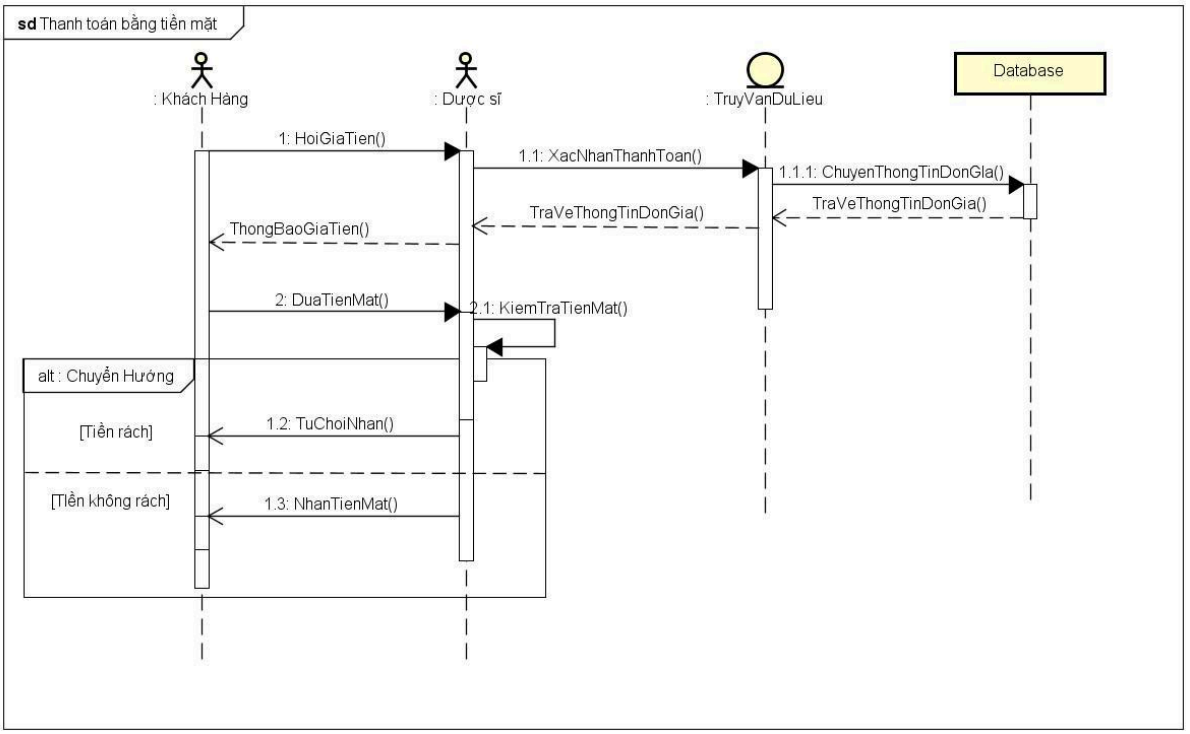
Hình 38 Sơ đồ tuần tự use case mua thuốc tại cửa hàng

3.4.5 Usecase mua thuốc qua hệ thống



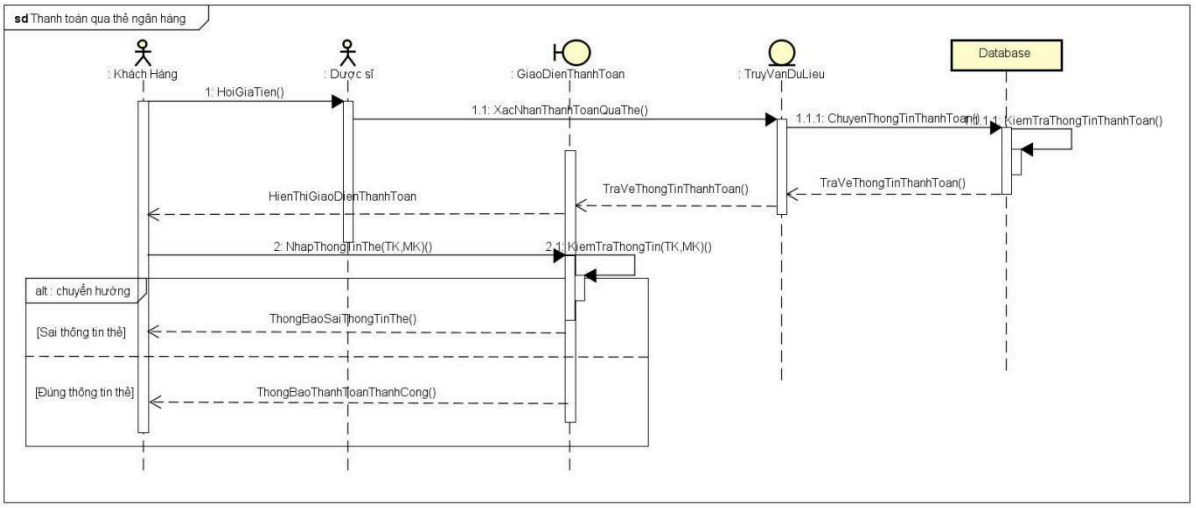
Hình 39 Sơ đồ tuần tự use case mua thuốc qua hệ thống

3.4.6 Usecase thanh toán tiền mặt



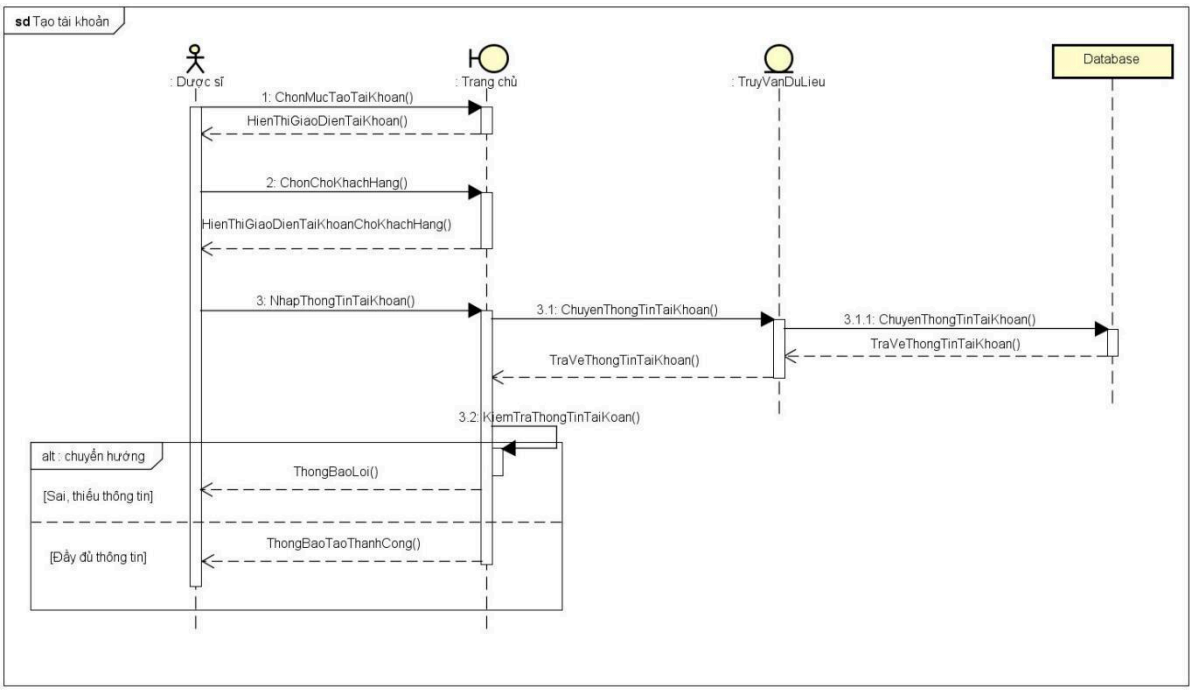
Hình 40 Sơ đồ tuần tự use thanh toán tiền mặt

3.4.7 Usecase thanh toán qua thẻ



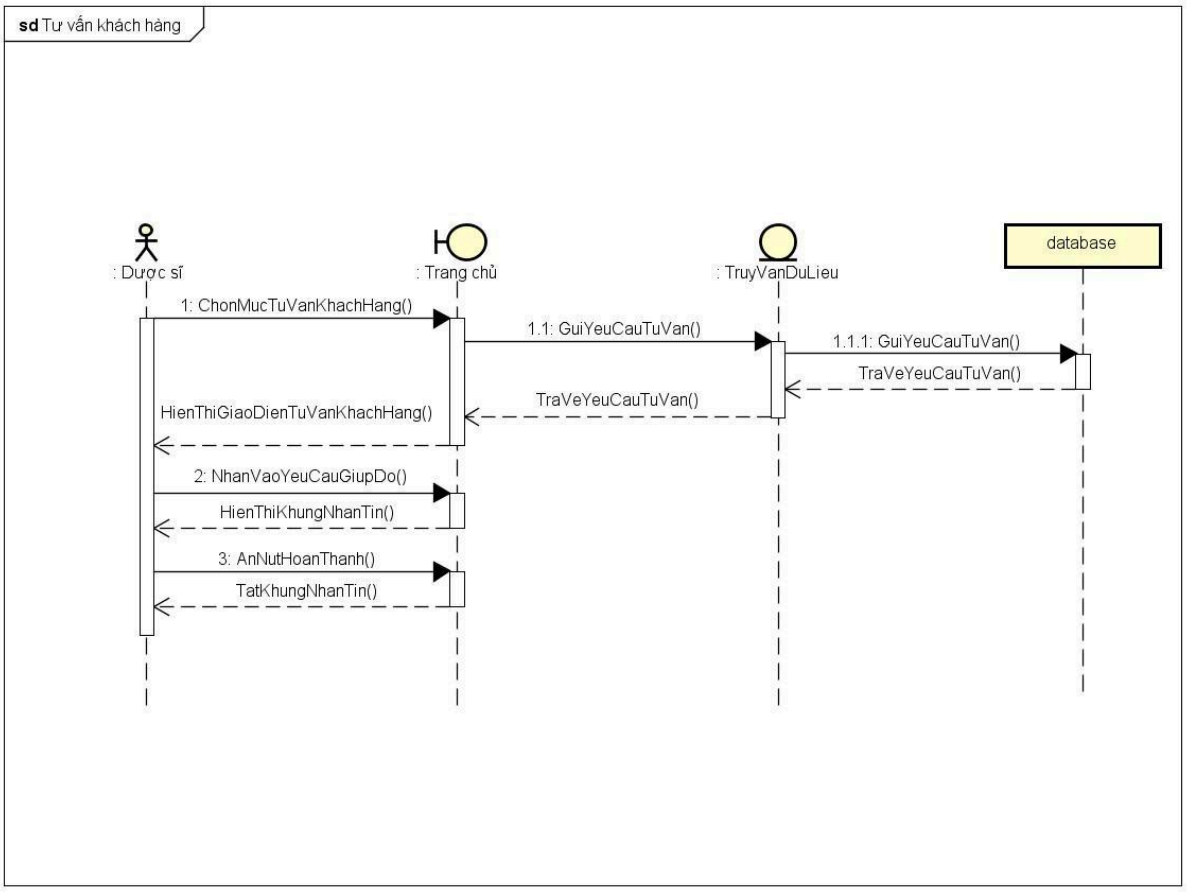
Hình 41 Sơ đồ tuần tự use case thanh toán qua thẻ

3.4.8 Usecase tạo tài khoản cho khách hàng



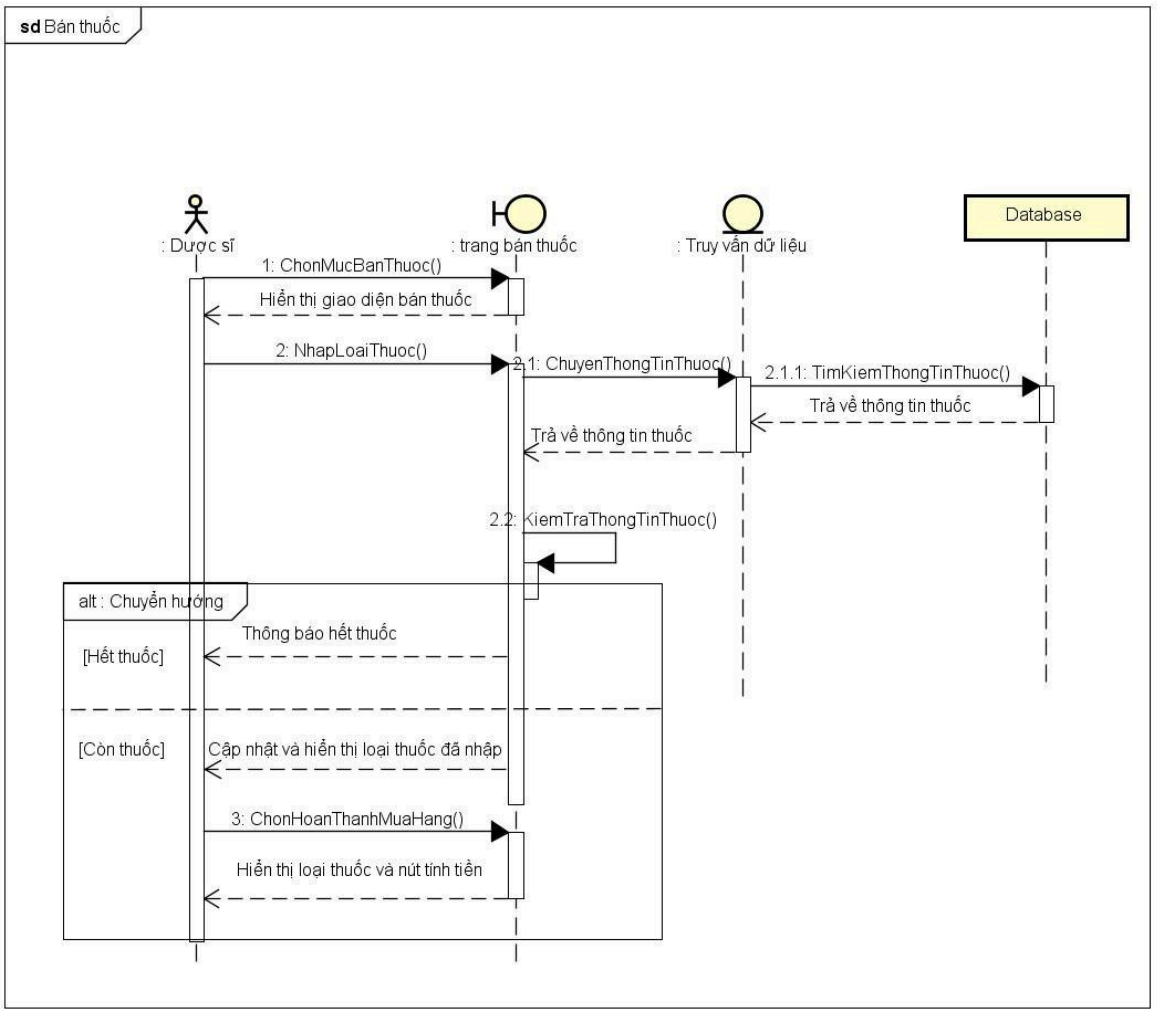
Hình 42 Sơ đồ tuần tự use case tạo tài khoản cho khách hàng

3.4.9 Usecase tư vấn khách hàng



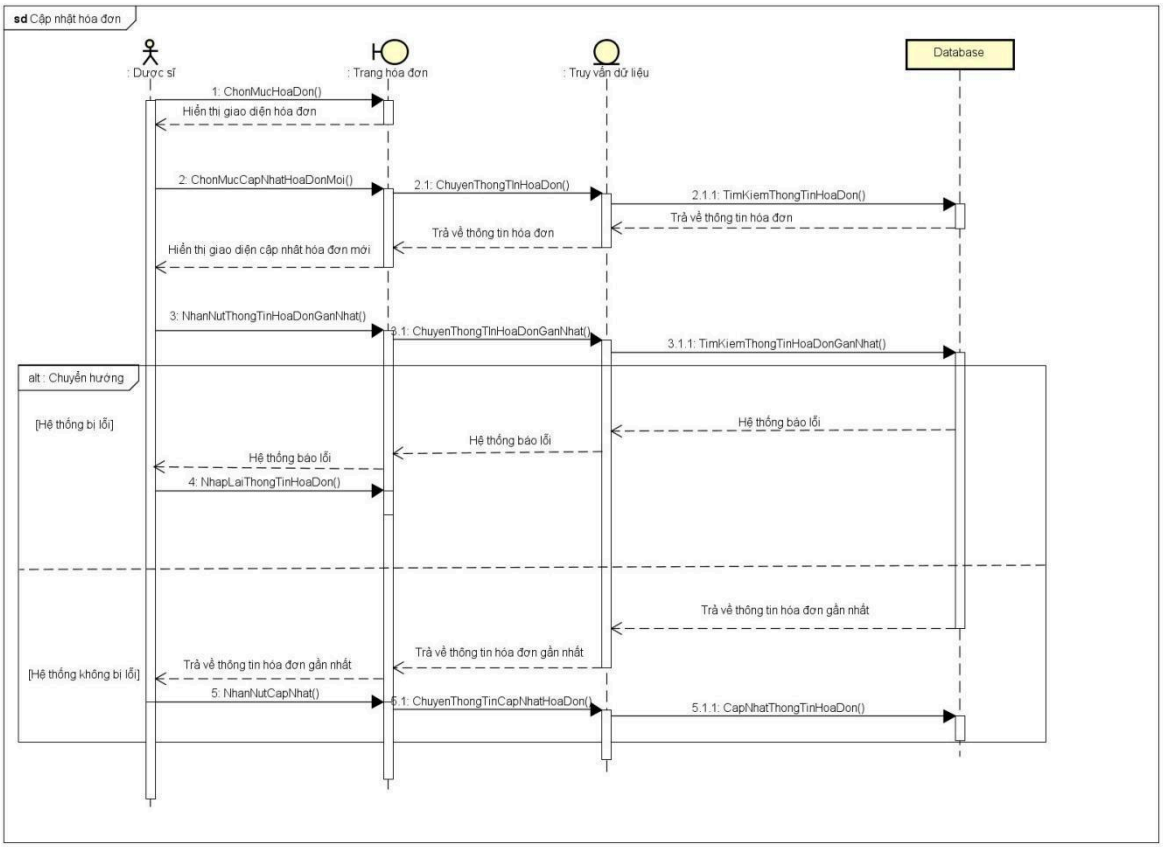
Hình 43 Sơ đồ tuần tự use case tư vấn khách hàng

3.4.10 Usecase bán thuốc



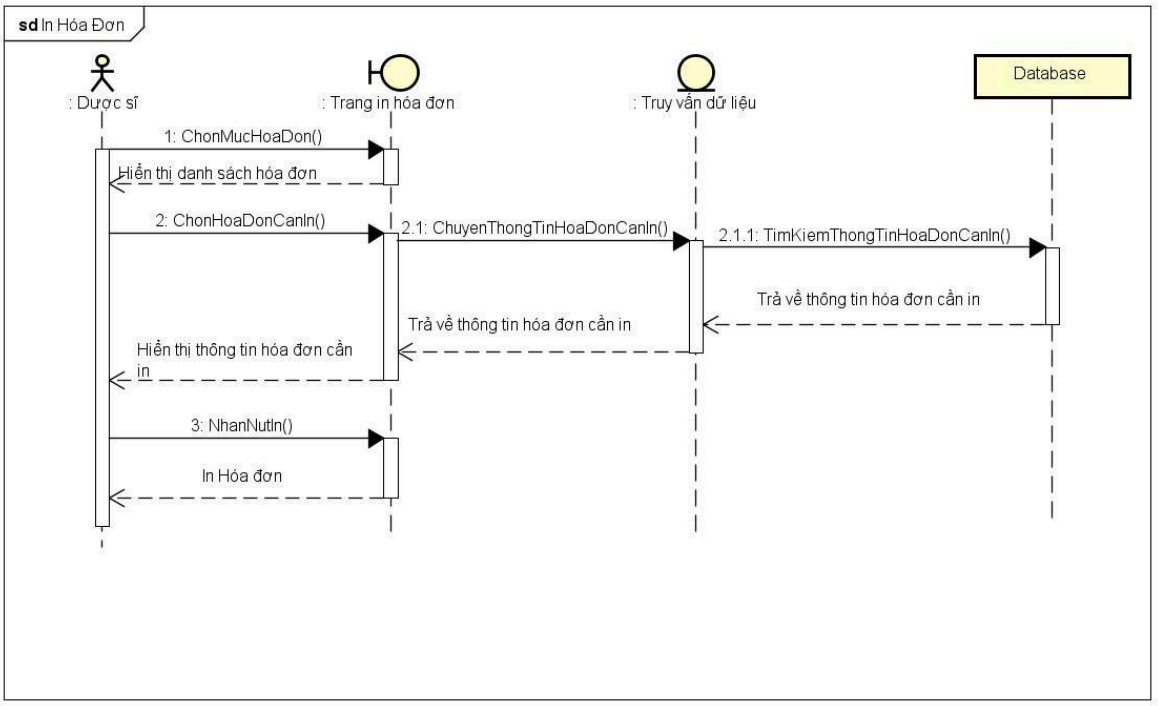
Hình 44 Sơ đồ tuần tự use case bán thuốc

3.4.11 Usecase cập nhật hóa đơn



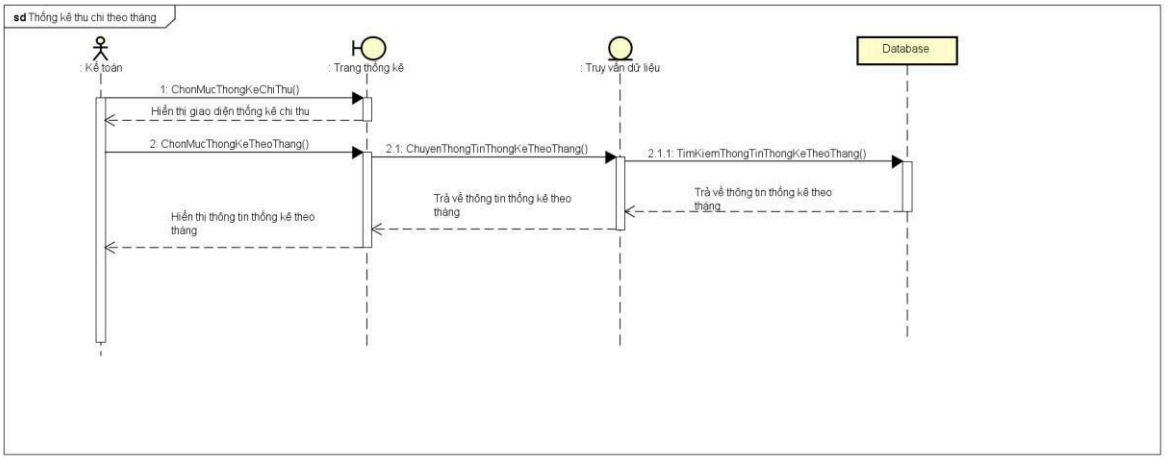
Hình 45 Sơ đồ tuần tự use case cập nhật hóa đơn

3.4.12 Usecase in hoá đơn



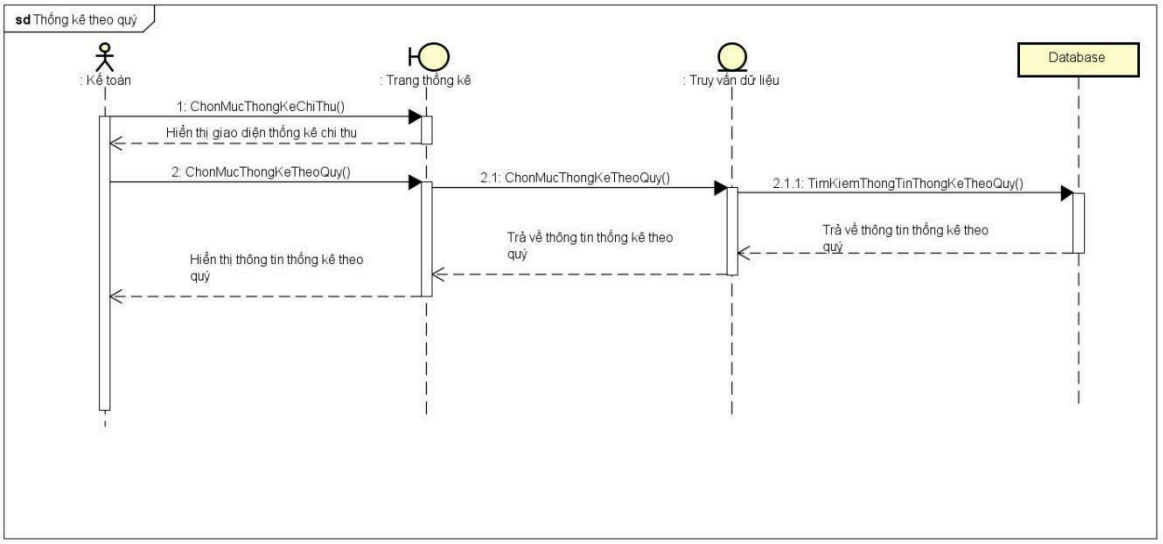
Hình 46 Sơ đồ tuần tự use case in hóa đơn

3.4.13 Usecase thống kê chi thu theo tháng



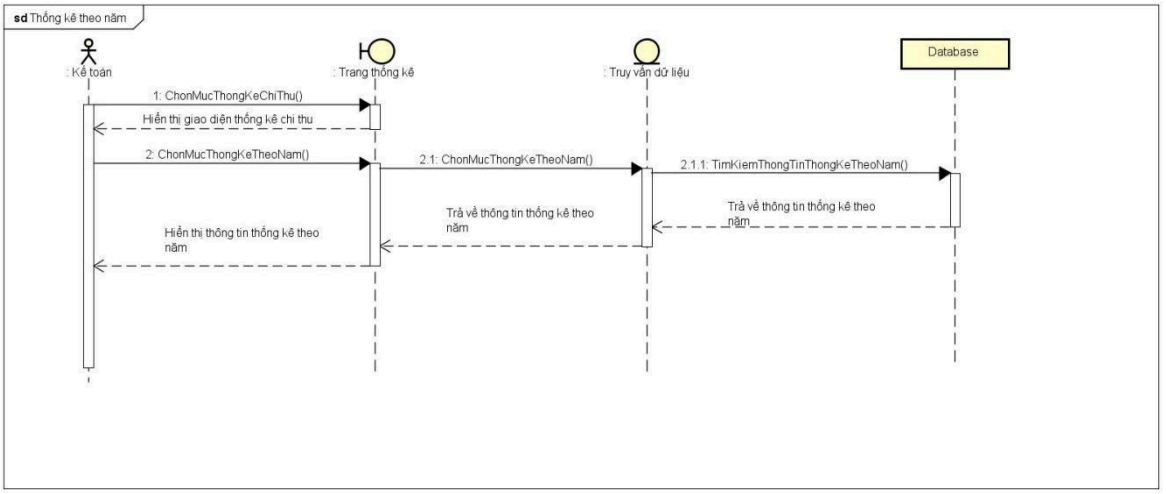
Hình 47 Sơ đồ tuần tự use case thống kê chi thu theo tháng

3.4.14 Usecase thống kê chi thu theo quý



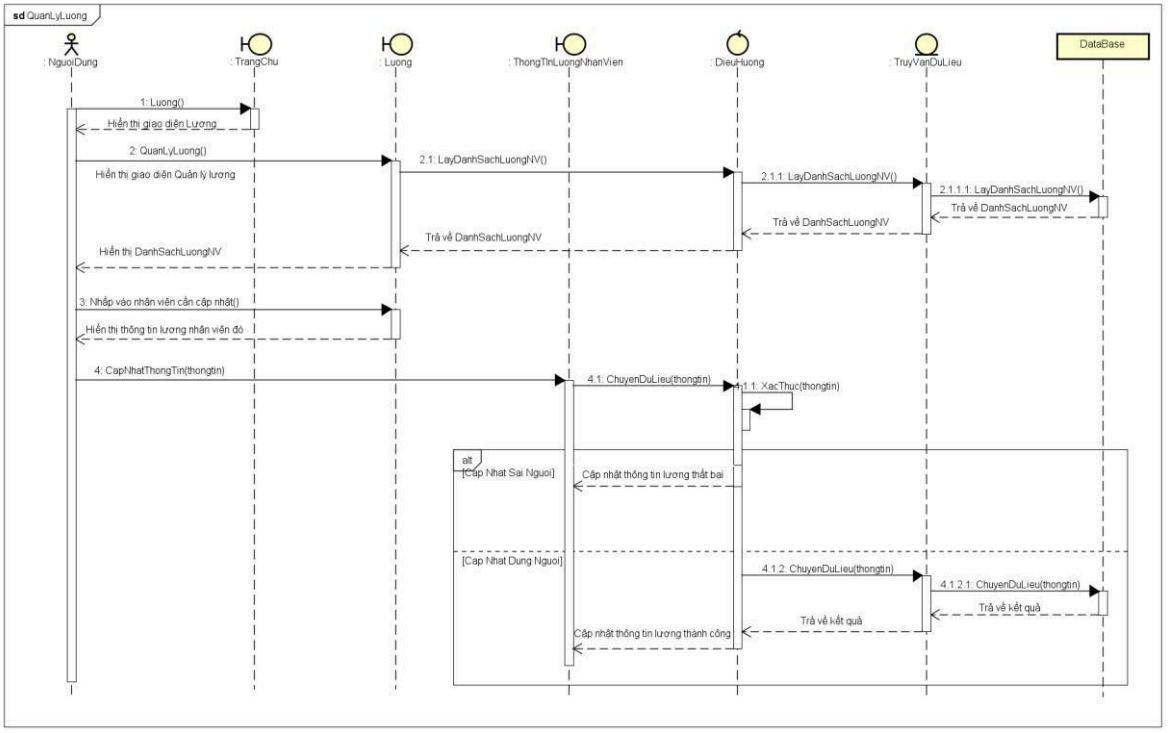
Hình 48 Sơ đồ tuần tự use case thống kê chi thu theo quý

3.4.15 Usecase thống kê chi thu theo năm



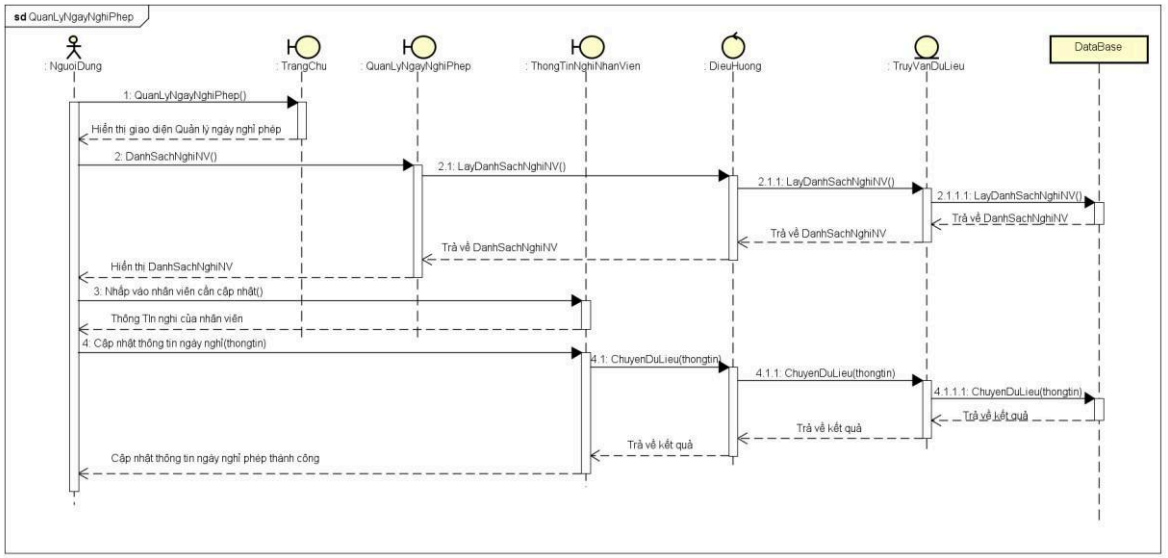
Hình 49 Sơ đồ tuần tự use case thống kê chi thu theo năm

3.4.16 Usecase quản lý lương



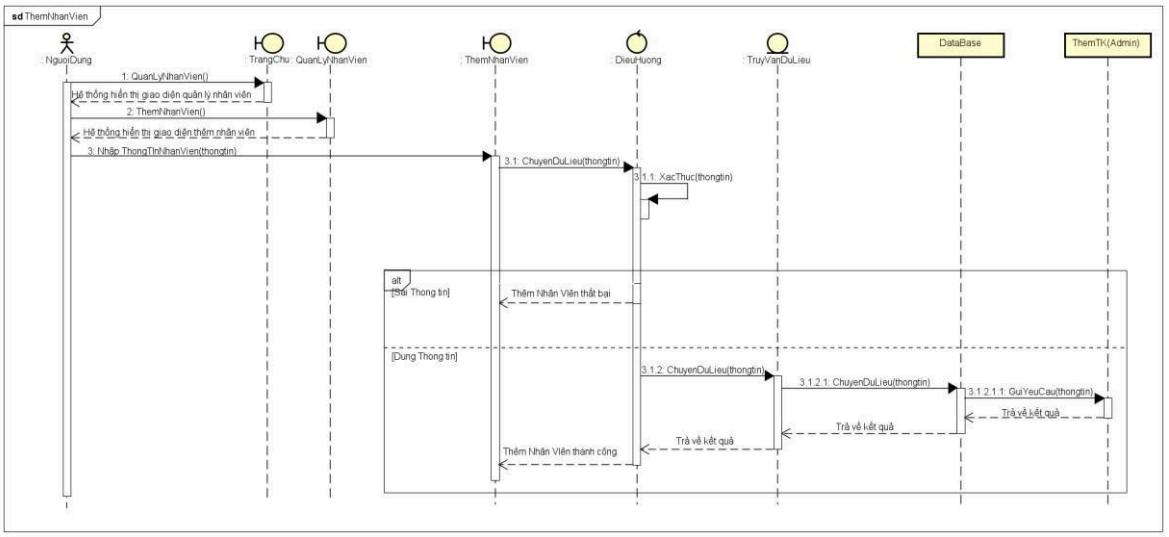
Hình 50 Sơ đồ tuần tự use case quản lý lương

3.4.17 Usecase quản lý ngày nghỉ phép



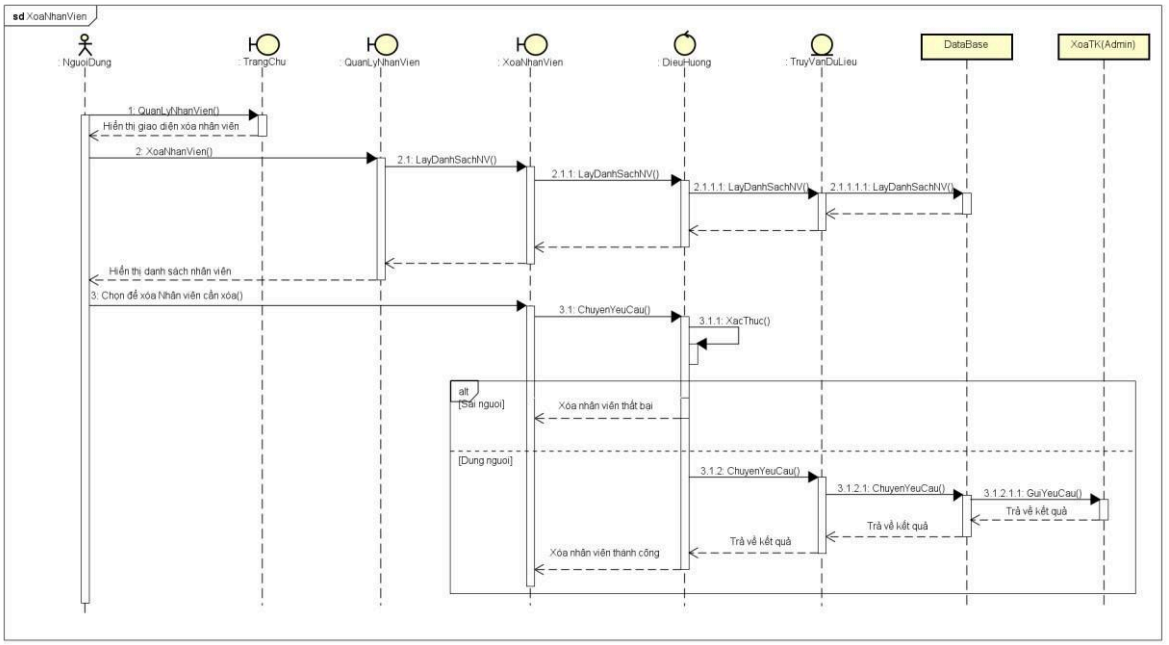
Hình 51 Sơ đồ tuần tự use case quản lý ngày nghỉ phép

3.4.18 Usecase thêm nhân viên



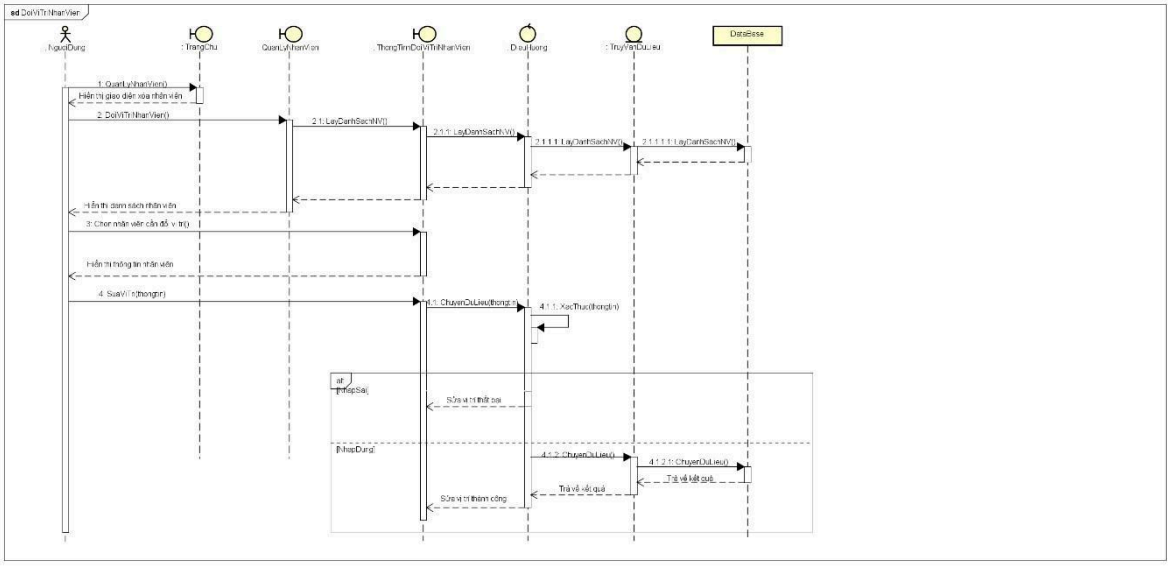
Hình 52 Sơ đồ tuần tự use case thêm nhân viên

3.4.19 Usecase xóa nhân viên



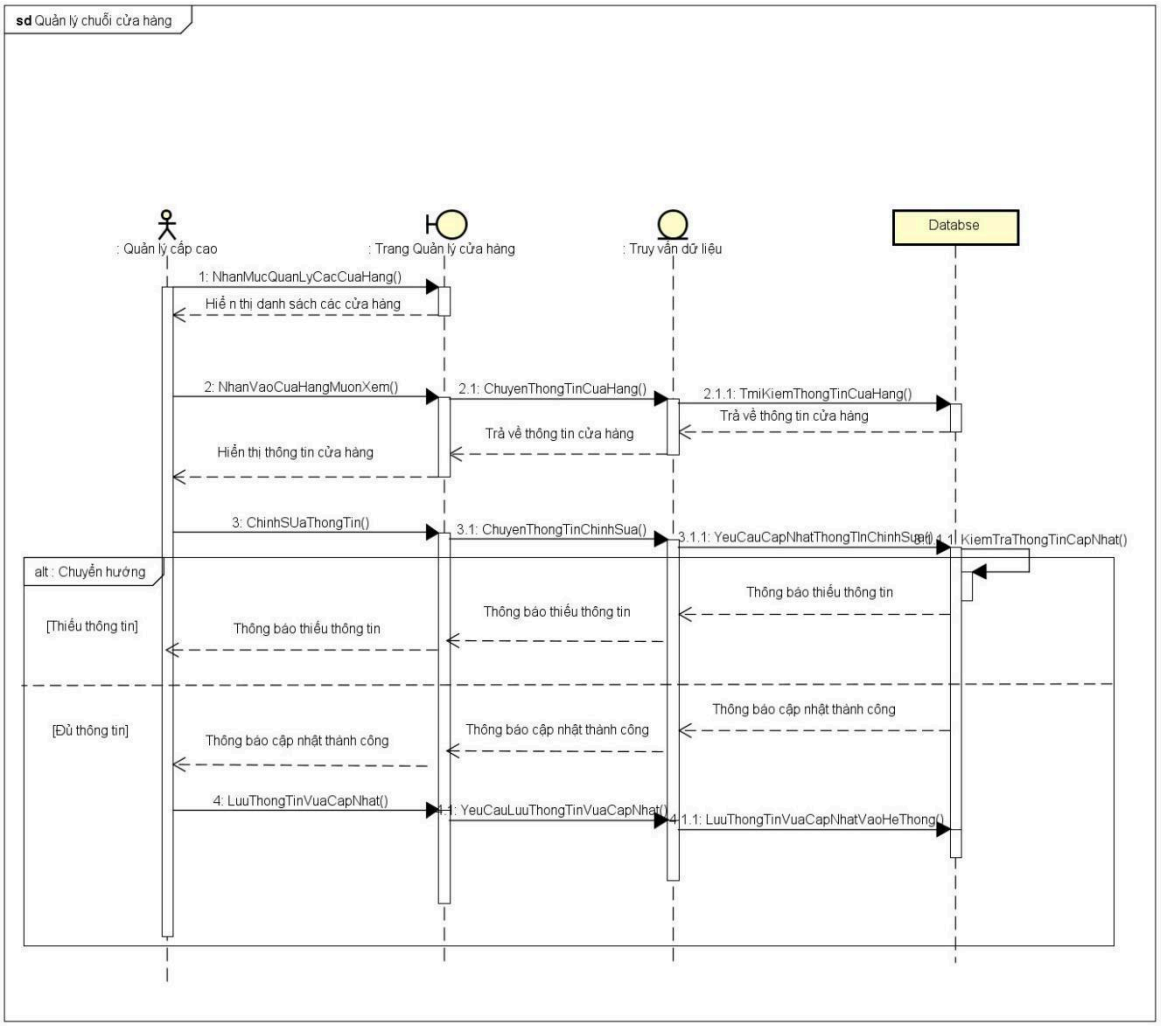
Hình 53 Sơ đồ tuần tự use case xóa nhân viên

3.4.20 Usecase đổi vị trí nhân viên



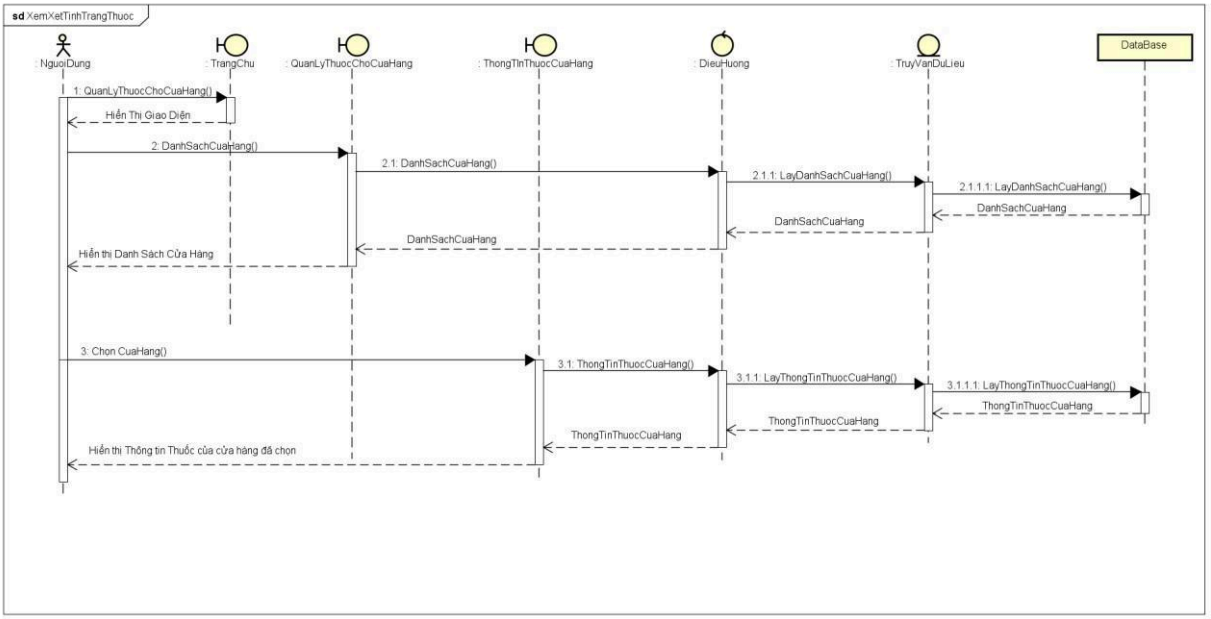
Hình 54 Sơ đồ tuần tự usecase đổi vị trí nhân viên

3.4.21 Usecase quản lí chuỗi nhà thuốc



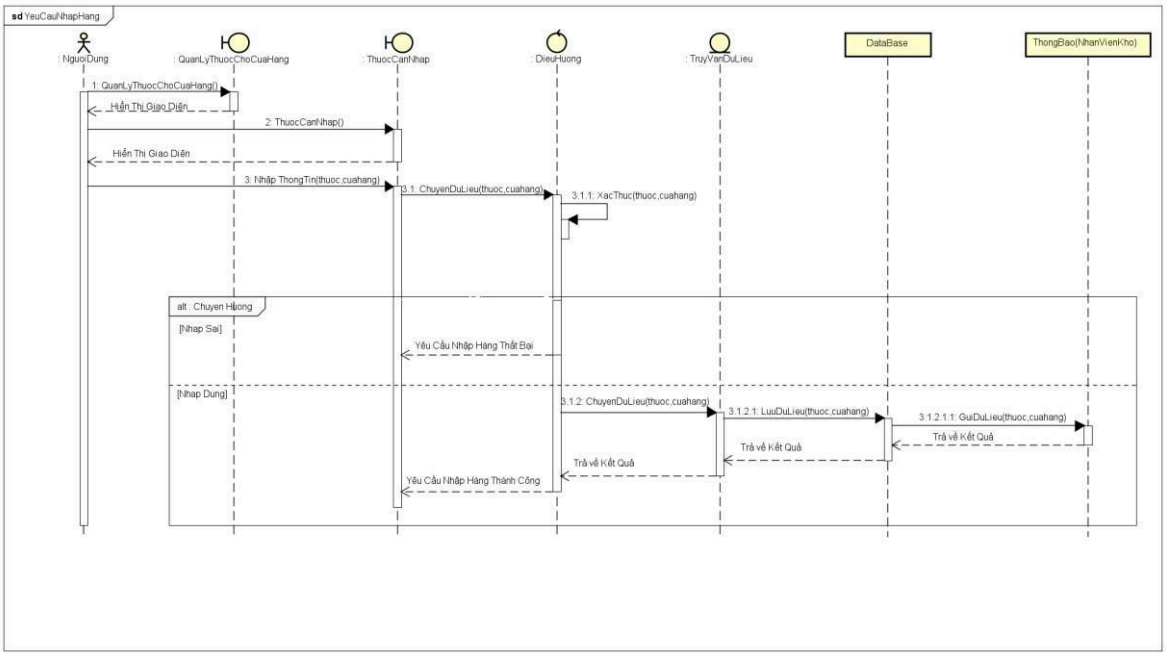
Hình 55 Sơ đồ tuần tự use case quản lý chuỗi cửa hàng

3.4.22 Usecase xem xét tình trạng thuốc của các cửa hàng



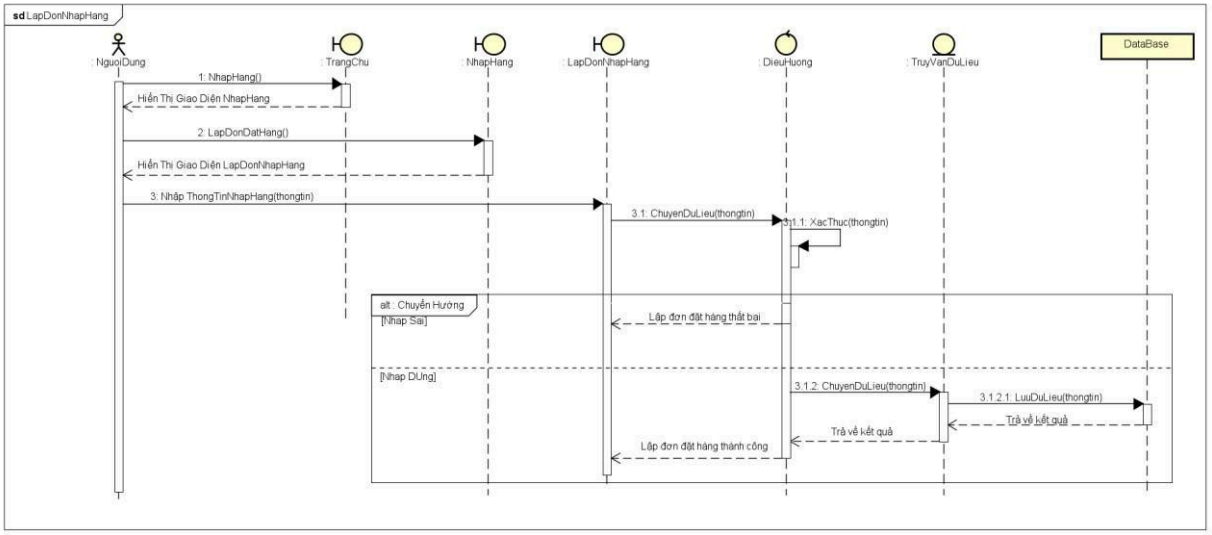
Hình 56 Sơ đồ tuần tự usecase xem xét tình trạng thuốc của các cửa hàng

3.4.23 Usecase yêu cầu nhập hàng



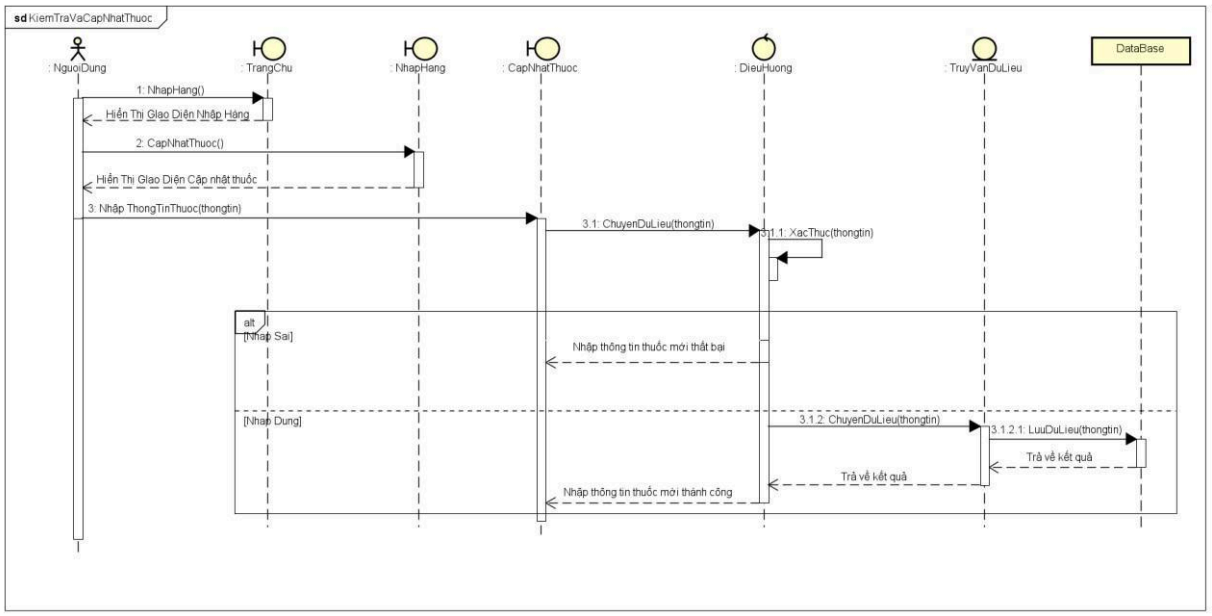
Hình 57 Sơ đồ tuần tự use case yêu cầu nhập hàng

3.4.24 Usecase lập đơn nhập hàng



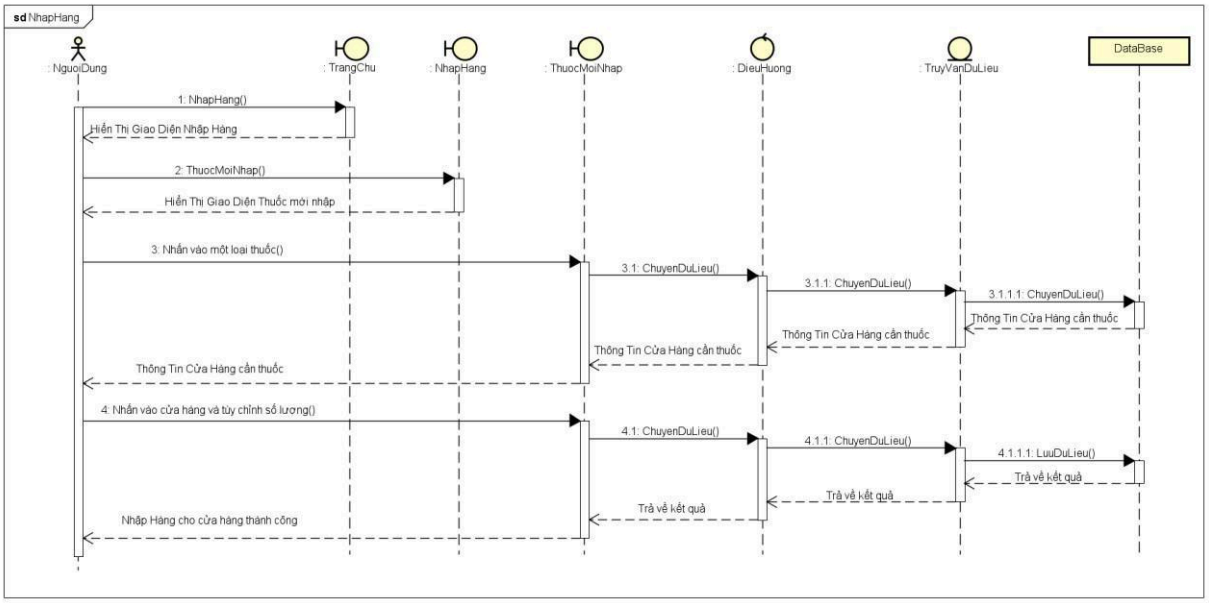
Hình 58 Sơ đồ tuần tự use case lập đơn nhập hàng

3.4.25 Usecase kiểm tra và cập nhật thuốc



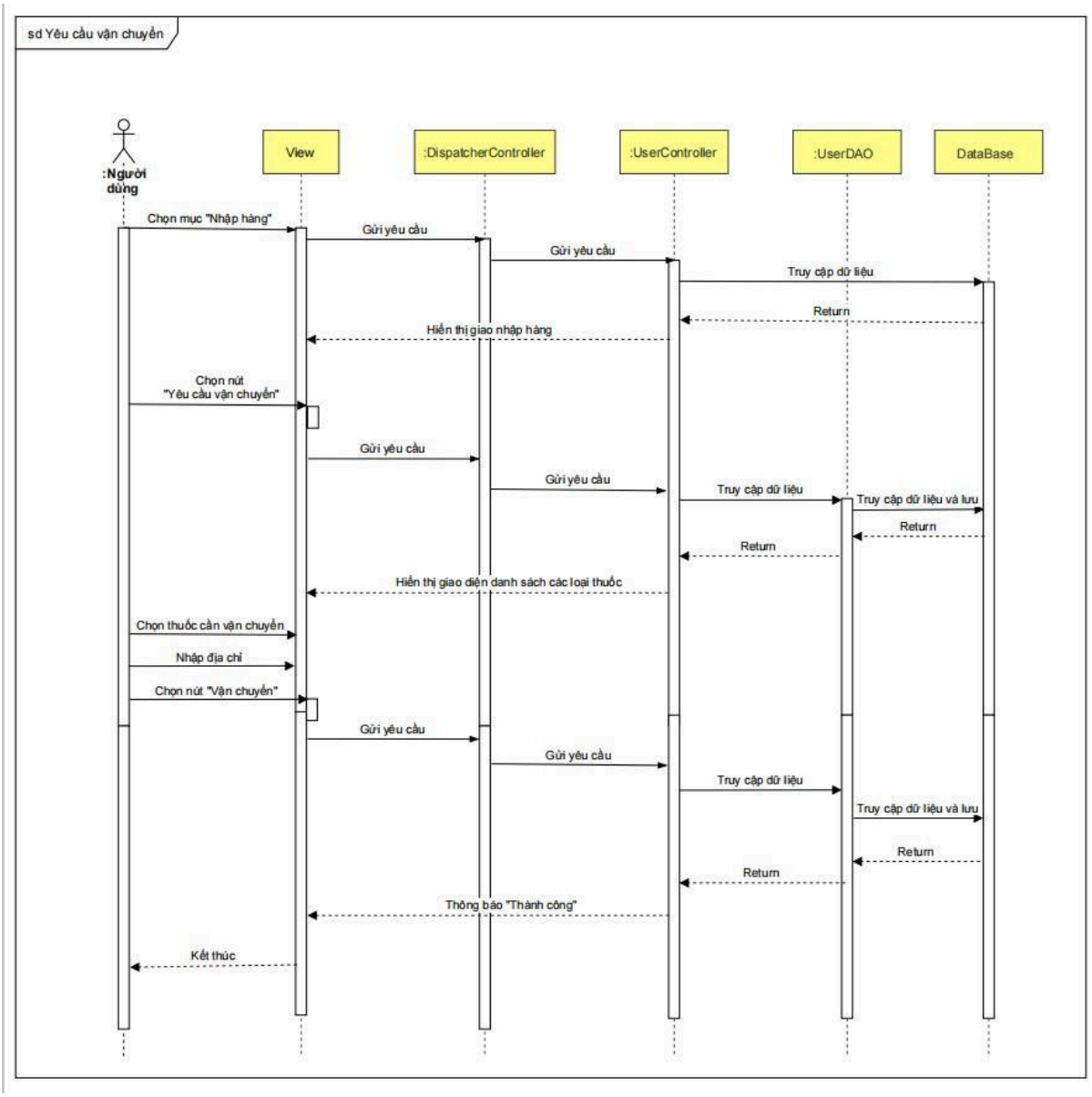
Hình 59 Sơ đồ tuần tự use case kiểm tra và cập nhật thuốc

3.4.26 Usecase nhập hàng



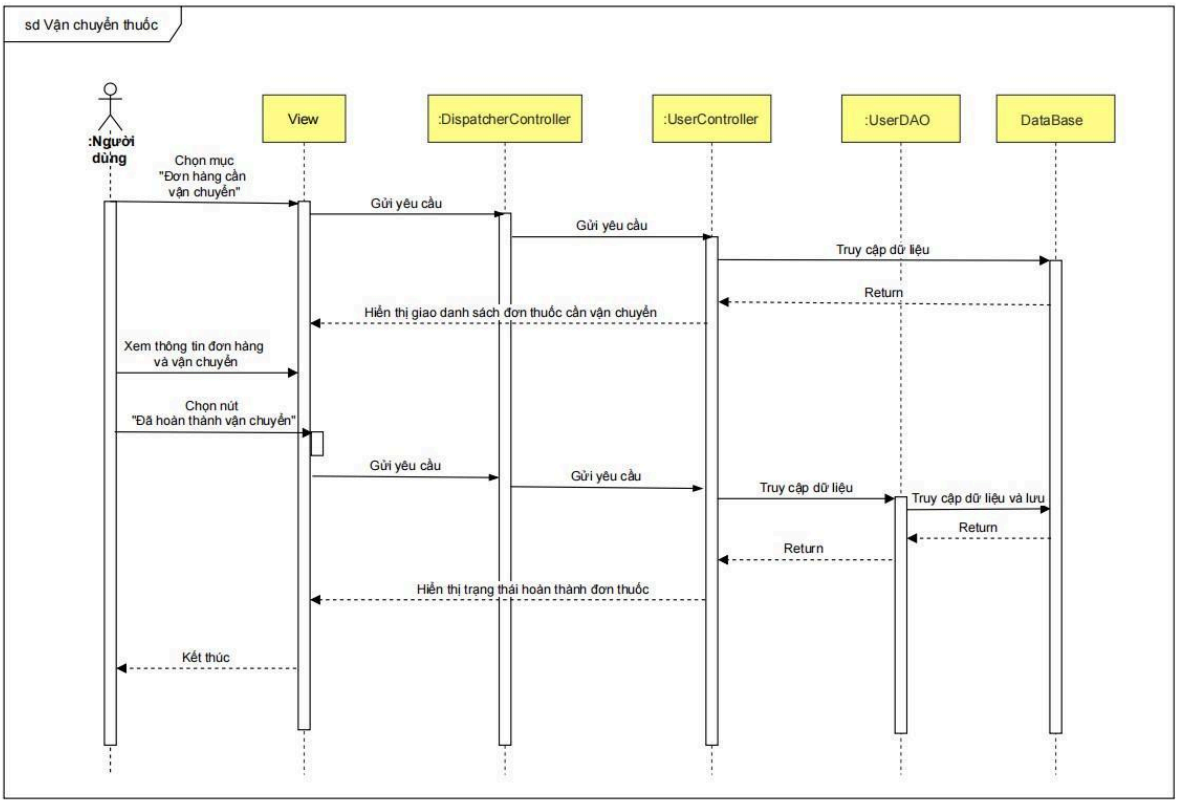
Hình 60 Sơ đồ tuần tự use case nhập hàng

3.4.27 Usecase yêu cầu vận chuyển



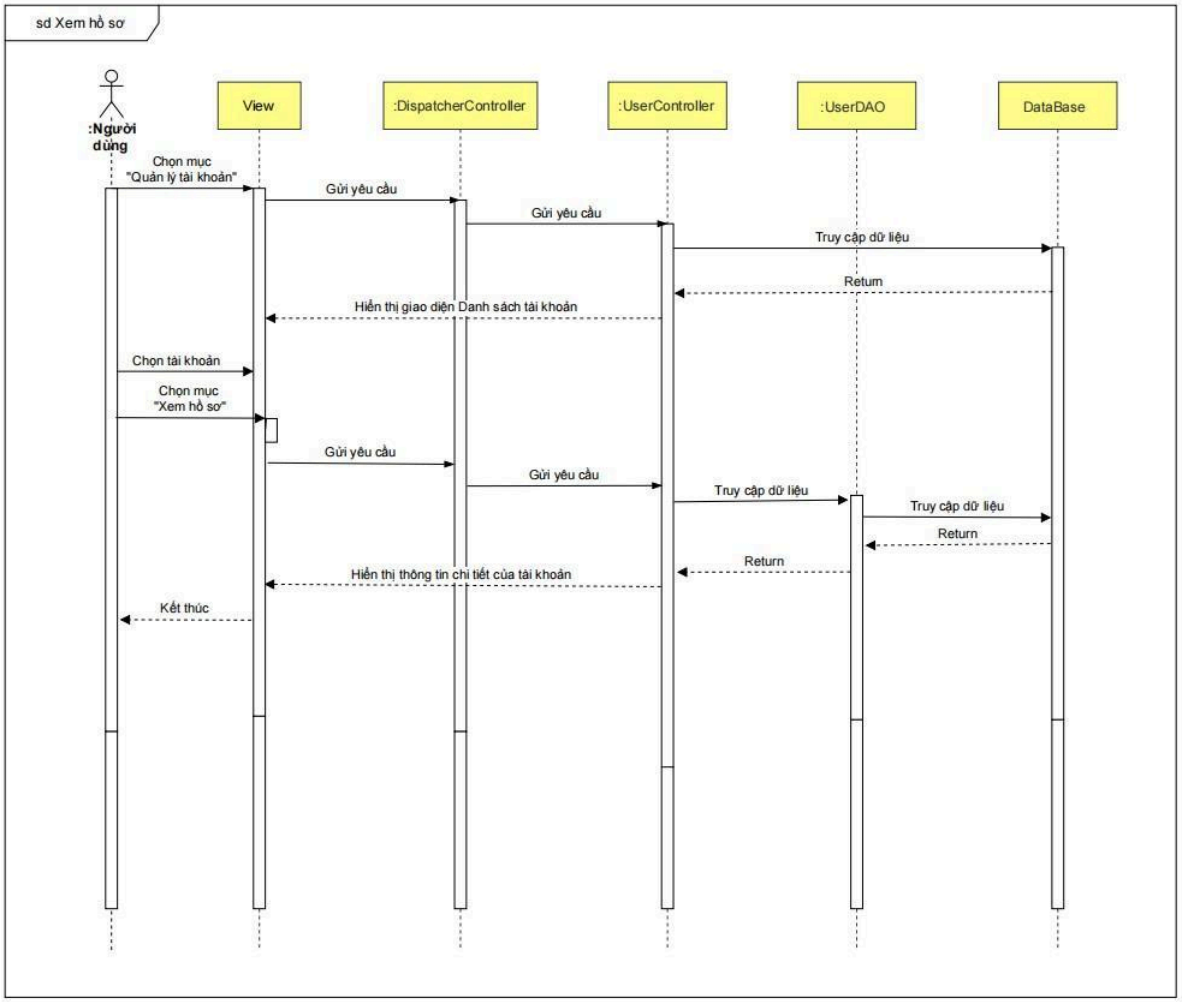
Hình 61 Sơ đồ tuần tự use case yêu cầu vận chuyển

3.4.28 Usecase vận chuyển thuốc



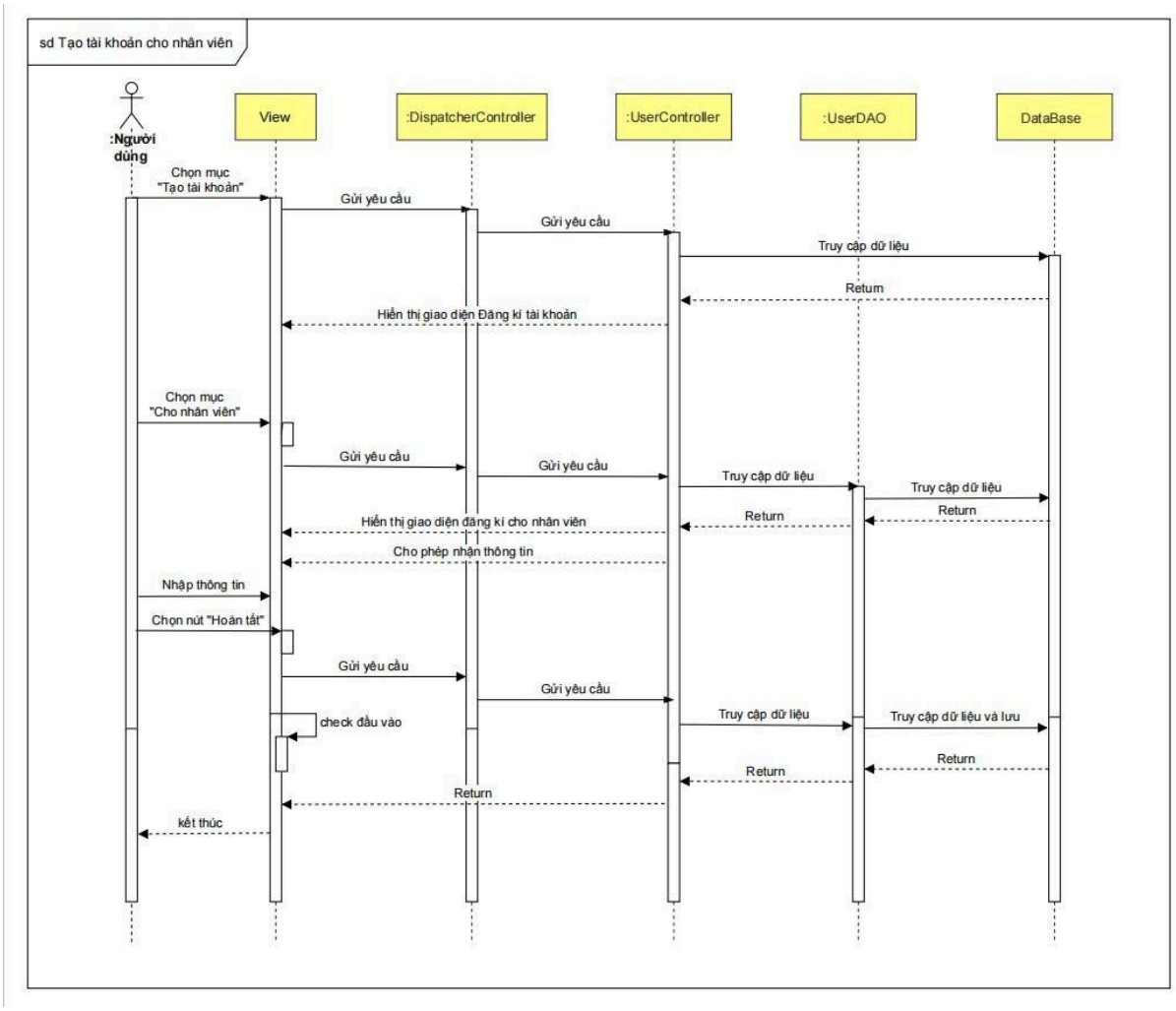
Hình 62 Sơ đồ tuần tự use case vận chuyển thuốc

3.4.29 Usecase xem hồ sơ



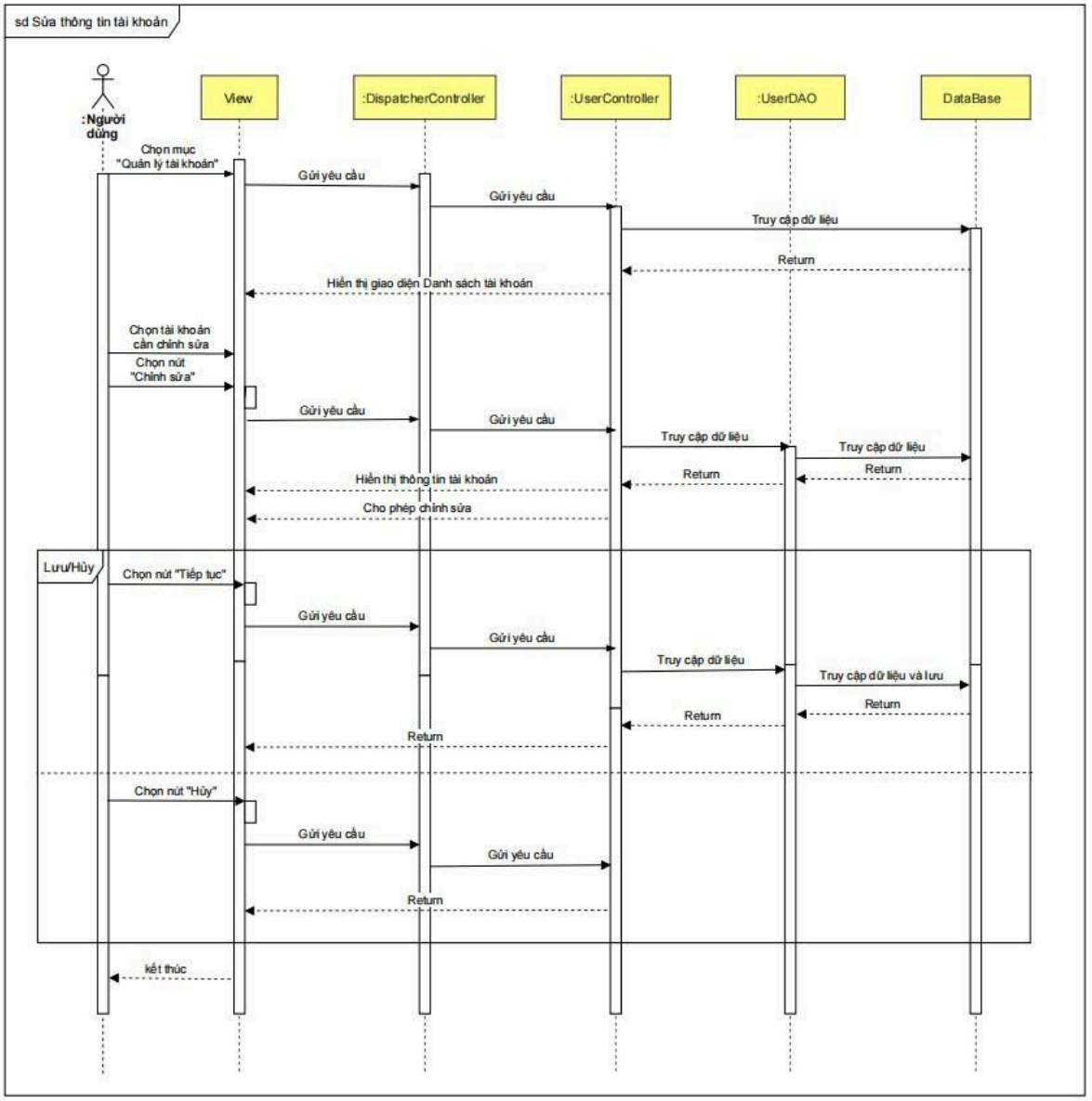
Hình 63 Sơ đồ tuần tự use case xem hồ sơ

3.4.30 Usecase tạo tài khoản cho nhân viên



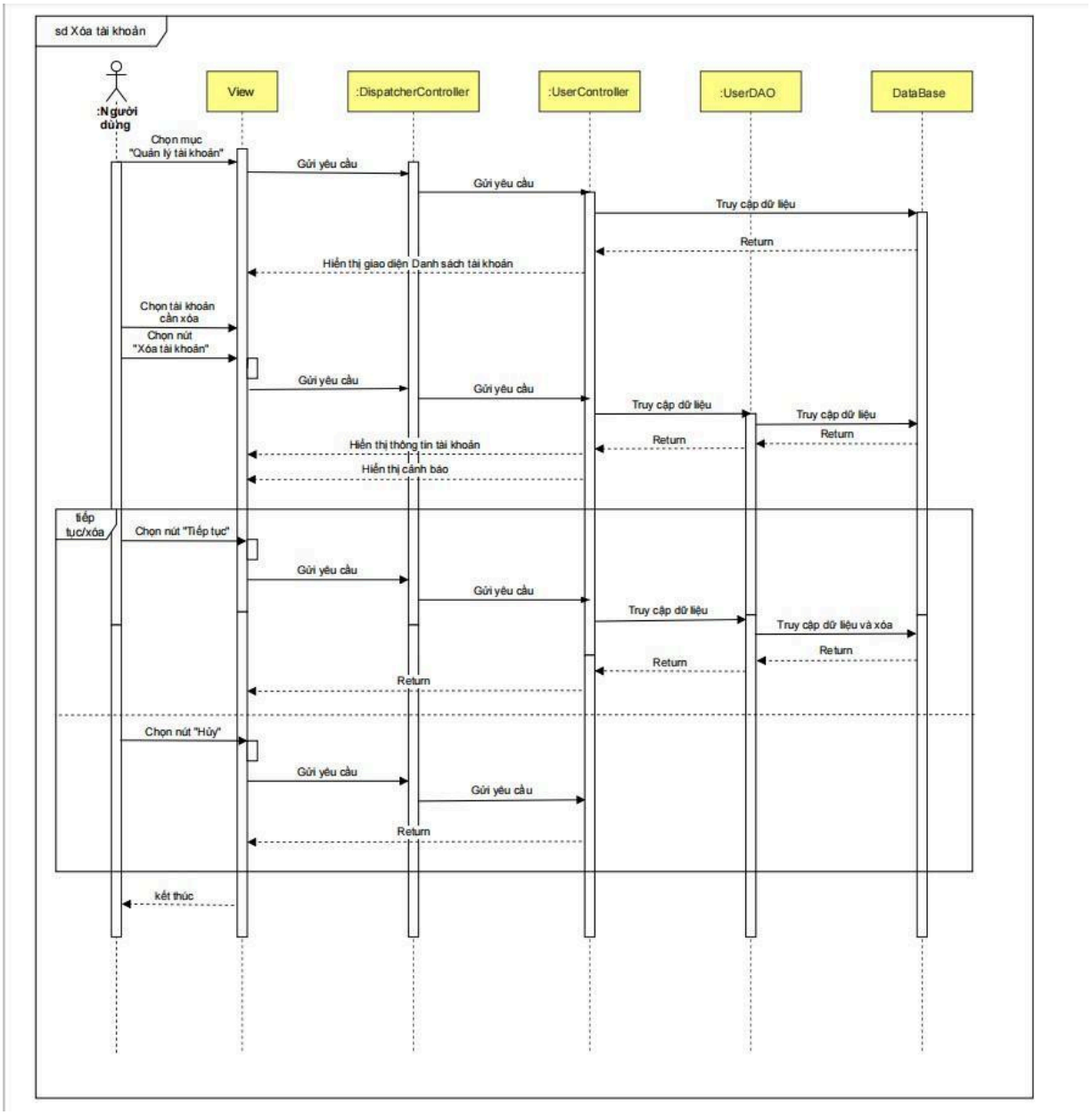
Hình 64 Sơ đồ tuần tự use case tạo tài khoản cho nhân viên

3.4.31 Usecase sửa thông tin tài khoản



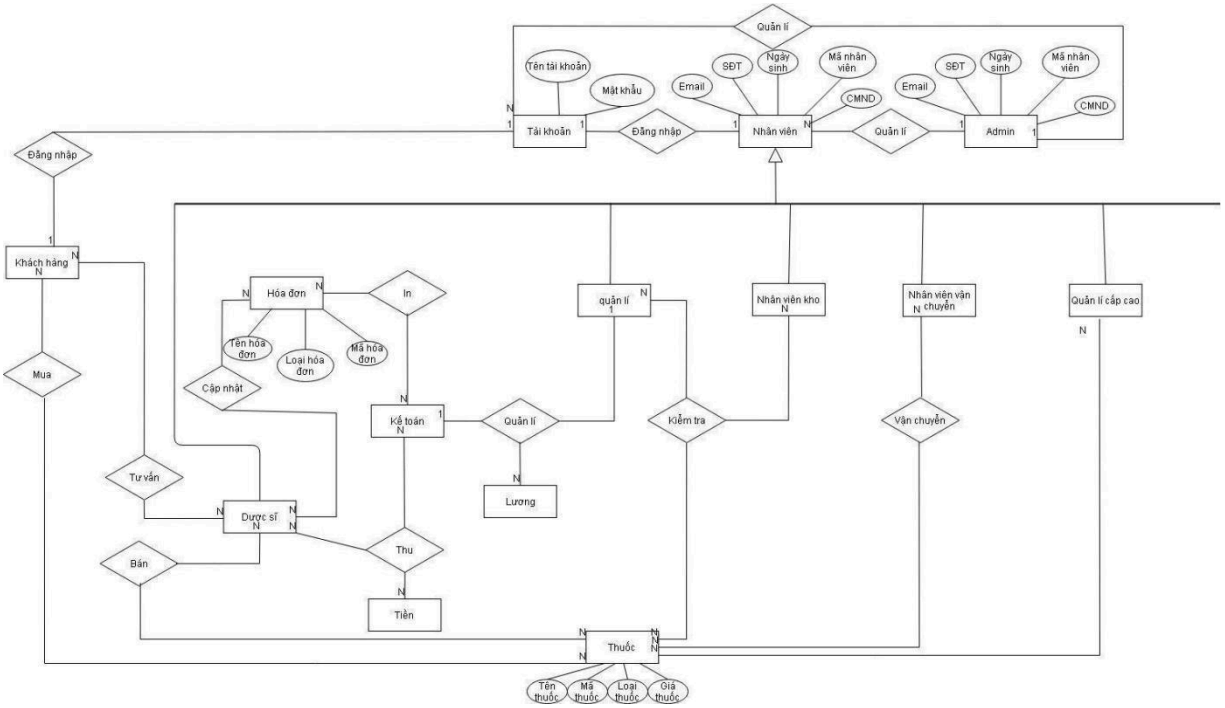
Hình 65 Sơ đồ tuần tự use case sửa thông tin tài khoản

3.4.32 Usecase xóa tài khoản



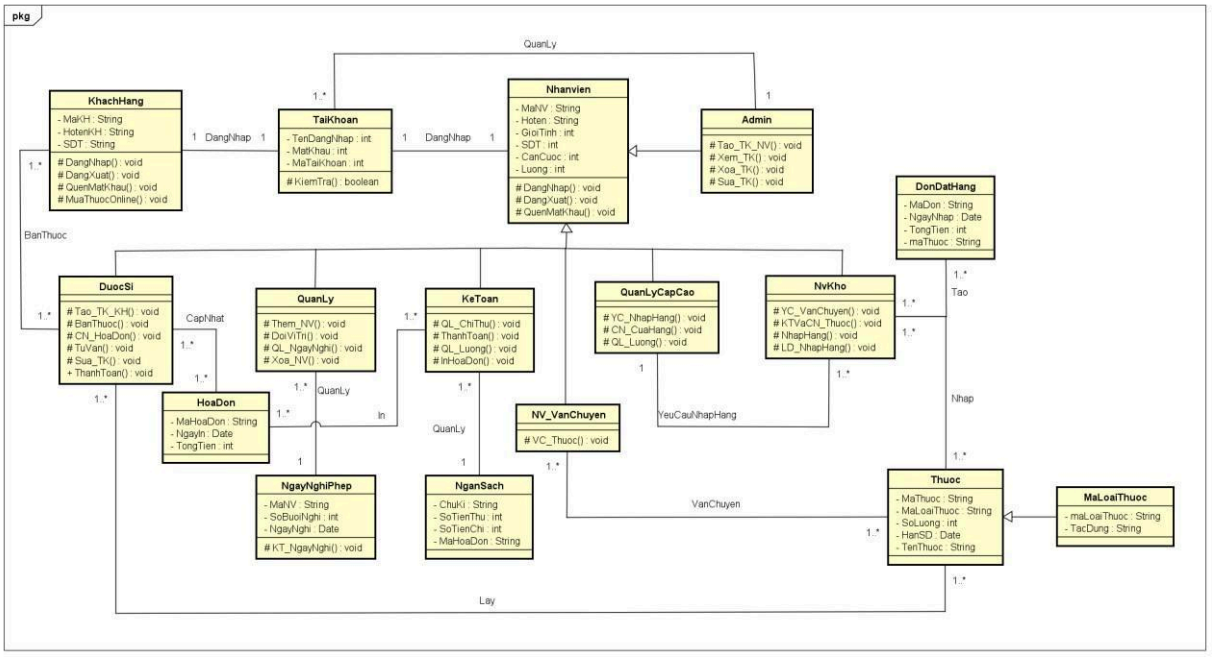
Hình 66 Sơ đồ tuần tự use case xóa tài khoản

3.5 Mô hình thực thể ERD



Hình 67 Mô hình thực thể ERD

3.6 Sơ đồ Class (Class Diagram)



Hình 68 Sơ đồ Class